

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG

**********

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA

DỰ ÁN CÔNG NGHỆ SANCHUANG

Địa chỉ: Lô D1, đường D6, KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Anh

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN



GIÁM ĐỐC
TRẦN PHÚ MỄ

HÀ NAM, THÁNG 07 NĂM 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH	6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên Chủ dự án đầu tư :	7
2. Tên dự án đầu tư :	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	8
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	13
4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị	13
4.2. Trong giai đoạn vận hành	14
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	17
5.1. Vị trí địa lý.....	17
5.2. Các hạng mục công trình của dự án	19
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án	22
5.4. Tiến độ, vốn đầu tư thực hiện dự án.....	23
5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện.....	24
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	26
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	26
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	26
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN	27
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	27
2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	27
3. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án	27
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	28
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	28

1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án liên quan đến chất thải	29
1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án không liên quan đến chất thải	31
1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố.....	32
2. Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....	32
2.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án liên quan đến chất thải	34
2.2. Biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải	46
2.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố	47
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	50
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	50
3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	51
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	52
4.1. Đánh giá về độ tin cậy của các đánh giá, dự báo	52
4.2. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá.....	52
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	54
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	54
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	54
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	54
1.3. Dòng nước thải.....	54
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải.....	54
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	55
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	55
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	55
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	55
2.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung	55
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép về quản lý chất thải.....	56
3.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh	56
3.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	57
3.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	57
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN.....	58
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	58
1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến.....	58

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	58
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	60
3. Chương trình giám sát khác.....	60
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	62
PHỤ LỤC	63

DANH MỤC VIẾT TẮT

BHLĐ	: Bảo hộ lao động
BQL	: Ban quản lý
BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
BXD	: Bộ xây dựng
BYT	: Bộ y tế
BTCT	: Bê tông cốt thép
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
GPMB	: Giải phòng mặt bằng
GPMT	: Giấy phép môi trường
KCN	: Khu công nghiệp
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TN&MT	: Tài nguyên và môi trường
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân
VSMT	: Vệ sinh môi trường
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản phẩm của dự án	12
Bảng 2. Dự kiến nhu cầu sử dụng vật liệu trong quá trình lắp đặt MMTB.....	14
Bảng 3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu	14
Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án	16
Bảng 5. Bảng cân bằng nước của toàn nhà máy.....	17
Bảng 6. Tọa độ vị trí khu vực thực hiện dự án.....	18
Bảng 7. Quy mô các hạng mục công trình đã xây dựng của nhà máy	19
Bảng 8. Danh mục máy móc, thiết bị chính của dự án.....	22
Bảng 9. Tiến độ thực hiện dự án	23
Bảng 10. Thông số thiết kế một số công trình đơn vị của hệ thống XLNT sinh hoạt.....	41
Bảng 11. Danh sách máy móc của hệ thống XLNT	42
Bảng 12. Danh mục và tiến độ thực hiện các công trình xử lý ô nhiễm môi trường kèm theo kinh phí dự kiến	50
Bảng 13. Mức độ tin cậy của các phương pháp	52
Bảng 14. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án.....	54
Bảng 15. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	56
Bảng 16. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung.....	56
Bảng 17. Danh mục các chất thải nguy hại đăng ký phát sinh.....	56
Bảng 18. Danh mục các chất thải công nghiệp thông thường đăng ký phát sinh	57
Bảng 19. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đăng ký phát sinh	57
Bảng 20. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	58
Bảng 21. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.....	59
Bảng 22. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ của nhà máy	60

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất quạt tản nhiệt máy tính	9
Hình 2. Sơ đồ sản xuất sản phẩm kết dính	10
Hình 3. Sơ đồ sản xuất bộ tản nhiệt.....	11
Hình 4. Vị trí dự án trong KCN Châu Sơn.....	18
Hình 5. Sơ đồ tổ chức thực hiện của Dự án.....	24
Hình 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy	36
Hình 7. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải.....	37
Hình 8. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	38
Hình 9. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn	38
Hình 10. Sơ đồ trạm xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy	40
Hình 11. Sơ đồ hệ thống thu gom, tuần hoàn nước làm mát.....	44

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên Chủ dự án đầu tư :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG

- Địa chỉ văn phòng: Lô D1, đường D6, KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

+ Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

Bà: Phạm Thị Phương Anh

Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Ngày sinh: 26/05/1998

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035198007553

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đôn, xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 0333220636

Email: ptpanh2605@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3721705517 chứng nhận lần đầu ngày 19 tháng 9 năm 2023 do Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700867599 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

2. Tên dự án đầu tư :

DỰ ÁN DỰ ÁN CÔNG NGHỆ SANCHUANG

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô D1, đường D6, KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức vốn đầu tư là 24.000.000.000 VND, thuộc nhóm C (dự án công nghiệp có tổng mức vốn đầu tư dưới 60 tỷ).

- Phân loại dự án theo tiêu chí về môi trường: loại hình sản xuất của dự án là sản xuất sản phẩm quạt tản nhiệt máy tính, sản phẩm kết dính, sản phẩm bộ tản nhiệt máy tính với công suất ổn định như sau:

+ Sản phẩm quạt tản nhiệt máy tính: 4.680.000 sản phẩm/năm.

+ Sản phẩm kết dính: 4.707.000 sản phẩm/năm.

+ Sản phẩm bộ tản nhiệt máy tính: 5.589.000 sản phẩm/năm

“Dự án Công nghệ Sanchuang” thuộc mục số 2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Căn cứ theo khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường, dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND Thành phố Phủ Lý. Tuy nhiên dự án nằm trong KCN Châu Sơn, căn cứ Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam, do đó dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam. Báo cáo đề nghị cấp giấy phép của dự án được viết theo mẫu Phụ lục IX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

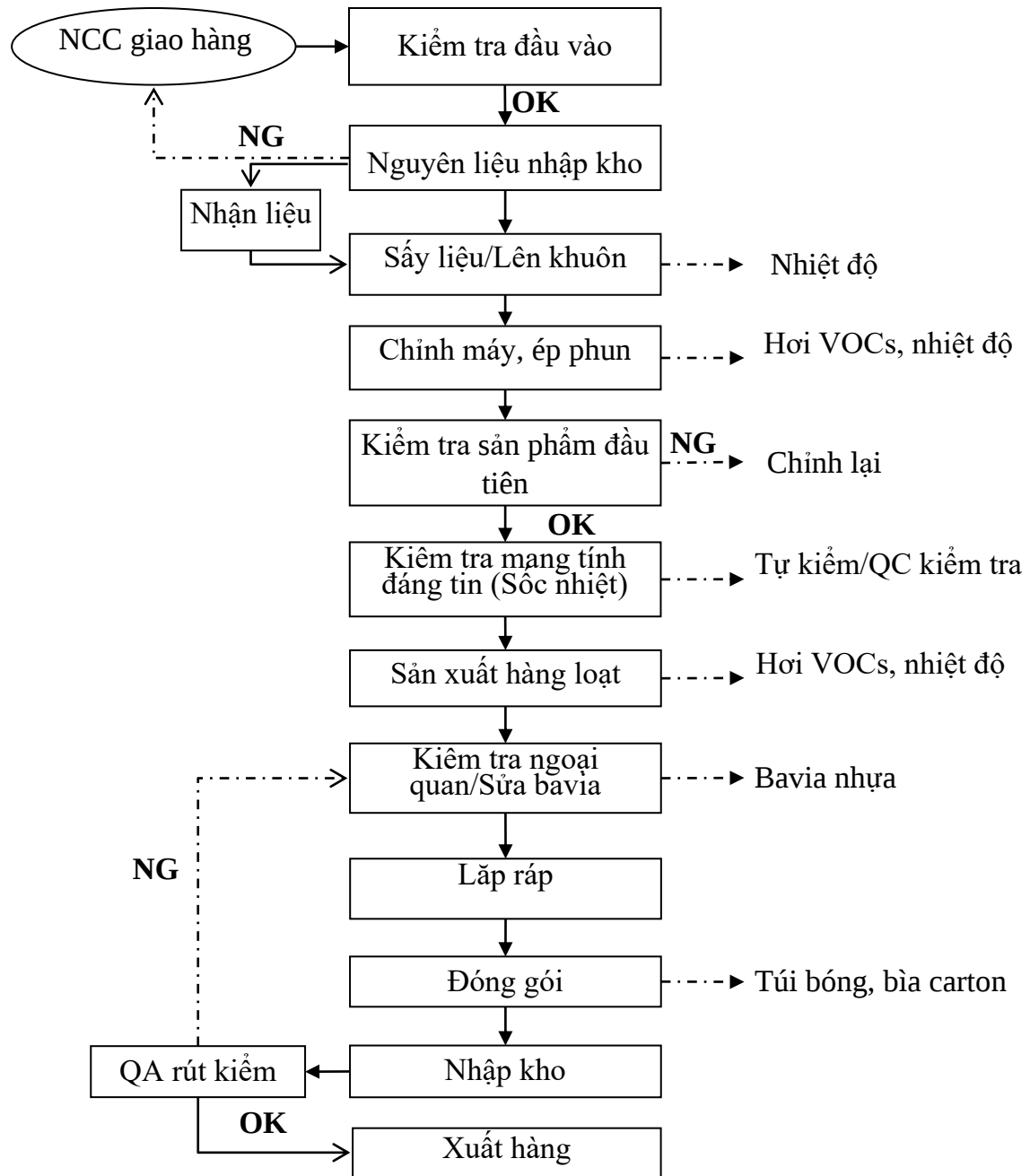
Mục tiêu của dự án là sản xuất sản phẩm quạt tản nhiệt máy tính, sản phẩm kết dính, sản phẩm bộ tản nhiệt máy tính với công suất ổn định như sau:

- + Sản phẩm quạt tản nhiệt máy tính: 4.680.000 sản phẩm/năm.
- + Sản phẩm bộ tản nhiệt máy tính: 5.589.000 sản phẩm/năm.
- + Sản phẩm kết dính: 4.707.000 sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

- Chủ dự án lựa chọn dây chuyền sản xuất với công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường, sản phẩm có chất lượng đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao về sản phẩm quạt tản nhiệt, bộ tản nhiệt của thị trường.

a. Sơ đồ công nghệ sản xuất quạt tản nhiệt máy tính



Hình 1. Sơ đồ công nghệ sản xuất quạt tản nhiệt máy tính

- **Bước 1:** Nhập và kiểm tra nguyên vật liệu: Nguyên liệu đầu vào được nhập khẩu và kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào sản xuất. Nguyên vật liệu gồm có: Hạt nhựa nguyên sinh;

- **Bước 2:** Nhận liệu: Phát liệu cho bộ phận sản xuất theo lệnh sản xuất.

- **Bước 3:** Sấy liệu, lên khuôn mẫu: Cho nguyên vật liệu đã nhận vào sấy theo nhiệt độ phù hợp, đảm bảo toàn bộ hạt nhựa được sấy khô trước khi đưa vào sản xuất. Đồng thời công nhân sẽ lên khuôn mẫu. Quy trình sấy được thực hiện trong thiết bị khép kín;

- **Bước 4:** Chinh máy, ép phun: Theo hành trình cài đặt, gia nhiệt nguyên liệu nhựa thành dạng lỏng, đưa vào khuôn đúc nhựa, làm lạnh, tách khỏi khuôn;

- **Bước 5:** Kiểm tra sản phẩm đầu tiên: Bộ phận kiểm tra xác nhận sản phẩm đạt sẽ cho sản xuất hàng loạt, nếu không đạt sẽ điều chỉnh lại máy trước khi sản xuất hàng loạt.

- **Bước 6:** Kiểm tra mang tính đáng tin cậy (sốc nhiệt): Kiểm tra sản phẩm bằng các loại máy, công cụ kiểm tra như thước kẹp kiểm tra kích thước sản phẩm, máy quang học, máy thử độ bền,...

- **Bước 7:** Sản xuất hàng loạt: sản xuất hàng loạt theo các thông số kỹ thuật đã cài đặt.

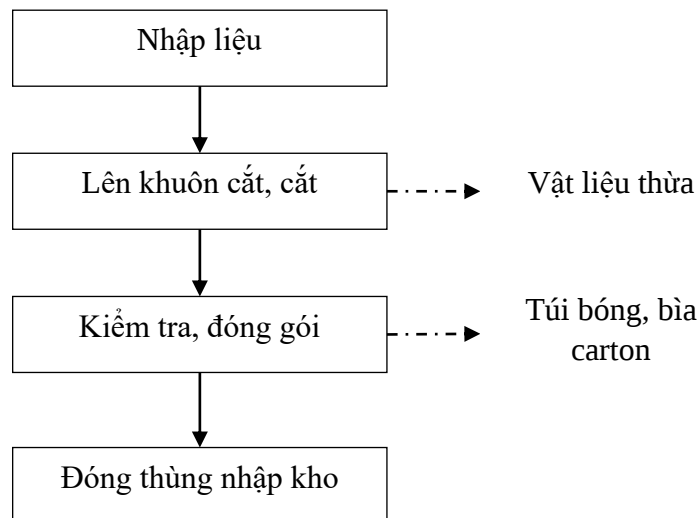
- **Bước 8:** Kiểm tra ngoại quan, sửa bavia: Kiểm tra ngoại quan sản phẩm, những sản phẩm có bavia thừa sẽ được gia công, cắt gọt để tạo bề mặt nhẵn cho sản phẩm.

- **Bước 9:** Lắp ráp: bán thành phẩm được công nhân lắp ráp bộ phận vỏ sắt, vỏ đồng vào tạo sản phẩm hoàn chỉnh.

- **Bước 10:** Đóng gói: Đóng thùng theo số lượng tiêu chuẩn;

- **Bước 11:** Nhập kho, xuất hàng: Cho sản phẩm nhập kho theo tiêu chuẩn lưu kho. Trước khi xuất hàng, bộ phận kiểm tra sẽ rút kiểm theo phần trăm, đạt tiêu chuẩn sẽ cho xuất hàng, không đạt tiêu chuẩn sẽ cho gia công và làm lại hàng.

b. Sơ đồ công nghệ sản xuất sản phẩm kết dính



Hình 2. Sơ đồ sản xuất sản phẩm kết dính

- **Bước 1:** Nhập và kiểm tra nguyên vật liệu: Kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào, chứng nhận chất lượng vật liệu, màu sắc vật liệu, kích thước độ dày của vật liệu.

- **Bước 2:** Lên khuôn cắt, cắt: Điều chỉnh độ rộng cửa vào của vật liệu theo tham số từng loại sản phẩm, điều chỉnh tốc độ cắt, điều chỉnh tốc độ băng tải, lực cán, công suất của máy, vận hành máy và cắt hình các sản phẩm kết dính theo yêu cầu.

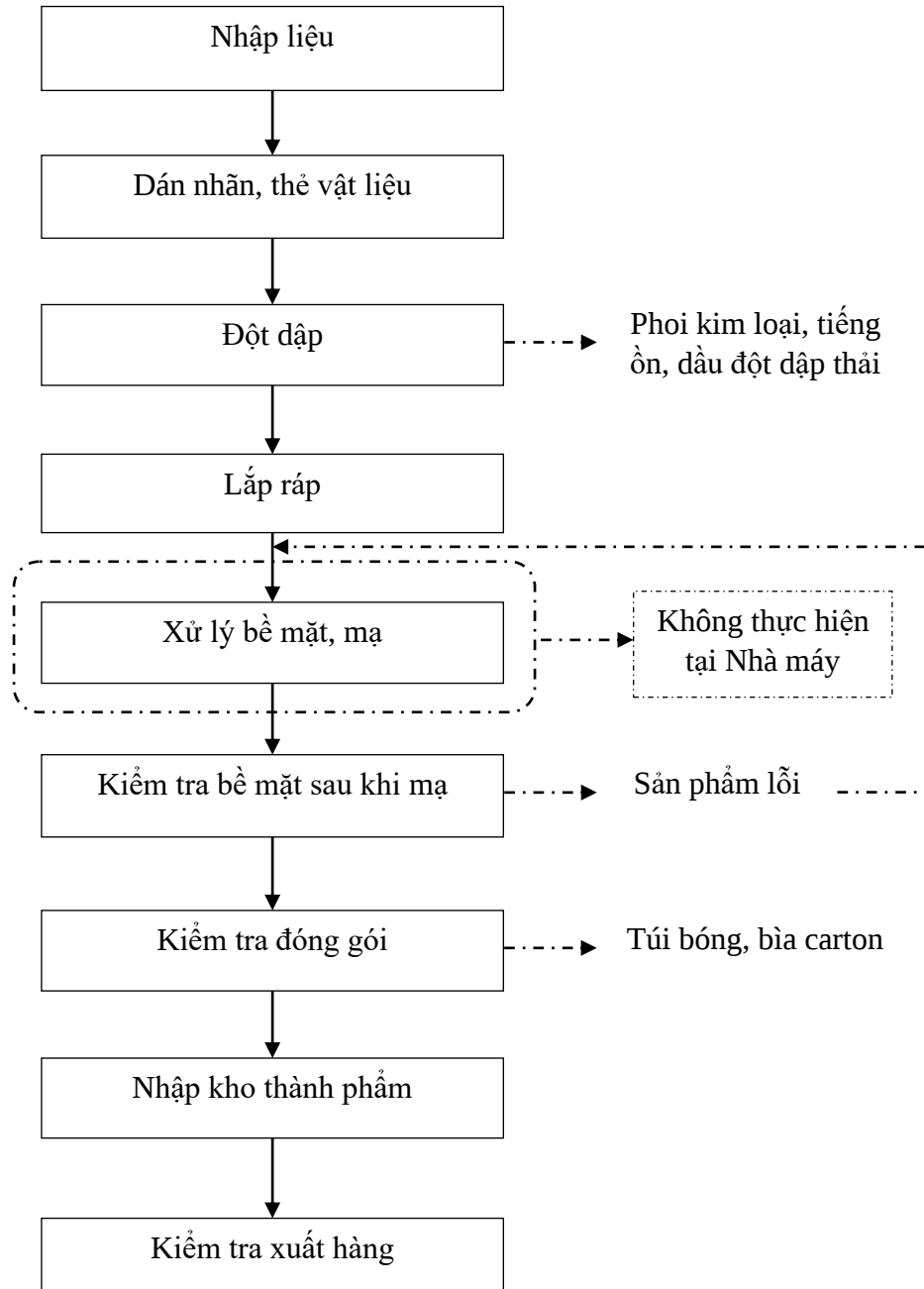
- **Bước 3:** Kiểm tra, đóng gói: Kiểm tra sản phẩm đầu tiên đạt cho sản xuất hàng

- **Bước 4:** Đóng thùng, nhập kho: Cho sản phẩm đã đóng gói vào đóng thùng, tiến hành nhập kho theo tiêu chuẩn nhập kho.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm đầu ra của Dự án là các sản phẩm quạt tản nhiệt máy tính, sản phẩm kết dính, sản phẩm bộ tản nhiệt máy tính.

c. Sơ đồ sản xuất bộ tản nhiệt



Hình 3. Sơ đồ sản xuất bộ tản nhiệt

- **Bước 1:** Nhập và kiểm tra nguyên vật liệu: Kiểm tra chứng nhận chất lượng, kiểm tra độ dày, chiều rộng, độ dẫn nhiệt, ngoại quan của vật liệu.

- **Bước 2:** Dán nhãn, thẻ vật liệu: Đối chiếu trọng lượng vật liệu với trọng lượng đơn giao hàng, dán nhãn dán thẻ vật liệu cho vào khu vực quy định trong kho.

- **Bước 3:** Đột dập: nguyên vật liệu được nhập từ kho sau đó đưa vào máy đột dập đã cài đặt sẵn bản vẽ. Máy đột dập được điều chỉnh độ cao, tốc độ dập, lực khí ép của máy dập và dập. Sản phẩm được kiểm tra kích thước, ngoại quan sản phẩm đầu tiên sau khi dập trước khi sản xuất hàng loạt, kiểm tra kết cấu sản phẩm.

- **Bước 4:** Lắp ráp: Lựa chọn khuôn, gá lắp ráp sản phẩm phù hợp, dựa theo bản vẽ kết cấu sản phẩm tiến hành lắp ráp sản phẩm sau đó tiến hành kiểm tra và đóng gói.

- **Bước 5:** Xử lý bề mặt và mạ: Đối với công đoạn này, chủ dự án sẽ không tự thực hiện tại Nhà máy mà sẽ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để thực hiện (được thuê tại Công ty TNHH Công nghiệp Phần cứng Hongda Việt Nam - Zhou Jiale khu vực Hà Đông - Hà Nội).

- **Bước 6:** Kiểm tra bề mặt sau khi mạ: Sản phẩm sau khi nhận từ nhà máy mạ điện sẽ được kiểm tra độ dày màng mạ, kiểm tra môi hàn, thí nghiệm Baige, kiểm tra độ bám dính của lớp phủ mạ điện bằng công cụ dưới ánh sáng đạt chuẩn.

- **Bước 7:** Kiểm tra, đóng gói: Kiểm tra ngoại quan, kết cấu, kiểm tra kích thước chiều dài, trọng lượng sản phẩm, đóng gói sản phẩm.

- **Bước 8:** Nhập kho: Kiểm tra số lượng nhập kho, nhập vào hệ thống ERP.

- **Bước 9:** Kiểm tra, xuất hàng: Rút kiểm, xuất hàng.

Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang:

Bảng 1. Sản phẩm của dự án

Tên sản phẩm	Số lượng	Hình ảnh minh họa
Sản phẩm kết dính	4.707.000 pcs/năm	

Tên sản phẩm	Số lượng		Hình ảnh minh họa
Sản phẩm bộ tản nhiệt máy tính	5.589.000 pcs/năm		 
Sản phẩm quạt tản nhiệt máy tính	Khung quạt	2.340.000 pcs/năm	
	Cánh quạt	2.340.000 pcs/năm	

Nguồn: Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị

4.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính được sử dụng trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. Dự kiến nhu cầu sử dụng vật liệu trong quá trình lắp đặt MMTB

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc
1	Các loại vật tư, thiết bị phụ trợ khác	Tấn	0,2	Hà Nam và các tỉnh lân cận
2	Dây chuyền máy móc, thiết bị	Tấn	100	Trung Quốc
Tổng		Tấn	100,2	

➤ Nhu cầu sử dụng điện

Điện năng sử dụng trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị được lấy từ trạm biến áp 630KVA đã xây dựng của Nhà máy. Tổng điện năng tiêu thụ trong giai đoạn này ước tính khoảng 50 KWh/ngày.

➤ Nhu cầu sử dụng nước

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, nước cấp chủ yếu cho hoạt động sinh hoạt của công nhân lắp đặt. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của mỗi công nhân trung bình khoảng 70 lít/người/ngày (theo TCXDVN 33-2006, áp dụng cho khu vực ngoại vi). Lượng công nhân tham gia lắp đặt, máy móc thiết bị trong giai đoạn này là 10 người. Khi đó, nhu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt là:

$$Q_{\text{cấp}} = 10 \times 0,07 = 0,7 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

4.2. Trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của nhà máy trong 01 năm dự kiến như sau:

Bảng 3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Nhựa: LCP (Polyeste); PBT (Polybutylene Terephthalate) (không chứa halogen); PPE (Polyphenylene ether); PPS (Polyethylen); PSU (Polysulfone)	Tấn/năm	117
2	Vỏ sắt	Chiếc/năm	2.340.000

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
3	Lõi đồng	Chiếc/năm	2.340.000
4	Hộp kim nhôm	Tấn/năm	560
5	Tấm xốp kết dính	Tấn/năm	142
6	Khay nhựa	Chiếc/năm	87.000
7	Vách ngăn hàng	Chiếc/năm	35.000
8	Gói hút ẩm	Gói/năm	40.000
9	Túi nilon	Tấn/năm	0,7
10	Thùng carton	Tấn/năm	15

Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư

4.2.2. Nhu cầu sử dụng điện

a) Nguồn cung cấp điện:

Nguồn điện cung cấp cho Nhà máy được lấy từ trạm biến áp 630 KVA của công ty từ đường dây điện hạ thế 35KV thuộc lưới điện chung của KCN Châu Sơn. Công ty đã hợp đồng mua điện của Điện lực Hà Nam.

b) Nhu cầu sử dụng điện:

Nhu cầu sử dụng điện của Nhà máy tương đối ổn định. Điện năng được sử dụng chủ yếu cho quá trình sản xuất và một phần dùng cho sinh hoạt.

Tổng nhu cầu sử dụng điện của nhà máy khi hoạt động ổn định 100% công suất là khoảng 91.000 KWh/tháng, tương đương 240.000 KWh/năm.

4.2.3. Nhu cầu sử dụng nước

a) Nguồn cung cấp nước:

Nguồn nước cấp cho hoạt động của Nhà máy được lấy từ hệ thống cung cấp nước sạch của KCN Châu Sơn. Nước sạch được đưa về bể chứa nước ngầm sau đó được phân phối bằng máy bơm đến các vị trí cần sử dụng.

b) Nhu cầu sử dụng nước:

❖ Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:

Theo thực tế hoạt động của Nhà máy hiện tại, lượng nước cấp sinh hoạt cho mỗi người là 50 lít/người/ngày.

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, tổng số cán bộ công nhân viên của nhà máy là 100 người. Khi đó, nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt là:

$$Q_{sh} = 100 \times 0,05 = 5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nhà máy không tiến hành nấu ăn mà sẽ đặt xuất cơm ngoài cho công nhân viên của Công ty. Do đó sẽ không có lượng nước cấp cho nhà bếp.

Như vậy tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt của nhà máy là: **5 m³/ngày**.

❖ Nước cấp cho hoạt động sản xuất:

Tại công đoạn ép nhựa tạo hình sản phẩm cần sử dụng nước làm mát khuôn nhằm giúp định hình nhanh sản phẩm. Ước tính lượng nước cấp cho quá trình làm mát khoảng **15 m³/ngày đêm**. Nước cấp cho quá trình làm mát được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài. Lượng nước bổ sung hằng ngày cho quá trình làm mát do bị hao hụt (bay hơi, thất thoát) trung bình khoảng **1 m³/ngày.đêm**.

❖ Nước phun, rửa đường, sân nội bộ:

Theo TCXDVN 33:2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu nước trung bình cho 1 lần rửa đường là 0,5 lít/m², tương đương 0,005 m³/m². Diện tích sân nội bộ là 1.008m². Trung bình mỗi ngày phun, rửa 01 lần. Lượng nước rửa đường 1 ngày:

$$Q_{\text{rửa đường}} = 0,0005 \times 1.008 = \mathbf{0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}}.$$

❖ Nước tưới cây:

Theo TCXDVN 33:2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu sử dụng nước trung bình cho 01 lần tưới cây là 4 lít/m², tương đương 0,004 m³/m². Diện tích xây xanh của Nhà máy là 995 m². Trung bình mỗi ngày tưới cây 01 lần. Lượng nước tưới cây trong một ngày:

$$Q_{\text{tưới cây}} = 0,004 \times 995 = \mathbf{3,98 \text{ m}^3/\text{ngày}}.$$

❖ Nước cấp cho phòng cháy chữa cháy:

Theo TCVN 2622: 1995, lưu lượng nước cấp cho một đám cháy đảm bảo ≥ 10 l/s và số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥ 1 . Dự án có diện tích < 150 ha nên theo TCVN 2622 ÷ 1995 thì nhu cầu dùng nước tính cho một đám cháy với lưu lượng 10 (l/s) trong 3h.

$$\text{Nhu cầu nước chữa cháy là: } W_{\text{cc1}}^{3\text{h}} = 0,01 \times 60 \times 60 \times 3 = 108 \text{ (m}^3\text{)}$$

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cấp của dự án như sau:

Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Mục đích	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Bổ sung hằng ngày (m ³ /ngày.đêm)
1	Nước dùng cho sinh hoạt	5	5
2	Nước dùng cho sản xuất	15	1
3	Nước tưới cây, rửa đường	4,48	4,48
Tổng cộng		24,48	10,48

Bảng cân bằng nước của toàn bộ nhà máy như sau:

Bảng 5. Bảng cân bằng nước của toàn nhà máy

TT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngđ)	Tuần hoàn, tái sử dụng (m ³ /ngđ)	Thất thoát (do ngấm, bay hơi) (m ³ /ngđ)	Xả thải (m ³ /ngđ)
1	Cấp cho sinh hoạt	5	0	0	5
2	Cấp cho sản xuất				
-	Quá trình làm mát	15	14	1	0
3	Tưới cây, rửa đường	4,48	0	4,48	0
Tổng cộng		24,48	14	5,48	5

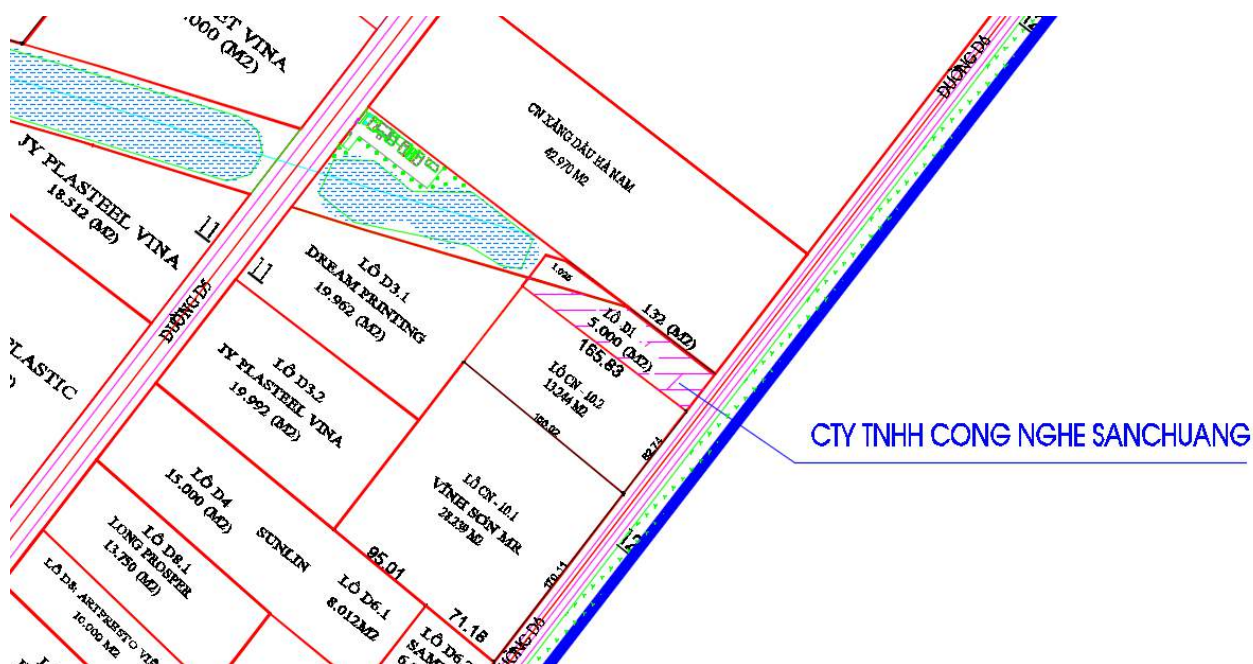
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

5.1. Vị trí địa lý

Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang nằm tại Lô D1, đường D6, KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tổng diện tích của dự án là: 5.000 m².

Vị trí tiếp giáp của Dự án như sau:

- Phía Đông Bắc: Giáp Công ty Cổ phần Xăng dầu Hà Nam;
- Phía Tây Bắc: Giáp phần đất của Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;
- Phía Đông Nam: Giáp đường nội bộ của KCN Châu Sơn (Đường D6);
- Phía Tây Nam: Giáp đất của KCN Châu Sơn.



Hình 4. Vị trí dự án trong KCN Châu Sơn

Tọa độ vị trí địa lý khu vực thực hiện dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6. Tọa độ vị trí khu vực thực hiện dự án

Điểm	Tọa độ VN-2000	
	X (m)	Y (m)
1	2269788,61	593494,86
2	2269770,79	593553,46
3	2269715,76	593626,01
4	2269686,71	593602,70
5	2269787,77	593471,22
6	2269794,08	593494,86

Nguồn: Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang

❖ *Khoảng cách tới khu dân cư và khu vực nhạy cảm về môi trường:*

(*) *Các đối tượng tự nhiên:*

- *Hệ thống đường giao thông:* Khu vực thực hiện Dự án có điều kiện giao thông thuận lợi để cung cấp nguyên liệu và vận chuyển sản phẩm.

- + Cách khoảng 300m về phía Tây Nam là đường chánh Quốc lộ 1A;
- + Cách khoảng 400m về phía Đông Bắc là ga Thịnh Châu;
- + Cách khoảng 2,6km về phía Đông là Quốc lộ 1A;
- + Cách khoảng 4,3km về phía Đông Bắc là ga Phủ Lý;
- + Cách khoảng 11km về phía Đông nam là cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

Ngoài ra, đường nội bộ trong khu công nghiệp đã cơ bản hoàn chỉnh nên việc vận chuyển tương đối thuận lợi. Các tuyến giao thông nội bộ được thiết kế xây dựng theo dạng bàn cờ với các trục chính theo hướng Đông Nam – Tây Bắc. Các tuyến đường xương cá vuông góc với các tuyến trục chính tạo rộng 24m giúp giao thông thuận tiện.

- *Hệ thống sông, suối, ao hồ:*

Cách khoảng 300m về phía Đông Nam là sông Đáy, cách khoảng 1,0 km về phía Tây Nam là sông Bùi.

Ngoài ra, xung quanh khu vực thực hiện Dự án còn có một số kênh mương nội đồng, mương tiêu thoát nước như kênh Ngòi Ruột.

- *Hệ khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên:*

Vị trí thực hiện Dự án nằm trong KCN Châu Sơn là KCN đã được quy hoạch của tỉnh Hà Nam nên dự án không nằm gần các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và các khu vực nhạy cảm khác về môi trường.

- Công trình văn hoá tôn giáo:

+ Cách khoảng 700m về phía Tây Nam là Nhà thờ giáo xứ La Mát;

+ Cách khoảng 1km về phía Tây Bắc là đền thờ bà Lê Chân;

+ Cách khoảng 5km về phía Đông Bắc là Nhà thờ giáo xứ Phủ Lý.

(*) Các đối tượng kinh tế, xã hội xung quanh dự án:

- Khu dân cư, khu đô thị: điểm tập trung dân cư gần dự án nhất là khu dân cư thuộc thôn Thịnh Châu, phường Châu Sơn khoảng 50m.

- Các đối tượng sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Do địa điểm thực hiện Dự án nằm trong KCN Châu Sơn nên xung quanh Dự án là các công ty, nhà máy, xí nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghiệp, chế biến lương thực thực phẩm, dệt may,... và các công ty dịch vụ khác như Công ty Dệt Hà Nam, Công ty JY Plasteel Vina, Công ty Dream Plastic, Công ty nông nghiệp Tâm Việt,...

5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn tại Lô D1, đường D6, KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tổng diện tích của dự án là: 5.000 m².

Hiện tại cơ sở hạ tầng đã được xây dựng hoàn thiện các hạng mục bao gồm: nhà xưởng, nhà văn phòng, trạm điện, trạm bơm, trạm xử lý nước thải và một số công trình phụ trợ khác.

Quy mô các hạng mục công trình của dự án đã xây dựng được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 7. Quy mô các hạng mục công trình đã xây dựng của nhà máy

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính				
1.	Nhà xưởng sản xuất	2.786	1	2.786	55,72
II	Hạng mục công trình phụ trợ				
2.	Nhà điều hành	133	1	133	2,66
3.	Nhà xe cán bộ	21	1	21	0,42
4.	Nhà xe công nhân	18	1	18	0,36
5.	Nhà trạm bơm PCCC	-	-	-	-

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
6.	Nhà bảo vệ	9	1	9	0,18
7.	Trạm biến áp treo (630kVA)	-	-	-	-
8.	Cổng chính	-	-	-	-
9.	Cổng phụ	-	-	-	-
III	Hạng mục các công trình bảo vệ môi trường				
10.	Nhà rác	15	1	15	0,3
11.	Bể xử lý nước thải	15	1	15	0,3
12.	Hệ thống thoát nước mưa	-	-	-	-
13.	Hệ thống thoát nước thải	-	-	-	-
IV	Tổng diện tích xây dựng (I+II+III)	2.997		2.997	59,9
V	Diện tích cây xanh	995			19,9
VI	Diện tích sân, đường	1.008			20,2
	Tổng	5.000			100

Nguồn: Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang

5.2.1.. Các hạng mục công trình chính

* Nhà xưởng:

- 01 tầng, diện tích 2.786m², bên ngoài xây tường gạch cao 3,0m và thưng tôn dày 0,35mm, cửa ra vào cửa đẩy tôn khung thép hộp 4,0x4,50m, cửa sổ cửa kính nhựa lõi thép 2,0x1,2m.

- Phần nền: Nền hoàn thiện lớp sơn Epoxy, lớp bê tông M250 dày 200mm, lớp base san lấp đầm chặt dày 30cm, đất tự nhiên đầm chặt.

- Phần móng: Móng của khu nhà xưởng sử dụng móng đơn BTCT M250 gia cố bởi cọc tre dài 2,0m, mật độ 25 cái/1m². Kích thước đài móng 1.600x1.400mm, 1.200x1.200mm, dầm móng 500x200mm. thép nhóm AI, AII. Bulong M27x750. Bu lông móng cấp bền 5.6.

- Kết cấu thân: 01 nhịp 30,0m và 07 bước cột 7,05m; khung nhà gồm:

+ Khung K1 cấu tạo: 01 nhịp 27m, cột chữ H: (350-700)x200x6x10, dầm chữ H: (350-700)200x6x10, 350x200x6x10.

+ Khung hồi K2 cấu tạo: cột chữ H: 300x150x6,5x9, 250x125x5,5x8, dầm chữ H350x150x6,5x9.

+ Tường gạch xây cao 3,2m, thưng tôn kết hợp với tấm nhựa lấy sáng composite bao che xung quanh, Xà gồ thưng C200x65x20x2,0, giằng đầu cột 2C200x65x20x1.8, giằng chéo cột cấp D12.

- Phần mái: Mái lợp tôn 3 lớp, mặt trên dày dày 0,45mm. Xà gồ mái C200x65x20x1.8mm, giằng xà gồ ty thép D12, giằng chéo mái D18.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

* Nhà văn phòng:

Nhà 01 tầng, kích thước mặt bằng hình chữ nhật 19mx7m, tường gạch xây bao che xung quanh; cửa đi, cửa sổ dùng cửa gỗ, cửa nhựa lõi thép, cửa kính cường lực, mái BTCT được lợp tôn chống nóng.

- Phần Nền: Nhà điều hành nền được hoàn thiện trên là lớp gạch lát Ceramic, dưới lớp vữa xi măng M50, lớp bê tông M100, cát tôn nền.

- Phần móng: Móng cọc, cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D350 ép sâu 36m. Đài cọc BTCT M250 kích thước mặt bằng 1.650x700mm, dầm móng tiết diện 220x500mm. Thép CI, CII.

- Phần thân: Kết cấu bằng khung BTCT M250, cột BTCT có kích thước tiết diện 300x220mm, 220x220mm; dầm BTCT có kích thước tiết diện 500x220mm, 350x220mm. Sàn BTCT liền khối dày 100mm.

- Phần mái: Mái BTCT M250 liền khối dày 100mm, kết hợp mái lợp tôn.

* Nhà bảo vệ:

01 tầng, kích thước mặt bằng 3mx3m, móng đơn BTCT M200, khung BTCT, mái BTCT M200 liền khối, trên lợp tôn dày 0,45mm chống nóng.

* Nhà để xe cán bộ:

01 tầng, kích thước mặt bằng nhà 7mx3m, khung thép, mái lợp tôn dày 0,45mm.

* Nhà để xe công nhân:

01 tầng, kích thước mặt bằng nhà 6mx3m, khung thép, mái lợp tôn dày 0,45mm.

- Các hạng mục khác: Bể nước; Trạm điện; Nhà điện.

5.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

* Nhà rác:

Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn đã xây dựng kho chứa chất thải với diện tích 15 m², chia làm 2 ngăn, có diện tích lần lượt là 10 m² và 5 m² tương ứng với từng loại CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Chiều cao đến đỉnh mái là 3,2m, mái lợp tôn dày 0,45mm.

*** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:**

+ Nước mưa trên mái: nước mưa được thu bằng máng, phễu thu và sau đó được thoát vào đường ống đứng PVC D75, 110 rồi chảy xuống hệ thống thoát nước mưa bề mặt.

+ Nước mưa chảy tràn: trên bề mặt được thu vào hệ thống hố ga và đường thoát nước ngoài nhà là các ống D400.

+ Nước mưa được đầu vào hố ga nước mưa hiện có, sau đó thải ra hệ thống thoát nước mưa của KCN (Vị trí đầu nối nước mưa được thể hiện tại bản vẽ thoát nước mưa).

*** Hệ thống thu gom, thoát nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích là 20 m³, sẽ theo đường ống PVC D200 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 7 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau hệ thống xử lý sẽ đạt Giới hạn tiếp nhận của KCN Châu Sơn sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN tại 1 điểm đầu nối.

*** Bể xử lý nước thải:**

Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn đã xây dựng hoàn thiện bể xử lý nước thải với kích thước mặt bằng là 5mx3m, xây gạch. Công suất của bể xử lý nước thải là 7 m³/ngày.đêm.

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của dự án

Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến công ty đầu tư lắp đặt phục vụ hoạt động sản xuất của dự án bao gồm:

Bảng 8. Danh mục máy móc, thiết bị chính của dự án

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy đúc nhựa	Cái	18	Trung Quốc	Mới 100%
2	Máy đúc loại nhỏ	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
3	Máy sấy nhựa	Cái	9	Trung Quốc	Mới 100%
4	Máy sung điện	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
5	Máy rửa khuôn	Cái	2	Trung Quốc	Mới 100%
6	Máy cắt bế	Cái	2	Trung Quốc	Mới 100%

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
7	Máy mài	Cái	2	Trung Quốc	Mới 100%
8	Máy tiện	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
9	Máy đồ đồng	Cái	6	Trung Quốc	Mới 100%
10	Máy đo cân bằng	Cái	2	Trung Quốc	Mới 100%
11	Máy đo lực kéo	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
12	Máy đo trọng lực	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
13	Máy khoan cầm tay	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
14	Máy mài nhỏ	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
15	Máy dập 45T	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
16	Máy dập 60T	Cái	1	Trung Quốc	Mới 100%
17	Máy làm phẳng	Cái	2	Trung Quốc	Mới 100%
18	Máy hút liệu	Cái	10	Trung Quốc	Mới 100%

Nguồn: Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang

5.4. Tiến độ, vốn đầu tư thực hiện dự án

❖ Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 9. Tiến độ thực hiện dự án

Nội dung	Thời gian			
	08-09/2023	10/2023	11/2023 - 01/2024	02/2024
Hoàn thiện thủ tục môi trường				
Lắp đặt máy móc thiết bị				
Vận hành thử nghiệm các công trình BVMT				

Nội dung	Thời gian			
	08-09/2023	10/2023	11/2023 - 01/2024	02/2024
Sản xuất ổn định				

❖ **Vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.022.000 USD (Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đô la Mỹ) tương đương 24.000.000.000 VND (Hai mươi tư tỉ đồng Việt Nam).

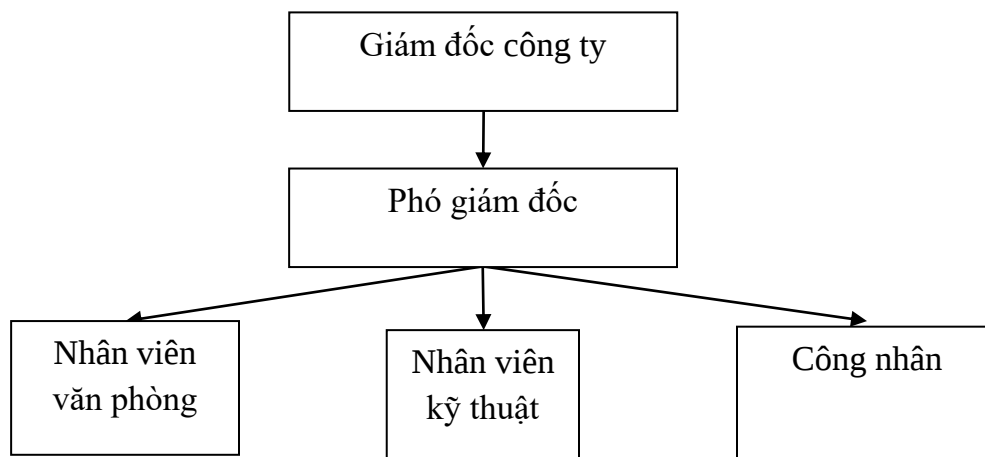
Trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 204.000 USD

+ Vốn huy động: 818.000 USD tương đương với 19.200.000.000 VND, tiền độ góp vốn trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư (đến tháng 6/2025), tiền độ giải ngân theo nhu cầu sử dụng vốn. Dự kiến vay tín dụng ngân hàng BIDV.

5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện

- Tổ chức nhân sự: Tổ chức nhân sự của nhà máy bao gồm Ban giám đốc và bộ phận sản xuất, bộ phận văn phòng. Trong đó giám đốc là người chịu trách nhiệm quản lý và xử lý toàn bộ các hoạt động của nhà máy.



Hình 5. Sơ đồ tổ chức thực hiện của Dự án

- **Nguồn nhân lực:**

+ Khi đi vào vận hành 100% công suất, dự kiến sẽ có 100 người.

+ Bộ phận chuyên trách môi trường:

o Quản lý môi trường: 01 người, trình độ đại học;

o Vận hành hệ thống xử lý nước thải: 01 người, trình độ trung cấp, cao đẳng;

o Vệ sinh môi trường nhà máy: 01 người, trình độ phổ thông;

+ Lao động địa phương sẽ được ưu tiên tuyển dụng vào làm việc tại công ty. Trong giai đoạn đầu tiên, những vị trí quan trọng mà lao động trong nước không thể bảo đảm nhiệm vụ được thì sẽ được công ty đào tạo cho lực lượng lao động kế thừa.

+ Toàn bộ lao động của nhà máy được làm việc trong môi trường tốt, phù hợp với các quy định của luật lao động và luật môi trường. Nhà máy sẽ cố gắng cung cấp những điều kiện làm việc tốt nhất, thuận lợi nhất cho người lao động.

+ Doanh nghiệp sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật về các vấn đề liên quan đến lao động và hợp đồng lao động.

- *Chế độ lao động:*

+ Nhà máy thực hiện chế độ lao động theo quy định của luật lao động Việt Nam các chỉ tiêu cơ bản như sau:

+ Số ngày làm việc trong năm: 300 ngày/năm

+ Số giờ làm việc: 8 tiếng/ngày

Nếu do nhu cầu tiến độ công việc, Công ty tổ chức làm việc ngoài giờ hoặc các ngày nghỉ, lương nhân viên sẽ được tính tăng lương (làm vào ngày nghỉ) theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam và được thông báo trước để sẵn sàng làm việc.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Địa điểm thực hiện dự án là KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã được đồng bộ hóa về cơ sở hạ tầng cũng như các dịch vụ phục vụ phát triển của các doanh nghiệp đầu tư vào KCN. Các hạng mục công trình trong khuôn viên nhà máy được bố trí hợp lý, thuận tiện cho các hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa trong Nhà máy; nhà chứa rác thải được bố trí cách xa khu vực văn phòng và xây dựng đúng theo tiêu chuẩn để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực làm việc cũng như sản xuất trong công ty. Cổng của Nhà máy nằm tại phía đường giao thông chính của KCN và nhà để xe công nhân viên được bố trí ngay gần cổng ra vào giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của công nhân trong công ty.

Như vậy địa điểm thực hiện dự án của Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường của KCN Châu Sơn nói riêng và tỉnh Hà Nam nói chung.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án Công nghệ Sanchuang được thực hiện tại Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án sẽ được thu gom và chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN và đưa về hệ thống XLNT tập trung của KCN Châu Sơn để xử lý.

- Đánh giá hiện trạng Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Châu Sơn:

+ Hiện nay, toàn bộ lượng nước thải phát sinh của toàn bộ các nhà máy hoạt động trong KCN Châu Sơn đều được thu gom bằng hệ thống đường ống thoát nước thải chung của KCN và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.900m³/ngày đêm của KCN Châu Sơn để xử lý.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.900 m³/ngày đêm. Nước thải sau khi được xử lý đạt chất lượng nước Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

+ Hiện nay, Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.900 m³/ngày đêm của KCN Châu Sơn đang hoạt động ổn định với công suất khoảng 70%. Vì vậy, Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận nước thải của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,0).

Tổng lượng nước thải của dự án “*Dự án Công nghệ Sanchuang*” phát sinh tại thời điểm cao nhất là 7 m³/ngày đêm.

→ Vậy khi dự án *Dự án Công nghệ Sanchuang* hoạt động ổn định thì Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.900 m³/ngày đêm của KCN Châu Sơn đủ đảm bảo khả năng tiếp nhận và khả năng xử lý tổng lượng nước thải phát sinh của Dự án đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành.

CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

“Dự án Công nghệ Sanchuang” được thực hiện trong Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Do vậy, dự án không phải thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường khu vực nơi thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 28, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

“Dự án Công nghệ Sanchuang” được thực hiện tại KCN Châu Sơn. Nước thải phát sinh tại dự án gồm có nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt cụ thể:

+ Nước mưa của dự án được thu gom sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Châu Sơn rồi thoát ra kênh Thịnh Châu sau đó chảy ra sông Đáy.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sẽ được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn. Nước thải được đưa về hệ thống XLNT tập trung của KCN Châu Sơn để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

→ Môi trường tiếp nhận nước thải sinh hoạt của dự án là trạm XLNT tập trung của KCN Châu Sơn.

* Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn:

- Công suất 2.900 m³/ngày đêm.

- Chức năng: Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại KCN Châu Sơn.

Dự án “Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Châu Sơn mở rộng – tỉnh Hà Nam” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định phê duyệt số 1693/QĐ-BTNMT cấp ngày 28/5/2018. Do đó trong phạm vi Giấy phép môi trường này sẽ không phải tiến hành đánh giá về đặc điểm tự nhiên, chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải khu vực thực hiện dự án.

3. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

“Dự án Công nghệ Sanchuang” được thực hiện trong Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Do vậy, dự án không phải thực hiện đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường khu vực nơi thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 28, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp GPMT của “Dự án Công nghệ Sanchuang”, Các hạng mục công trình của dự án đã được Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn xây dựng hoàn thiện. Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang sẽ sử dụng các hạ tầng cơ sở, nhà xưởng hiện có, không cần phải tiến hành tháo dỡ hay xây dựng thêm mà chỉ lắp đặt máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất.

Trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị cho đến khi dự án đi vào hoạt động ổn định không thể tránh khỏi những tác động nhất định đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội. Do đó, việc đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án là rất cần thiết, giúp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, hạn chế các tác động tiêu cực tới môi trường.

Việc đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được xem xét theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị (1 tháng).
- Giai đoạn vận hành thương mại.

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

Nguồn gây tác động đến môi trường chính liên quan đến chất thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị như sau:

Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân thi công xây dựng (khoảng 10 người) với lưu lượng khoảng: 0,7 m³/ngày.đêm. Thành phần: chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.
- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,22 m³/s. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

Khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn kim loại. Thành phần chủ yếu: khói hàn, CO, NO_x.
- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO_x, NO_x, CO....

Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị ước tính khoảng 40 kg với thành phần chủ yếu là vỏ thùng, hộp (gỗ, carton), túi nilon, mảnh vụn từ

việc khoan cắt sắt thép vụn.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân lắp đặt ước tính khoảng 5 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, chai lọ, vỏ hộp, ...

- Hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị phát sinh CTNH khoảng 6 - 9 kg. Thành phần chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu, đầu mẫu que hàn, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu mỡ thải, bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại.

Các tác động khác không liên quan đến chất thải

- Tác động do tiếng ồn, độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị, hoạt động giao thông ra vào Nhà máy của công nhân và quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, sự va chạm của máy móc thiết bị.

- Tác động đến tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông.

- Tác động đến hoạt động của các công ty xung quanh.

- Tác động đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật.

- Tác động do rủi ro, sự cố: sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ...

Đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân tham gia lắp đặt; một số công ty đang hoạt động xung quanh khu vực dự án và những người dân sống xung quanh khu vực dự án. Chủ dự án đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án liên quan đến chất thải

1.1.1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Điều phối các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy hợp lý.

- Không chở máy móc, thiết bị quá trọng tải của xe.

- Áp dụng biện pháp phun tưới nước bề mặt đường từ cổng chính ra vào đến tại khu vực thuê nhà xưởng của Nhà máy để giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy.

- Yêu cầu nhà cung cấp lắp đặt dây chuyền không vận chuyển máy móc thiết bị trong các giờ cao điểm để hạn chế ảnh hưởng giao thông đi lại trong khu vực.

- Thường xuyên quét dọn và thu gom bụi 2 lần/ngày trong quá trình khoan cắt, lắp đặt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn, che chắn khu vực

hàn nhằm hạn chế tác động do quá trình hàn gây ra đối với khu vực xung quanh.

1.1.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

a) Đối với nước thải sinh hoạt

Theo tính toán, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong thời gian lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị của công nhân tham gia lắp đặt là khoảng 0,7 m³/ngày.

Trong thời gian lắp đặt, các công nhân tham gia thi công lắp đặt tại dự án sẽ sử dụng nhà vệ sinh hiện có của nhà xưởng được thuê lại, do Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn xây dựng. Nước thải từ 02 nhà vệ sinh được xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn.

Ngoài ra, thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Đảm bảo nguyên tắc không gây trở ngại, không gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước thải của Nhà máy hiện tại và hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn.

b) Đối với nước mưa chảy tràn

Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn đã xây dựng mạng lưới thu gom và thoát nước mưa hoàn chỉnh. Do đó, nước mưa chảy tràn trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị của dự án sẽ được thu gom và tiêu thoát bằng hệ thống tiêu thoát nước mưa hiện có. Vì vậy, trong giai đoạn này, biện pháp giảm thiểu ứ đọng nước mưa là:

- Không tập trung máy móc, thiết bị gần các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rò rỉ vào đường thoát nước mưa.
- Thu gom triệt để rác thải sinh hoạt, không để rác thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa, tránh gây tắc nghẽn đường thoát nước chung.
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không chất thải xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

1.1.3. Các biện pháp quản lý chất thải rắn

Thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Thông tư 02:2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và phế thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.
- Bố trí 01 thùng loại 100 lít để chứa CTR sinh hoạt và 01 thùng loại 100 lít để chứa chất thải rắn phát sinh trong quá trình lắp đặt trong nhà máy.
- Thu gom tất cả các loại chất thải rắn phát sinh, chuyển tới khu vực chứa chất thải hiện có của công ty.

- Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

1.1.4. Các biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được quản lý theo quy định tại Thông tư 02:2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị thi công thực hiện các công việc sau:

- Tiến hành phân loại đối với từng loại CTNH phát sinh: giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, que hàn, bóng đèn, bao bì thải để trong 5 thùng chứa riêng biệt, loại 50 lít.

- Các thùng lưu giữ CTNH đúng quy cách như: phân biệt màu sắc, có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo nguy hiểm theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý CTNH sẽ có đầy đủ năng lực và đã được cơ quan QLNN cấp phép hành nghề quản lý CTNH.

1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án không liên quan đến chất thải

1.2.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Tiếng ồn là nguồn phát sinh không tránh khỏi và khó kiểm soát trong hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị. Các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động này như sau:

- Lên kế hoạch điều động xe ra vào hợp lý nhằm hạn chế tiếng ồn cộng hưởng vào thời gian cao điểm.

- Không sử dụng các loại máy móc cũ, lạc hậu, có độ ồn cao gây ảnh hưởng tới công nhân thi công.

- Không tiến hành lắp đặt các hạng mục sau giờ hành chính đặc biệt trong giờ nghỉ của công nhân, người dân.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cho công nhân thi công lắp đặt.

- Sử dụng và bảo dưỡng thiết bị định kỳ; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất, tránh gây ảnh hưởng tới các đối tượng xung quanh.

1.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông

- Xây dựng và ban hành các nội quy về giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, nếp sống văn hóa.

- Tổ chức đội bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự.
- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương để giữ gìn an ninh trật tự.
- Tuyên truyền, giáo dục lái xe ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ.

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố

1.3.1. Đối với sự cố tai nạn lao động

Chủ dự án và nhà thầu thi công sẽ áp dụng các giải pháp sau để phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động:

- Kiểm tra tình trạng hoạt động của các loại phương tiện, máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, bảo dưỡng các máy móc thiết bị.
- Yêu cầu công nhân vận hành máy móc tuyệt đối tuân thủ theo quy trình, thao tác vận hành của máy móc.
- Trang bị bảo hộ lao động cho các công nhân tham gia thi công.
- Thực hiện theo các nội quy về an toàn lao động.
- Lập phương án phù hợp để xử lý khi xảy ra tai nạn lao động.

1.3.2. Đối với sự cố cháy nổ, chập điện

Để hạn chế đến mức thấp nhất những sự cố xảy ra trong hoạt động thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị dẫn đến sự cố môi trường, Nhà máy sẽ áp dụng các giải pháp kỹ thuật cũng như nâng cao năng lực quản lý, cụ thể như sau:

- Lắp đặt thiết bị báo cháy, chữa cháy theo đúng các tiêu chuẩn quy phạm (TCVN 2622 - 95) tại khu vực có nguy cơ cháy nổ.
- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (aptomat bảo vệ ngắn mạch và ngắn mạch chạm đất..).
- Định kỳ kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat..) và có biện pháp thay thế kịp thời.
- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân và đơn vị vi phạm.

2. Đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

Nguồn gây tác động đến môi trường chính liên quan đến chất thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị như sau:

Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân làm việc tại Nhà máy (100 người) với

lưu lượng khoảng: 5 m³/ngày.đêm. Thành phần: chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước làm mát từ quá trình ép phun nhựa: được tuần hoàn, tái sử dụng 100% cho quá trình làm mát (không thải ra môi trường bên ngoài).

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,22 m³/s. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

Khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của dự án. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO_x, NO_x, CO....

- Hơi nhựa từ quá trình ép phun nhựa: Do nguyên liệu đầu vào của nhà máy là nhựa nguyên sinh LCP (Polyeste), LBT (Polybutylene Terephthalate) nên khi gia nhiệt, làm nóng chảy loại nhựa này có thể phát sinh các hợp chất hữu cơ bay hơi VOCs (Benzen, Toluen, Styren, Propylen Oxit);

- Mùi hôi từ hệ thống thoát nước thải và mùi từ khu vực lưu trữ rác thải.

Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Dự án ước tính khoảng 1,3 tấn/năm với thành phần chủ yếu bao gồm: sắt, đồng phế liệu không chứa thành phần nguy hại, hộp bao bì carton, giấy photo, nilon, nhựa, găng tay không dính dầu mỡ, quần áo bảo hộ thải bỏ, phế liệu không chứa thành phần độc hại, bavia nhựa thải không chứa thành phần nguy hại....

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân lắp đặt ước tính khoảng 50 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, chai lọ, vỏ hộp, ...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của dự án ước tính khoảng 383 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, vỏ can thùng đựng dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ thải; phoi, mặt kim loại dính dầu.

Các tác động khác không liên quan đến chất thải

- Tác động do tiếng ồn, độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị, hoạt động giao thông ra vào Nhà máy của công nhân và quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, sự va chạm của máy móc thiết bị.

- Tác động đến tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông.

- Tác động đến hoạt động của các công ty xung quanh.

- Tác động đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật.

- Tác động do rủi ro, sự cố: sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố của hệ thống xử lý chất thải, sự cố ngộ độc thực phẩm...

Đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân tham gia sản xuất tại dự án; một số công ty đang hoạt động xung quanh và những người dân sống xung quanh khu vực dự án. Chủ dự án đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

2.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án liên quan đến chất thải

2.1.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ các phương tiện GTVT

Ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải mang tính phân tán, khó tập trung để xử lý. Các biện pháp để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải được thực hiện như sau:

- Phân công nhân viên vệ sinh quét đường, thu gom rác trong phạm vi nhà máy tối thiểu 1 lần/ngày.

- Lập kế hoạch điều động các xe chở nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào nhà máy hợp lý, khoa học.

- Tưới nước bề mặt đường nội bộ của nhà máy để giảm bụi với tần suất 1 lần/ngày (vào những ngày nắng). Công tác tưới nước do các nhân viên VSMT của nhà máy thực hiện.

- Đối với các phương tiện vận chuyển:

+ Các phương tiện giao thông khi đi vào đường nội bộ của công ty yêu cầu với tốc độ 5 km/h; không cho xe nổ máy khi đang giao nhận hàng;

+ Sử dụng nguyên liệu đúng với thiết kế của động cơ. Các phương tiện vận chuyển đúng tải trọng, giảm tốc độ trong khuôn viên nhà máy. Các phương tiện được sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ, kiểm định an toàn của các cơ quan chức năng.

b) Bụi, khí thải, hơi hữu cơ phát sinh tại công đoạn ép phun nhựa lấy sản phẩm ra khỏi máy đúc nhựa

Trong dây chuyền sản xuất sản phẩm của nhà máy, tại công đoạn ép nguyên liệu nhựa, nhà máy sử dụng hạt nhựa nguyên sinh để gia nhiệt nóng chảy nhựa tạo thành sản phẩm theo khuôn. Quá trình gia nhiệt sử dụng máy ép hiện đại, có độ tự động hóa cao, do đó phát sinh rất ít khí thải. Bên cạnh đó, chủ dự án sẽ kết hợp biện pháp thông thoáng nhà

xưởng tự nhiên với sử dụng quạt hút nhằm giảm thiểu tác động của hơi nhựa tại khu vực làm việc.

Số lượng quạt hút tại khu vực ép nhựa là 8 chiếc.

* *Thông số kỹ thuật của quạt hút:*

- + Công suất tiêu thụ điện: 1,1 KW.
- + Lưu lượng thông gió: 44.000 m³/h.
- + Tốc độ quay: 427 vòng/phút.
- + Điện áp: 220V/380V.
- + Tiết diện quạt: 1.380m x 1.380m.
- + Xuất xứ: Trung Quốc.

c) Biện pháp giảm thiểu mùi từ khu vực lưu trữ rác thải

- Chất thải phát sinh sẽ được công nhân thu gom hằng ngày, tập kết vào đúng nơi quy định sau giờ làm. Đội vệ sinh có trách nhiệm thu gom rác thải để mang đến nơi tập kết đã quy định.

- Điểm tập kết rác thải được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khác của dự án.

- Thường xuyên dọn vệ sinh sạch sẽ nơi lưu trữ rác thải.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển rác thải tại địa phương để vận chuyển, xử lý rác thải với tần suất 2 ngày/lần, tránh việc lưu trữ rác thải trong thời gian dài.

f) Các biện pháp khác

Ngoài các biện pháp kỹ thuật trên, để giảm thiểu tác động đến người lao động và môi trường, công ty sẽ thực hiện biện pháp thông gió tự nhiên kết hợp thông gió cưỡng bức cho nhà xưởng.

Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống quạt thông gió phía trên mái nhà và qua các cửa sổ phía bên cạnh nhà xưởng. Không khí bên trong nhà xưởng được quạt hút ra từ một phía và không khí từ bên ngoài được đưa vào nhà xưởng. Nhờ quá trình trao đổi gió cưỡng bức trên, không khí bên trong nhà xưởng sẽ được hút đẩy ra ngoài và phát tán nhanh vào môi trường không khí xung quanh.

Đối với khu vực nhà ăn, Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn cũng đã lắp đặt các quạt thông gió để hút mùi thông thoáng tại khu vực này.

2.1.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

Nhìn chung, trong hoạt động của Nhà máy các yếu tố có thể gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh khu vực nhà máy bao gồm:

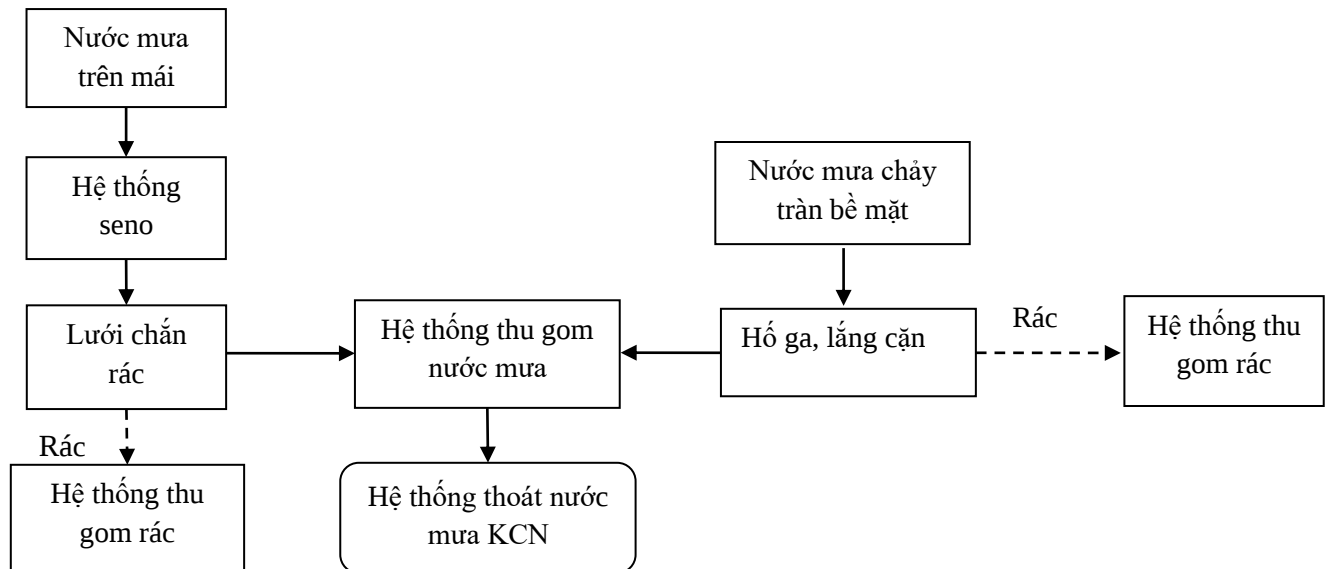
- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ mặt bằng của nhà máy;
- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.
- Nước làm mát từ quá trình ép phun nhựa.

Biện pháp để không chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án được thực hiện như sau:

1) Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

Nước mưa từ mái được dẫn xuống cống thoát nước thông qua hệ thống các ống nhựa PVC D75, D110. Trên hệ thống thu gom nước mưa bố trí các hố ga lắng cặn với thể tích mỗi hố ga khoảng 2m³ được xây bằng gạch, nắp hố ga được xây dựng bằng bê tông cốt thép, khoảng cách giữa các hố ga là từ 15 - 20m.

Nước mưa từ nhà máy được đầu nối và hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Châu Sơn tại 01 điểm đầu nối.



Hình 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực dự án được thu gom vào hệ thống đường thoát nước mưa chạy quanh các nhà xưởng. Hệ thống thu gom gồm các hố ga, các tuyến ống BT D400 đặt ngầm dưới đất. Toàn bộ tuyến ống được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy đảm bảo thoát nước một cách nhanh nhất và không gây ngập úng vào những ngày có cường độ mưa lớn.

- Tổng chiều dài tuyến thoát nước mưa khoảng 210m với độ dốc $i = 0,2 - 0,4\%$. Trên hệ thống thu gom nước mưa, bố trí song chắn rác và 12 hố ga lắng cặn có nắp đậy.

- Nước mưa từ dự án đầu nối vào KCN Châu Sơn tại 1 điểm xả. Tọa độ điểm đầu nối nước mưa: X (m): 2269687,3 ; Y (m) : 593608,2

Ngoài ra, công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

- Định kỳ 1 tháng/lần kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời;

- Để hạn chế đến mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn theo nước mưa vào môi trường, nhà máy sẽ thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, CTNH;

- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho toàn hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước;

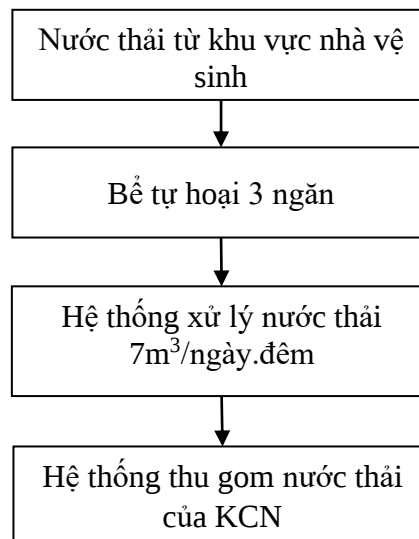
- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

2) Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt

a) Thu gom nước thải:

Khi nhà máy đi vào hoạt động, tổng số công nhân của Dự án là 100 người. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, nước thải rửa tay chân được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn.

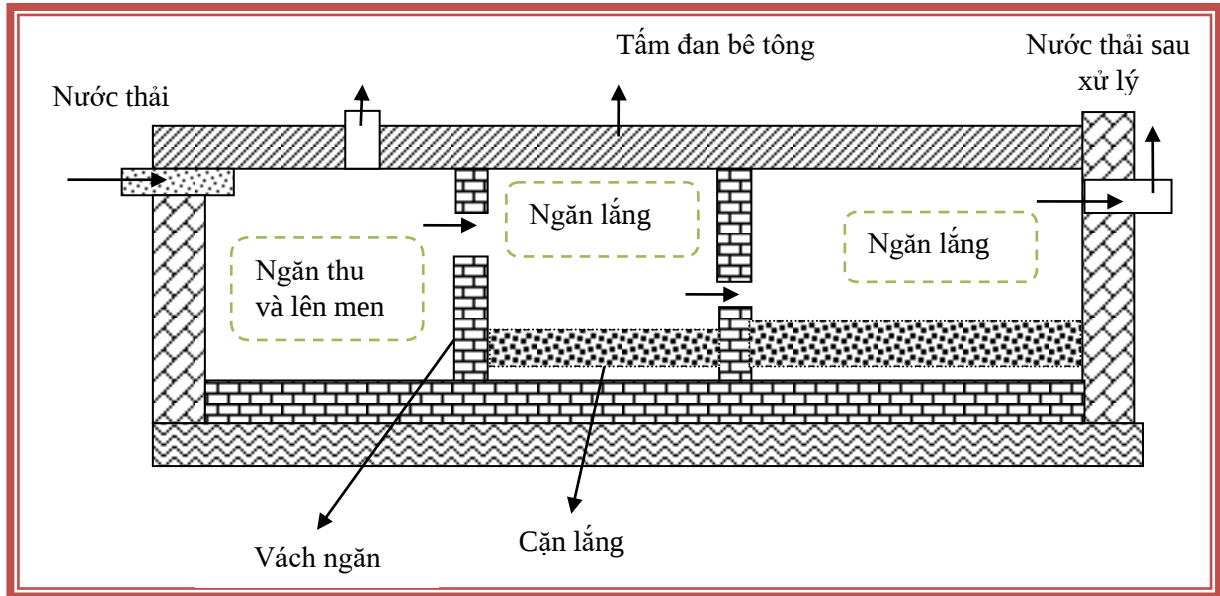
Nước thải sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn của Nhà máy được đưa về hệ thống xử lý nước thải của Công ty Sản xuất Châu Sơn đã xây dựng và lắp đặt với công suất $7\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn tại 01 điểm đầu nối, tọa độ: X(m): 2269690,4; Y(m): 593608,9.



Hình 7. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải

a) **Bể tự hoại:**

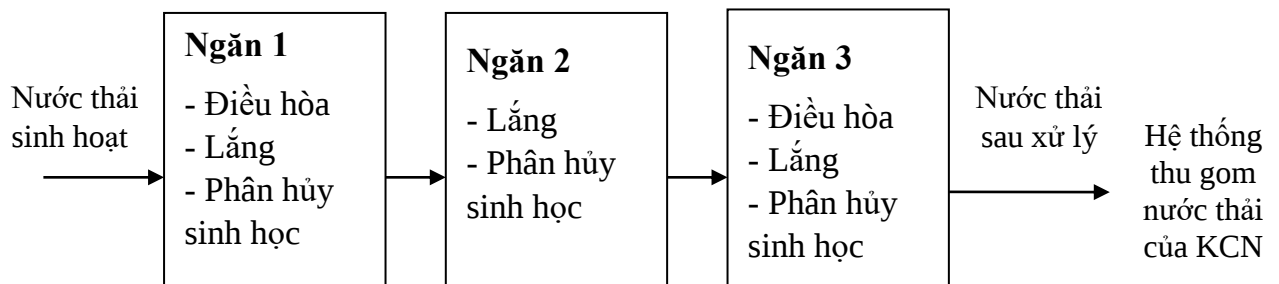
Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại các khu vực nhà vệ sinh sẽ được thu gom về các bể tự hoại 3 ngăn đặt bên dưới mỗi khu vực nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ. Sơ đồ của bể tự hoại 03 ngăn được thể hiện tại hình sau:



Hình 8. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại có 2 chức năng đồng thời: Lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng. Ở mỗi ngăn có những chức năng riêng biệt. Nước thải sau khi qua ngăn lắng 1 sẽ tiếp tục qua ngăn xử lý sinh học 2 rồi qua ngăn lắng 3.

Nước trong bể được bố trí chảy qua lớp bùn kỵ khí (trong điều kiện động) để các chất hữu cơ được tiếp xúc nhiều hơn với các loại vi sinh vật trong lớp bùn. Nước thải trước khi xả ra môi trường được đưa qua lớp vật liệu lọc bằng cát, sỏi. Cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.



Hình 9. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn

Hiện nay, Công ty Sản xuất Châu Sơn đã xây dựng 02 bể tự hoại ba ngăn với tổng thể tích của các bể tự hoại là 20 m³, bao gồm:

+ 01 bể tự hoại ba ngăn tại khu vực nhà vệ sinh của công nhân khu vực nhà xưởng. Thể tích là 15m³.

+ 01 bể tự hoại ba ngăn tại khu vực nhà vệ sinh khu vực văn phòng. Thể tích thực của bể là 5 m³.

Nước thải sinh hoạt của công ty sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty công suất 7 m³/ngày.đêm để xử lý.

Ngoài ra, chủ dự án sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Định kỳ 02 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải.

- Tiến hành thông hút bể phốt theo định kỳ 02 năm/lần.

b) Trạm xử lý nước thải sinh hoạt

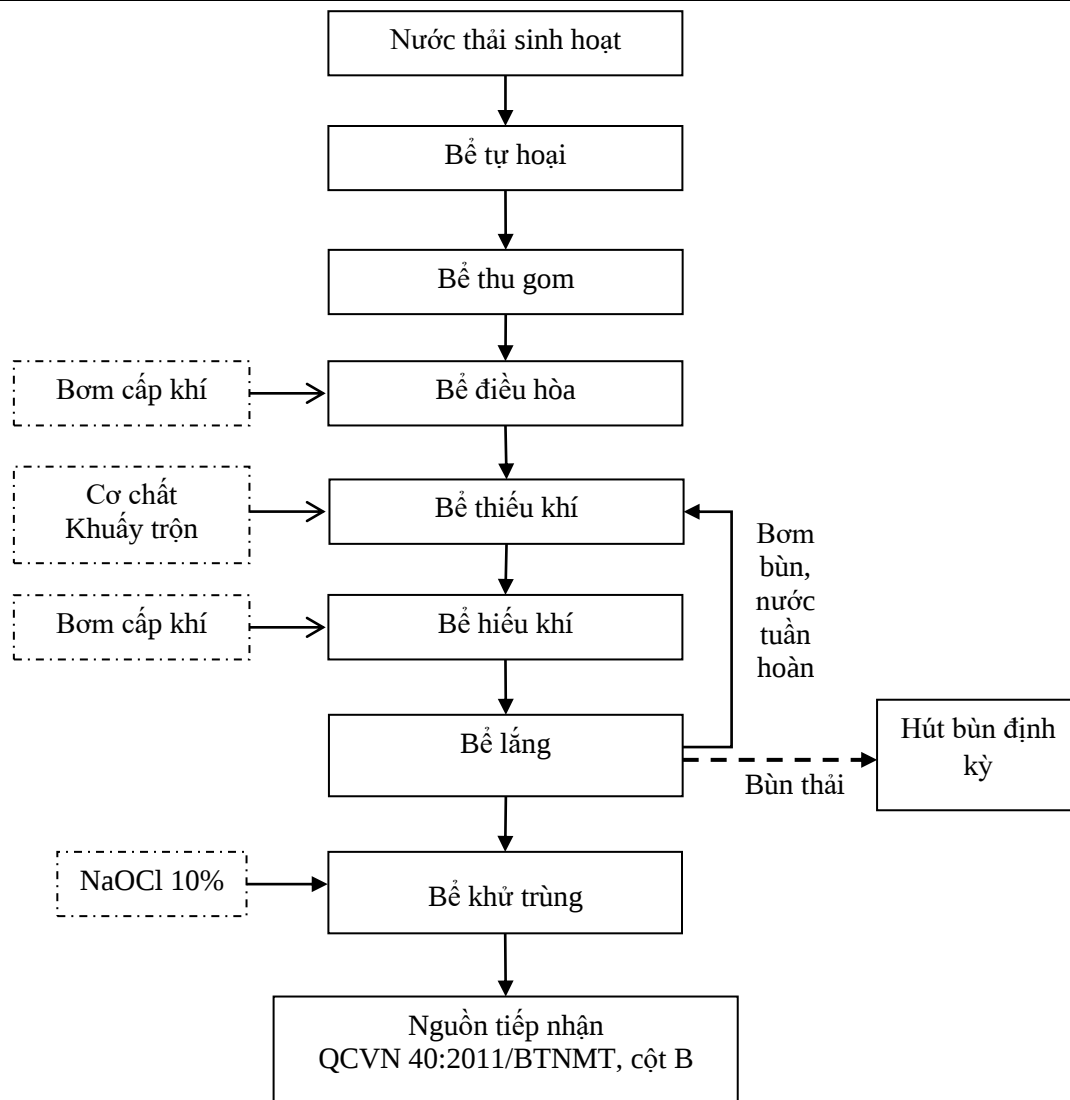
Với lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy tại thời điểm phát sinh tối đa là 5 m³/ngày.đêm.

Lựa chọn hệ số chống tràn là 1,2.

Công suất tính toán của trạm XLNT của Dự án là: $5 \times 1,2 = 6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Như vậy trạm xử lý nước thải sinh hoạt đã xây dựng của Công ty Sản xuất Châu Sơn với công suất 7m³/ngày.đêm đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án trong giai đoạn vận hành.

❖ *Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*



Hình 10. Sơ đồ trạm xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy

➤ **Thuyết minh sơ đồ công nghệ:**

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải. Tại đây, các loại rác có kích thước lớn sẽ được song chắn rác giữ lại để tránh gây ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống xử lý phía sau. Lượng rác thải này sẽ được thu gom theo định kì để xử lý riêng. Tiếp theo nước thải được dẫn qua hố thu gom trước khi qua bể điều hòa.

Tại bể điều hòa, nước thải được sục khí để phân bố đều các chất gây ô nhiễm, đồng thời ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải, tránh trường hợp quá tải vào giờ cao điểm để hệ thống luôn hoạt động ổn định và đúng công suất.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí. Trên đoạn đường ống bơm, lắp đặt dàn phản ứng sử dụng loại hóa chất thích hợp để tạo môi trường pH thuận lợi cho sự phát triển của vi sinh vật ở các bể xử lý sau. Dưới sự điều khiển của thiết bị đo pH tự động, pH của nước thải sẽ được điều chỉnh dao động trong khoảng 7 ~ 7,5. Tại bể thiếu khí nước thải bắt đầu quá trình phản ứng sinh học. Để quá trình phân hủy các chất hữu cơ

đạt hiệu suất cao nhất, bể thiếu khí Anoxic được trang bị 02 bơm chìm để bơm tuần hoàn nước trong bể, tạo ra tiếp xúc đủ giữa nước thải và các sinh khối vi khuẩn. Bể Anoxic cũng thường xuyên được cấp bổ sung các vi sinh. Các vi sinh này có rất nhiều trong bùn từ quá trình xử lý sinh học. Bùn vi sinh được bơm ngược từ bể lắng về bể này. Khí dư phát sinh từ bể thiếu khí sẽ được dẫn lên cao bằng ống thoát hơi để tránh gây mùi cho khu vực xung quanh.

Nước thải sau khi qua bể thiếu khí được chảy sang bể sinh học hiếu khí để tiếp tục xử lý. Quá trình xử lý hiếu khí gồm 3 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Quá trình Oxy hoá các chất hữu cơ tạo thành CO₂ và H₂O và một phần năng lượng.

+ Giai đoạn 2: VSV tiến hành tổng hợp tế bào mới.

+ Giai đoạn 3: Phân huỷ nội bào.

Các quá trình xử lý sinh học bằng phương pháp hiếu khí có thể xảy ra ở điều kiện tự nhiên hoặc nhân tạo. Phương pháp xử lý nhân tạo là quá trình xử lý có tốc độ và hiệu suất cao hơn rất nhiều.

Để đảm bảo lượng oxy đủ cho vi sinh vật phát triển, bể hiếu khí được trang bị hệ thống sục khí đáy bể bằng các đĩa phân phối khí có tác dụng cung cấp đủ oxy cho quá trình phân huỷ. Ngoài ra bể hiếu khí còn có các quả cầu vi sinh trong bể nhằm tăng độ bám dính vi sinh trong bể.

Nước sau xử lý sinh học được dẫn sang bể lắng, tại đây sẽ diễn ra quá trình tách bùn hoạt tính và nước thải đã xử lý. Phần bùn sẽ lắng xuống đáy bể lắng theo cơ chế lắng trọng lực, nước trong sẽ được thu vào máng thu nước và tự chảy sang bể khử trùng. Phần bùn dưới đáy bể được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí.

Lượng bùn vi sinh không sử dụng hết sẽ được đơn vị có chức năng hút định kỳ và đem đi xử lý. Bùn cặn sẽ lắng xuống đáy bể và cô đặc dần. Nhà máy sẽ thuê đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và xử lý lượng bùn này. Tần suất thu gom 1 lần/năm.

➤ **Thông số thiết kế một số công trình đơn vị của hệ thống XLNT sinh hoạt:**

Bảng 10. Thông số thiết kế một số công trình đơn vị của hệ thống XLNT sinh hoạt

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thể tích
0	Hố thu	m ³	1	2,5
1	Bể điều hòa	m ³	1	4
2	Bể thiếu khí	m ³	1	6,8
3	Bể hiếu khí	m ³	1	10,2
4	Bể lắng	m ³	1	4,7
5	Bể khử trùng	m ³	1	3,5

➤ **Dự kiến thiết bị, máy móc của hệ thống XLNT:**

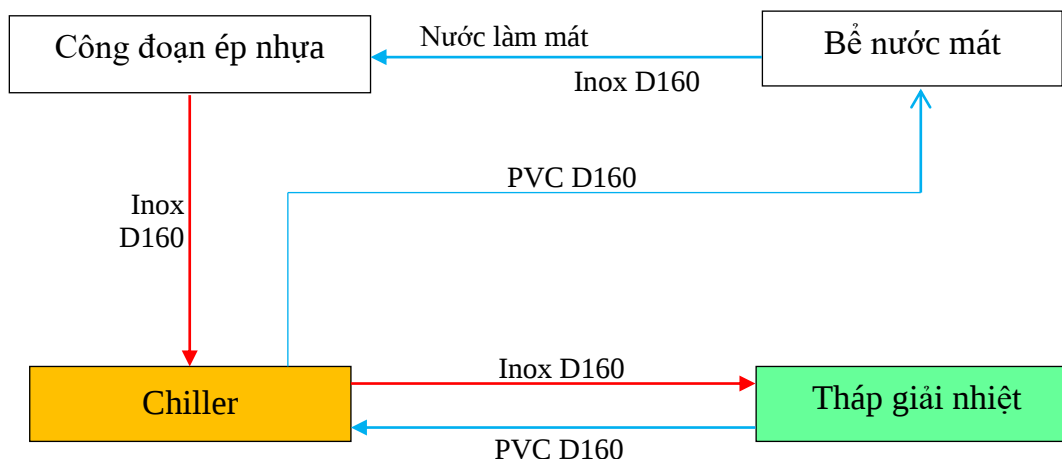
Bảng 11. Danh sách máy móc của hệ thống XLNT

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
I	Bể thu gom		
1	Rọ/Song tách rác thô	1	- Kích thước: Theo thiết kế nhà thầu - Vật liệu: V3 Inox tạo khung - Lưới chắn rác: Inox đục lỗ 8mm
2	Bơm chìm	2	- Xuất xứ: Taiwan - Lưu lượng: 8m ³ /giờ - Cột áp: 4m - Công suất: 0,15kW/220V/50Hz
3	Phao báo mức nước	1	- Xuất xứ: Asia - Điện áp: 250V - Độ dài dây: 3m
II	Bể điều hòa		
1	Bơm chìm	1	- Xuất xứ: Taiwan - Lưu lượng: 8m ³ /giờ - Cột áp: 4m - Công suất: 0,15kW/220V/50Hz
2	Phao báo mức nước	1	- Xuất xứ: Asia - Điện áp: 250V - Độ dài dây: 3m
III	Bể thiếu khí		
1	Máy khuấy chìm	1	- Xuất xứ: Taiwan - Lưu lượng: 1,8m ³ /phút - Công suất: 0,4kW/380V/50Hz
2	Trục dẫn hướng	1	- Vật liệu: inox304
3	Bồn cấp cơ chất	1	- Chất liệu nhựa - Dung tích: 300L
IV	Bể hiếu khí		
1	Bơm chìm tuần hoàn nước thải	1	- Xuất xứ: Taiwan - Lưu lượng: 8m ³ /giờ - Cột áp: 4m - Công suất: 0,15kW/220V/50Hz
2	Đĩa phân phối khí tinh	1	- Xuất xứ: Asia - Lưu lượng: 1-6 m ³ /hr - Đường kính 250mm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Giá thể sinh học dính bám	1	- Dạng cầu. - Diện tích bề mặt: 200-300 m²/m³ - Nhiệt độ cho phép: 1- 80⁰C. - pH nước thải cho phép: 2 - 13 - Vật liệu: (C₃H₆)_x ; Polypropylene.
4	Máy cấp khí	1	- Xuất xứ: Taiwan - Lưu lượng: 0,92 m³/phút - Cột áp: 3m - Công suất: 1,5kW/380V/50Hz - Phụ kiện: Bộ chân đế, van 1 chiều, dây curoa...
V	Bể lắng		
1	Bơm bùn	1	- Xuất xứ: Taiwan - Lưu lượng: 8m³/giờ - Cột áp: 4m - Công suất: 0,15kW/220V/50Hz
2	Ống lắng trung tâm, tấm răng cưa, tấm chắn bùn	1	- Vật liệu: Sus304 - Kích thước: Theo thiết kế
VI	Bể khử trùng		
1	Bồn hóa chất khử trùng	1	- Chất liệu nhựa - Dung tích: 300L
	Tủ điều khiển	1	- Linh kiện: LS/Korea - Tủ điện điều khiển: Vô tủ, Aptomat, Contactor, Relay nhiệt cho bơm, Relay trung gian 220V, Relay thời gian, bảo vệ mất pha - ngược pha, Biến dòng TI, Đồng hồ Volt, Chuyển mạch Volt, Cầu chì, cầu tín hiệu, cầu đầu bơm, Đèn báo xanh - đỏ - vàng, Dừng khẩn cấp, chuyển mạch 3 vị trí, Dây động lực, Thanh cài, Máng cáp, ... - Chế độ điều khiển tự động/bằng tay

3) Đối với nước thải từ quá trình làm mát

Nước thải từ quá trình làm mát được thu gom, giải nhiệt trước khi tuần hoàn, tái sử dụng. Quy trình giải nhiệt nước làm mát như sau:



Hình 11. Sơ đồ hệ thống thu gom, tuần hoàn nước làm mát

Nước thải từ quá trình làm mát sau ép nhựa có nhiệt độ dao động trong khoảng 30 - 35°C được đưa qua thiết bị làm lạnh (Chiller). Tại đây, nhờ nguyên lý nhiệt học áp dụng sự chuyển đổi lý tính trạng thái vật chất nước sẽ được làm lạnh. Nước sau khi qua thiết bị làm lạnh có nhiệt độ khoảng 15 - 17°C, sau đó được đưa về két nước mát để tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình làm mát.

Tuy nhiên, khi hoạt động thiết bị làm lạnh Chiller sẽ liên tục sản sinh ra một nhiệt lượng khá lớn nên nhà máy đã lắp đặt tháp giải nhiệt nước để làm mát Chiller. Bên trong tháp giải nhiệt có các khối đệm (tấm tản nhiệt) có nhiệm vụ tản đều nước, gia tăng bề mặt tiếp xúc của nước với không khí để tăng hiệu quả tản nhiệt, **sau đó đưa nước làm lạnh trở lại cho hệ thống Chiller**. Lượng nước thất thoát do bay hơi được bổ sung định kỳ, công ty không thải nước làm mát ra ngoài.

Hiện nay công ty đã trang bị 01 thiết bị làm lạnh và 01 tháp giải nhiệt với công suất 32.025 m³/h đảm bảo đủ khả năng để giải nhiệt toàn bộ lượng nước thải làm mát của nhà máy.

Thông số kỹ thuật của hệ thống như sau:

- + Thiết bị làm lạnh Chiller: công suất 10hp, nguồn điện vào: 7,5kW, 3p – 280v.
- + Tháp giải nhiệt: nhãn hiệu Tashin; lưu lượng nước giải nhiệt: 390 lít/phút, kích thước (DxH): 1.620x1.775mm; khả năng giải nhiệt: 117.000Kcal/h.

2.1.3. Biện pháp quản lý chất thải rắn

a) Quản lý CTR sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định là 50 kg/ngày.

Thành phần chất thải chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, sẽ không gây nguy hại với môi trường nếu có biện pháp xử lý thích hợp. Công ty sẽ bố trí 2 thùng nhựa dung tích 120 lít có nắp đậy ngay tại các nơi phát sinh.

Rác thải được thu gom từ các nơi phát sinh về tập kết vào 01 xe đẩy rác bằng nhựa có nắp đầy dung tích 660 lít được đặt bên ngoài nhà máy (phía Đông Nam của Nhà máy) với tần suất 1 lần/ngày. Thùng lưu trữ rác được Nhà máy mua từ các cơ sở sản xuất, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng tại khu vực để vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt tại nơi quy định. Tần suất để thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt là 2 ngày/lần.

b) Quản lý CTR công nghiệp thông thường

Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất với thành phần chủ yếu gồm: vỏ thùng, bao bì đựng nguyên liệu; giấy vụn, bìa carton; phế liệu kim loại không chứa thành phần nguy hại; băng dính, gang tay, khẩu trang thải bỏ không dính các thành phần nguy hại, sản phẩm lỗi,...

Công ty sẽ bố trí các thùng nhựa dung tích 100 lít đặt tại các khu vực trong xưởng sản xuất. Toàn bộ CTR công nghiệp thông thường được thu gom hằng ngày, sau tập kết tại kho chứa CTR công nghiệp có diện tích 10m².

Những loại CTR công nghiệp thông thường có thể tái chế: vỏ thùng, bao bì nguyên liệu, giấy vụn, bìa carton, đầu mẫu nhựa, kim loại,... được bán cho các cơ sở tái chế.

Những loại CTR công nghiệp thông thường không thể tái chế được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý CTR công nghiệp thông thường theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp thông thường là 3 tháng/lần.

2.1.4. Biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được quản lý (thu gom, vận chuyển và xử lý) theo quy định tại Thông tư 02:2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Toàn bộ CTNH phát sinh được thu gom, phân loại riêng biệt vào 06 thùng chứa loại 50 lít, có nắp đầy và có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo Thông tư 02:2022/TT-BTNMT.

- Công ty bố trí khu vực lưu giữ CTNH có diện tích 5m², kho chứa CTNH đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có biện pháp cách ly với các loại nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

+ Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

+ Thiết bị phòng chứa chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với các loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất vận chuyển, xử lý CTNH là 06 tháng/1 lần.

- Thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12), báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ với thời hạn 05 năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã qua sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

2.2. Biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải

2.2.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hoạt động tốt, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện, quần áo bảo hộ lao động.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

2.2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

- Áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng theo phương pháp thông gió;

- Bố trí các quạt thông gió công nghiệp;

- Cung cấp nước uống cho công nhân tại các công đoạn sản xuất;

- Thực hiện các chế độ theo đúng quy định về an toàn vệ sinh lao động đối với các lao động làm việc tại xưởng sản xuất như kiểm tra nhiệt độ khu vực làm việc, bố trí lao động và thời gian làm việc hợp lý,...

2.2.3. Biện pháp đảm bảo VSMT và an toàn lao động

- Xây dựng chương trình kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động theo các tiêu chuẩn môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.
- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh ATLĐ.
- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục công nhân lao động thực hiện nghiêm túc các quy định về ATLĐ và VSMT.

2.2.4. Biện pháp đảm bảo an ninh trật tự và thu hút lao động địa phương

Do nhà máy sẽ tập trung khoảng 100 lao động nên công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài khu vực dự án sẽ được coi trọng. Để đạt tới mục tiêu trên, chủ dự án sẽ thực thực hiện biện pháp sau:

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - BVMT.
- Tổ chức đội bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự.
- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương để giữ gìn an ninh trật tự.

2.2.5. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế - xã hội

- Công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với ban quản lý KCN và với chính quyền địa phương để làm tốt công tác bảo vệ an ninh và các tệ nạn xã hội khác;
- Thường xuyên trao đổi về các vấn đề an toàn, an ninh trật tự trong khu vực và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu, phòng ngừa các tai nạn giao thông, các vụ việc gây mất an ninh, trật tự trong khu vực.
- Ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương quanh khu vực dự án;
- Tuyên truyền giáo dục lối sống lành mạnh cho cán bộ công nhân viên bằng nhiều hình thức như lồng ghép vào các chương trình đào tạo tập huấn, tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ, thể thao cho công nhân viên nhà máy.

2.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

- Biện pháp phòng cháy:

- + Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.
- + Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị

máy móc.

+ Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong cơ sở.

+ Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

+ Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

+ Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

+ Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.

+ Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại Nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

+ Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

+ Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

+ Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

+ Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

+ Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.

+ Thành lập đội PCCC trong công ty.

+ Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.

+ Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

+ Thường xuyên kiểm tra phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở thiếu sót về PCCC.

- *Biện pháp chữa cháy:*

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Cắt điện tại khu vực cháy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại Nhà máy.

+ Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

b) Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

Để đảm bảo sự an toàn tuyệt đối trong quá trình Nhà máy đi vào hoạt động Công ty thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn lao động sau:

- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ....

- Trang bị các thiết bị sơ cứu cần thiết.

- Thường xuyên kiểm tra dây chuyền sản xuất để kịp thời khắc phục sự cố.

- Quy định an toàn sử dụng điện:

+ Các thiết bị điện phải thực hiện tiếp đất

+ Để tiếp đất cho các thiết bị sử dụng cọc hoặc trụ tiếp đất để tạo các hồ tiếp đất cần thiết với điện trở $R_{td} < 10\Omega$.

+ Có các cầu dao an toàn đối với các thiết bị.

- Lưu giữ địa chỉ, điện thoại của tổ chức y tế gần nhất. Các địa chỉ, số điện thoại này cần được bố trí tại nhiều nơi để kịp thời phục vụ khi xảy ra sự cố lao động.

c) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý chất thải:

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải định kỳ 1 lần/tháng.

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải.

- Với chất thải nguy hại, trường hợp có sự cố xảy ra, cần sử dụng các biện pháp như dùng cát khô, bột, các dụng cụ bao gói phù hợp để ngăn cản sự phát tán của chất thải ở khu vực đó rồi thông báo ngay cho cơ quan chức năng xử lý.

- Khi có sự cố xảy ra cần nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời.

- Phương án khắc phục khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Ngừng xả nước thải để khắc phục sự cố.

+ Liên hệ với đơn vị thiết kế để tìm hiểu nguyên nhân sự cố và cách khắc phục.

+ Trong trường hợp có thiết bị, máy móc bị hư hỏng thì phải tiến hành thay thế một cách nhanh chóng để tránh tình trạng toàn bộ hệ thống không đạt hiệu quả và ứ đọng nước thải.

d) Biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Công ty cam kết thực phẩm phục vụ cho bữa ăn của công nhân từ các đơn vị cung cấp có uy tín, có quy trình chế biến thức ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.

- Các loại lương thực, thực phẩm để phục vụ cho bữa ăn của công nhân có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tươi ngon, không bị ôi thiu.

- Khu vực nhà ăn được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, quét dọn hàng ngày.

- Khi xảy ra trường hợp bị ngộ độc thực phẩm tại Nhà máy thì cần sơ cấp cứu người theo đúng quy định của ngành y tế, sau đó kịp thời chuyển bệnh nhân lên tuyến trên để cứu chữa.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo kế hoạch xây lắp và kinh phí dự kiến của Nhà máy được trình bày theo bảng sau:

Bảng 12. Danh mục và tiến độ thực hiện các công trình xử lý ô nhiễm môi trường kèm theo kinh phí dự kiến

TT	Danh mục các công trình	Số lượng	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kinh phí (VNĐ)
I	XỬ LÝ BỤI VÀ KHÍ THẢI			
1	Hệ thống thông gió trong nhà xưởng và văn phòng	01	Đã lắp đặt hoàn thiện	Toàn bộ kinh phí do Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn thực hiện
II	XỬ LÝ NƯỚC THẢI			190.000.000
1	Hệ thống thu gom nước mưa	01	Đã xây dựng hoàn thiện	Toàn bộ kinh phí xây dựng do Công ty TNHH Sản xuất Châu Sơn thực hiện. Phần lắp đặt máy móc thiết bị cho Trạm xử lý
2	Hệ thống thoát nước thải	01		
3	Bể tự hoại 3 ngăn	02		
4	Trạm xử lý nước thải	01	Đã xây dựng hoàn thiện Lắp đặt máy móc, thiết bị vào tháng 10/2023	

TT	Danh mục các công trình	Số lượng	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kinh phí (VNĐ)
				nước thải do Công ty Sanchuang thực hiện: 190.000.000
III	THU GOM CHẤT THẢI			4.000.000
1	Thùng chứa rác sinh hoạt	02	Đã xây dựng hoàn thiện	500.000
2	Thùng chứa CTR công nghiệp	05		1.500.000
3	Thùng chứa CTNH	06		2.000.000

Như vậy, tổng kinh phí đầu tư cho các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án dự kiến khoảng 194.000.000 VNĐ.

3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Chủ dự án sẽ thành lập một bộ phận quản lý môi trường. Nhiệm vụ của bộ phận này là vận hành các công trình BVMT và thu thập, xử lý các thông tin về môi trường trong quá trình vận hành nhằm giám sát mọi thay đổi của môi trường; báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường; Xử lý hoặc cùng các cơ quan chức năng xử lý kịp thời các sự cố môi trường (nếu có); Báo cáo về sự thay đổi môi trường và sự cố cùng biện pháp xử lý cho các tổ chức liên quan. Hoạt động giám sát sẽ được các cơ quan tư vấn, các chuyên gia về môi trường thực hiện theo hợp đồng với Chủ dự án.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đưa ra phương án phòng chống sự cố, rủi ro theo như nội dung đã đề ra trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án như sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức như đã trình bày tại mục 2.2 Chương IV của Báo cáo và vận hành hiệu quả, phối hợp mật thiết với các bộ phận liên quan để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường hiệu quả;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Đưa ra các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của dự án gây ra theo quy định;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường;
- Nộp thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường theo quy định;
- Thời gian thực hiện chương trình quản lý môi trường xuyên suốt giai đoạn vận hành sản xuất.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.1. Đánh giá về độ tin cậy của các đánh giá, dự báo

Đánh giá về mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 13. Mức độ tin cậy của các phương pháp

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh.
2	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
3	Phương pháp so sánh tiêu chuẩn	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
4	Phương pháp lập bảng liệt kê	Trung bình	Phương pháp chỉ đánh giá định tính hoặc bán định lượng, dựa trên chủ quan của những người đánh giá
5	Phương pháp dự báo	Cao	Làm cơ sở để đánh giá tác động trong Chương 4.

Nhìn chung các phương pháp trên đã sử dụng để đánh giá các tác động tới môi trường của Dự án. Những phương pháp này đã được giới thiệu trong các nghiên cứu cũng như trong các hướng dẫn về đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vì vậy, mức độ tin cậy là khá cao.

4.2. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá

Các nội dung đánh giá tác động môi trường về khí thải, bụi, nước thải, chất thải rắn phát ra từ các hoạt động của Dự án là đầy đủ, có cơ sở khoa học và đáng tin cậy vì được đánh giá dựa trên các căn cứ sau:

- Các thông tin, số liệu mô tả Dự án là số liệu dự kiến, do chủ đầu tư là cung cấp;
- Về tác động của các nguồn thải trong quá trình sản xuất, báo cáo đã căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất, nguyên liệu đầu vào để phân tích các tác động đến môi trường. Việc phân tích ảnh hưởng của khí thải, nước thải, các chất thải rắn trong quá trình sản xuất ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng đã trích dẫn các số liệu từ các Nhà máy đang hoạt động, do đó, số liệu có độ tin cậy cao.
- Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như tác

động chính đến môi trường của Dự án.

Quá trình dự báo các tác động đến môi trường đã chọn lọc các phương pháp khoa học gắn liền với tính thực tiễn của Dự án nên đã đưa ra các kết quả tiệm cận với thực tiễn, giúp chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước về BVMT có cơ sở để triển khai công việc tiếp theo của Dự án, đặc biệt trong quá trình đề xuất các biện pháp giảm thiểu và không chế ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên, mức độ tin cậy của mỗi đánh giá vẫn có hạn chế nhất định do những nguyên nhân sau:

- Mô hình tính toán đưa ra các hệ số được giới hạn bởi các điều kiện biên nghiêm ngặt. Trong đó các chất ô nhiễm trong môi trường không tính đến các yếu tố ảnh hưởng do địa hình khu vực.

- Các thông số đầu vào (điều kiện khí tượng) đưa vào tính toán là giá trị trung bình năm do đó kết quả chỉ mang tính trung bình năm.

- Nguồn phát thải các chất ô nhiễm được đánh giá độc lập, chưa đánh giá được đồng thời các tác động ô nhiễm.

- Các hệ số phát thải của WHO chưa hoàn toàn đúng với điều kiện thực tiễn hiện nay (về cả không gian và thời gian).

Với việc lựa chọn sử dụng các phương pháp thường được dùng trong báo cáo GPMT và có độ chính xác cao nên các dự báo, đánh giá đưa ra là đáng tin cậy. Tuy nhiên, trong phần đánh giá tác động này, các kết quả tính toán tải lượng phát thải chỉ có ý nghĩa dự báo do các phương pháp tính toán ở mức độ tổng quát, ước tính theo thống kê, kinh nghiệm và khi áp dụng vào thực tiễn từng Dự án thì chỉ cho kết quả gần đúng.

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường, Dự án sẽ tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời sẽ áp dụng biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

“Dự án Công nghệ Sanchuang” xả nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn do đó dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Công ty xin đề xuất cấp phép 01 dòng nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn với các thông tin như sau:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của dự án có 01 nguồn là: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ công nhân viên của Công ty.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa của Dự án là 7 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

Chủ dự án đề nghị cấp giấy phép cho 01 dòng nước thải là nước thải sinh hoạt từ trạm xử lý nước thải công suất 7 m³/ngày.đêm của nhà máy, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải

Dòng nước thải sinh hoạt của dự án sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý tập trung của KCN Châu Sơn đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B). Vì vậy, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của Dự án như sau:

Bảng 14. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,5
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng N	mg/l	40

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B)
8	Tổng P	mg/l	6
9	Coliform	MPN/100ml	5.000
10	Lưu lượng	m ³ /h	-

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ và độ cao nhà nước VN-2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X(m): 2269690,4; Y(m): 593608,9

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Châu Sơn công suất 2.900 m³/ngày.đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của dây chuyền ép phun nhựa
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của dây chuyền dập, sửa chữa khuôn mẫu
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của khu cắt sản phẩm kết dính

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°.

+ Khu vực ép phun nhựa, tọa độ vị trí: X (m) = 2269735,5; Y (m) = 593566,5.

+ Khu vực dập kim loại, sửa chữa khuôn, tọa độ vị trí: X (m) = 2269744,2; Y (m) = 593577,5.

+ Khu vực cắt sản phẩm kết dính, tọa độ vị trí: X (m) = 2269753,7; Y (m) = 593529,7.

2.3. Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn quy định theo QCVN 26:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

Bảng 15. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Đối với độ rung:

Bảng 16. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép về quản lý chất thải

3.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Bảng 17. Danh mục các chất thải nguy hại đăng ký phát sinh

TT	Chất thải	Trạng thái	Đơn vị	Khối lượng	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	Kg/năm	10	160106
2.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	Kg/năm	100	170203
3.	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại (vỏ thùng đựng dầu)	Rắn	Kg/năm	100	180103
4.	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	Rắn	Kg/năm	20	180201
5.	Chất thải y tế (bông băng y tế dính thành phần nguy hại)	Rắn	Kg/năm	3	130102
6.	Phoi, mặt kim loại dính dầu	Rắn	Kg/năm	150	160215
Tổng			Kg/năm	383	

3.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 18. Danh mục các chất thải công nghiệp thông thường đăng ký phát sinh

STT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Giấy vụn, vỏ thùng carton, bao bì đựng nguyên liệu	Kg/năm	500
2	Sắt, đồng phế liệu không chứa thành phần nguy hại	Kg/năm	500
3	Băng dính thải	Kg/năm	50
4	Găng tay, khẩu trang	Kg/năm	50
5	Sản phẩm lỗi, hỏng	Kg/năm	100
6	Bavia nhựa thải không chứa thành phần nguy hại	Kg/năm	100
Tổng		Kg/năm	1.300

3.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 19. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đăng ký phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	15.000
Tổng khối lượng		15.000

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến

Dự án có 01 công trình xử lý chất thải: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 7 m³/ngày đêm.

Theo kế hoạch, công ty sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thời gian khoảng 3 tháng.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án dự kiến được thực hiện như sau:

Bảng 20. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Tên công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 7 m ³ /ngày.đêm	15/11/2023	15/01/2024

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a) Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải

Thời gian đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý và đánh giá sự phù hợp của toàn bộ công trình xử lý nước thải được thực hiện theo TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) về chất lượng nước - lấy mẫu và hướng dẫn lấy mẫu nước thải.

Mẫu đơn, tần suất và thông số quan trắc nước thải được thực hiện như sau:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, dự án không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn, do vậy tần suất lấy mẫu quan trắc chất thải được thực hiện như sau:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: Tiến hành lấy 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp; Tần suất: 1 ngày/lần.

Thời gian dự kiến lấy mẫu như sau:

Bảng 21. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Vị trí, thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 7 m³/ngày.đêm				
1	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT sinh hoạt của Nhà máy	Lần 1: 15/11/2023	Lưu lượng , pH, BOD5 (200C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Coliform	QCVN 40:2011/ BTNMT (mức B)
2	Nước thải đầu ra sau hệ thống XLNT sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Châu Sơn	Lần 1: 15/11/2023 Lần 2: 16/11/2023 Lần 3: 17/11/2023	Lưu lượng , pH, BOD5 (200C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Coliform	QCVN 40:2011/ BTNMT (mức B)

b) Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang và đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Minh An sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc phân tích môi trường để thực hiện kế hoạch lấy mẫu, phân tích trong giai đoạn vận hành thử nghiệm Dự án.

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội.

- Địa chỉ liên hệ: C21-20 khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024.66832969

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Hà Nội có chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường như sau: Giấy Chứng nhận VIMCERTS 253 ngày 19/09/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Giám sát nước thải sau xử lý

Nước thải của nhà máy sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B), trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải tập trung của KCN Châu Sơn. Đối chiếu theo Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định Danh mục dự án phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ thì dự án thuộc số thứ tự 3, tuy nhiên dự án không có công trình xả nước thải với lưu lượng (500 đến 1.000 m³/ngày đối với quan trắc định kỳ và 1.000 m³/ngày trở lên đối với quan trắc tự động, liên tục).

Do vậy, Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Tuy nhiên Chủ dự án xin đề xuất chương trình giám sát quan trắc định kỳ nước thải và khí thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải với tần suất 6 tháng/lần. Chương trình quan trắc cụ thể như sau

Bảng 22. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ của nhà máy

TT	Vị trí	Thông số	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất giám sát
1	Tại hố ga đầu nối của Nhà máy với hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Châu Sơn	Lưu lượng , pH, BOD5 (200C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H2S), Amoni (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Coliform	QCVN 40:2011/ BTNMT (mức B)	06 tháng/lần.

3. Chương trình giám sát khác

3.1. Giám sát chất thải rắn :

- Giám sát công tác thu gom, phân loại và vận chuyển CTR sinh hoạt
- CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường được thu gom, vận chuyển, phân loại theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Ghi chép nhật ký thu gom, vận chuyển chất thải rắn đi xử lý
- Tần suất vận thu gom đối với chất thải sinh hoạt: 2 ngày/lần.
- Tần suất thu gom đối với chất thải rắn thông thường: 1 tuần/lần

3.2. Giám sát CTNH

- Vị trí giám sát: tại các điểm tập trung và lưu chứa CTNH

- Nội dung giám sát:
 - + Các loại chất thải nguy hại;
 - + Khối lượng các loại chất thải nguy hại;
 - + Công tác lưu trữ và quản lý chất thải nguy hại;
 - + Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên qua sổ theo dõi;
 - + Tiêu chuẩn giám sát: Giám sát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu, tài liệu đưa ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại dự án đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- + Cam kết tuân hoàn, tái sử dụng hoàn toàn nước thải từ quá trình làm mát, không xả thải ra bên ngoài phạm vi dự án.

- + Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn.

- + Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý, đảm bảo việc tiêu thoát nước mưa. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước.

- + Cam kết thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- + Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố bể tự hoại ba ngăn, sự cố trạm xử lý nước thải... và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường.

- + Cam kết tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh, môi trường.

- + Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước và UBND tỉnh Hà Nam.

- + Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1264 /QĐ-UBND

Phù lý, ngày 19 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án:
“Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam”
của Công ty phát triển hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005; Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án **“Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam”** của Công ty phát triển hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam họp ngày 27 tháng 9 năm 2007 (thành lập tại Quyết định số: 1164/QĐ-UBND ngày 25/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh);

Xét nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án **“Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam”** của Công ty phát triển hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam đã được chỉnh sửa bổ sung các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 266/TTr-STN&MT ngày 09 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án **“Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam”** của Công ty phát triển hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường TCVN 5945 -2005 loại A - dùng cho mục đích xử lý cấp nước sinh hoạt).

2. Có phương án thu gom, quản lý và xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại.

3. Thực hiện nghiêm túc các nội dung đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Định kỳ hàng năm đo kiểm soát ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Chủ dự án, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
 - Sở TN&MT;
 - UBND thị xã Phú Mỹ;
 - Ban quản lý các KCN;
 - UBND xã Châu Sơn;
 - Lưu VT, NN.
- S-2007-QĐ ĐTM

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Tân

Số: 587/GXN-STN&MT

Hà Nam, ngày 4 tháng 8 năm 2015

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn – tỉnh Hà Nam” Giai đoạn II

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở

Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV VPID HÀ NAM
Địa chỉ văn phòng: KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Địa điểm hoạt động: KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0351.6252.137 Fax: 0351.6252.238
Tài khoản số: 43503500003567048888 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – chi nhánh Hà Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700540547 Ngày cấp: Đăng ký lần đầu: 03/8/2011;

Đăng ký thay đổi lần thứ 1: 20/8/2014; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 1261/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2007 của UBND tỉnh Hà Nam.

II. Nội dung xác nhận

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn – tỉnh Hà Nam” Giai đoạn II (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1,2 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận: *th*

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;
- Lưu: VT, MT, TĐ.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số 587/GXN-STN&MT ngày 4 tháng 8 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn – tỉnh Hà Nam” giai đoạn II)

1. Công trình xử lý nước thải

Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam - giai đoạn II có công suất 2.900 m³/ngày đêm (đầu tư giai đoạn đầu) đã hoàn thành 100%. Nước thải được xử lý theo công nghệ lý - hóa – sinh với 2 bậc xử lý (bậc 1: xử lý hóa lý; bậc 2: xử lý bằng phương pháp sinh học kết hợp thiếu khí và hiếu khí).

Bảng 1: Danh sách hạng mục các công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Kích thước (m)	
1	Bể gom nước thải	Chiều dài	17,8
		Chiều rộng	10,0
		Chiều sâu	6,5
2	Bể điều hòa	Chiều dài	17,8
		Chiều rộng	16,8
		Chiều cao	4,3
		Chiều cao bảo vệ	0,8
3	Cụm bể phản ứng, keo tụ, tạo bông	Chiều dài tổng	10,5
		Chiều rộng tổng	4,0
4	Bể phản ứng	Chiều dài	2,5
		Chiều rộng	1,6
		Chiều cao	4,0
5	Bể keo tụ	Chiều dài	3,5
		Chiều rộng	4,0
		Chiều cao	3,3
6	Bể tạo bông	Chiều dài	3,5
		Chiều rộng	4,0
		Chiều cao	3,3
7	Bể lắng hóa lý	Chiều dài	10,5
		Chiều rộng	10,5
		Chiều sâu	3,8
8	Bể Anoxic	Chiều dài	16,8



		Chiều rộng	10
		Chiều cao	5,1
9	Bể Aeronten (1 bể)	Chiều dài	19,8
		Chiều rộng	16,8
		Chiều cao	5,1
10	Bể lắng sinh học	Chiều dài	14,0
		Chiều rộng	14,0
		Chiều cao	3,8
11	Bể khử trùng	Chiều dài	14,0
		Chiều rộng	2,5
		Chiều cao	2,0
12	Bể nén bùn	Chiều dài	14,0
		Chiều rộng	7,9
		Chiều cao	3,8

Bảng 2: Danh sách thiết bị lắp đặt trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
Hệ thống thu gom (trạm bơm trung chuyển)					
1	Bơm chìm nước thải Model: CN 80	cái	02	- Công suất motor : 3.7kW/380V/3 pha/50 Hz - Lưu lượng : 0.69 m ³ /min - Cột áp : 10 H ₂ O - Kích thước ống ra : 80 mm	ShinMaywa - Nhật Bản
1. Bể gom nước thải					
1	Bơm nước thải Model: CN 100	cái	01	- Công suất motor : 5.5 kW/380V/3 pha/50 Hz - Lưu lượng : 54 m ³ /h ⇔ 0.9 m ³ /min - Cột áp : 18 H ₂ O - Kích thước ống ra : 100 mm	ShinMaywa - Nhật Bản
2	Bơm nước thải Model: CN 100	cái	01	- Công suất motor: 5.5 kW/380V/3 pha/50 Hz - Lưu lượng : 72 m ³ /h ⇔ 1.2 m ³ /min - Cột áp : 12.9 H ₂ O - Kích thước ống ra : 100 mm	ShinMaywa - Nhật Bản
3	Thiết bị đo mức áp	cái	01	Dải đo 0-10m	Endress +

	suất Mã hiệu: P01 – FMX167.003			Nhiệt độ môi chất -10 - 70°C Nguồn 24V/4-20mA Lắp đặt ngoài trời IP68	Hauser – Đức
--	--------------------------------------	--	--	--	-----------------

2. Bể điều hòa

1	Bơm nước thải Model: CN 100	cái	02	- công suất motor: 5.5 kW/380V/3 pha/50 Hz - Lưu lượng: 72 m ³ /h ⇔ 1.2 m ³ /min - Cột áp : 12.9 H ₂ O - Kích thước ống ra: 100 mm	ShinMay wa- Nhật Bản
2	Thiết bị đo mức áp suất Mã hiệu: P01 – FMX167.003	cái	01	- Dải đo 0-10m - Nhiệt độ môi chất -10 - 70°C - Nguồn 24V/4-20mA - Lắp đặt ngoài trời IP68	Endress + Hauser – Đức
3	Ống khuếch tán bọt khí mịn (lắp đặt ở bể điều hòa và bể Aerotan) Model: 84P Polyurethane (PU)	Cặp ống	88	Thông số kỹ thuật cho 1 cặp ống (2 tube) - Kiểu: ống (tube), bọt mịn (fine bubble) - Lưu lượng: 0 – 79 m ³ /h - Diện tích tổng (đường kính x dài) : 91 x 2360 mm - Vật liệu: Màng – Polyurethane (PU)	EDI- Mỹ 
4	Máy thổi khí cấp độ thấp Model: IRS – 80L	cái	02	- Kiểu: root - Lưu lượng: 7.47 m ³ /phút - Cột áp: 50 kPa - Tốc độ máy thổi: loại tốc độ thấp 1910rpm	ITO – Nhật Bản
5	Biến tần điều khiển bơm nước thải		01	- Ứng dụng cho động cơ 5.5 kW - Dải tần số đầu ra: 0,5 – 400 Hz - Momen chịu quá tải: 150% trong 60 giây - Đầu vào Analog: 0- 10 VDC; 4- 20 mA	Xuất xứ: Sneider- Nhật Bản
6	Bộ cân bằng áp lực tự động	Bộ	01	- Kiểu: Cân bằng áp theo mức nước	Việt Nam

3. Bể phản ứng

1	Động cơ khuấy trộn nhẹ bể phản ứng 1 Model: CNVM - 2- 6100-13	Bộ	01	- Công suất motor : 1.5 kW/380V/3 pha/50 Hz - Cấp bảo vệ : IP55/ class F	Sumitomo – Nhật Bản (Sản xuất tại Singapore)
2	Động cơ khuấy trộn	Bộ	01	- Công suất motor : 1.5	Sumitomo –

	nhánh bể phản ứng 2 Model: CNVM - 2-6105-25			kW/380V/3 pha/50 Hz - Cấp bảo vệ : IP55/ class F	Nhật Bản (Sản xuất tại Singapore)
3	Động cơ khuấy trộn nhánh bể phản ứng 3 Model: CNVM - 2-6130-59	Bộ	01	- Công suất motor : 1.5 kW/380V/3 pha/50 Hz - Cấp bảo vệ : IP55/ class F	Xuất xứ: Sumitomo – Nhật Bản (Sản xuất tại Singapore)
4. Bể lắng hóa lý					
1	Bơm bùn thải Model: CN 651	cái	02	- Công suất motor : 1.5 kW/380V/3 pha/50 Hz - Lưu lượng : 24m ³ /h ⇔ 0.4 m ³ /min - Cột áp: 10.6 H ₂ O - Kích thước ống ra: 65 mm	ShinMaywa - Nhật Bản
2	Motor gạt bùn Mã hiệu: SK20F			0.37kW/380V/3 pha/50 Hz	

2. Công trình quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Về quản lý và xử lý chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại của trạm xử lý nước thải và văn phòng Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam được thu gom, phân loại và lưu giữ đúng quy định tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 8m² và thuê đơn vị có đủ chức năng theo quy định vận chuyển và xử lý.

- Quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường: Rác thải sinh hoạt của trạm xử lý nước thải và văn phòng của Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam được Công ty Cổ phần môi trường đô thị Hà Nam thu gom và đem đi xử lý hàng ngày.

3. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận

Báo cáo hoàn thành và Hồ sơ hoàn công trạm xử lý nước thải của dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam - giai đoạn II được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này.

4. Yêu cầu khác

- Các hạng mục, công trình phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác cần hoàn thành theo quy định, bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, diện tích cây xanh mặt nước, hệ thống đường giao thông. Sau khi các hạng mục, công trình được hoàn thành, Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam gửi báo cáo hoàn thành về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HÀ NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0700867599

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 12 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 01 tháng 03 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SAN CHUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAN CHUANG TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAN CHUANG TECHNOLOGY CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô D1, Đường D6, KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0867693718

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

24.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 26/05/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035198007553

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Đôn, Xã Trịnh Xá, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đôn, Xã Trịnh Xá, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 26/05/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035198007553

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Đôn, Xã Trịnh Xá, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đôn, Xã Trịnh Xá, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG /



Phạm Thị Thu Hà

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3721705517

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 9 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 05 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định 23/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang (*Nhà đầu tư Việt Nam*).

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Chúng nhận:

Nhà đầu tư và Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Công ty TNHH Công nghệ Sanchuang; Địa chỉ trụ sở: Lô D1, đường D6, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0700867599 cấp ngày 21/12/2022, thay đổi lần thứ nhất ngày 01/03/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0333220636

Thông tin người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Phương Anh; Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc; Quốc tịch: Việt Nam, Sinh ngày: 26/05/1998; Căn cước công dân số 035198007553, cấp ngày: 09/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ thường trú và Chỗ ở hiện tại: thôn Đôn, xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0333220636



Handwritten signature.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN CÔNG NGHỆ SAN CHUANG
2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất, gia công quạt tản nhiệt máy tính	2220	
2	Sản xuất, gia công bộ tản nhiệt máy tính	2420	
3	Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm kết dính	2219	
4	Thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu (không gắn với thành lập mạng lưới thu gom hàng hóa) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.	8299	
5	Quyền phân phối bán buôn (không gắn với thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.	4690	622

(Đối với các mục tiêu thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

3. Quy mô dự án: Quạt tản nhiệt máy tính: 4.680.000 sản phẩm/năm; Bộ tản nhiệt máy tính: 5.589.000 sản phẩm/năm; Sản phẩm kết dính: 4.707.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

5. Diện tích sử dụng: 5.000 m² (năm nghìn mét vuông), thuê nhà xưởng của Công ty TNHH sản xuất Châu Sơn.

6. Tổng vốn đầu tư: 24.000.000.000 VNĐ (Hai mươi tư tỷ đồng Việt Nam)

Trong đó, Vốn góp để thực hiện dự án là: 4.800.000.000 VNĐ (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam), chiếm tỷ lệ 20% so với tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiền độ góp vốn
		VND			
1	Công ty TNHH công nghệ Sanchuang	4.800.000.000	100	Bằng tiền	Đến tháng 9/2023

Vốn huy động: 19.200.000.000 VNĐ (Mười chín tỷ hai trăm triệu đồng Việt Nam)

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 29/02/2028.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:



20/2

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đến tháng 9/2023

- Tiến độ huy động vốn: Đến tháng 01/2024.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, cải tạo nhà xưởng; nhập, lắp đặt máy móc, thiết bị: Đến tháng 9/2023.

- Tuyển dụng và đào tạo lao động: Đến 10/2023

- Vận hành thử: Từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023.

- Hoạt động chính thức: Từ tháng 01/2024.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ khác (nếu có) theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án.

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có) và các quy định của pháp luật về thuế trong quá trình triển khai đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; tuân thủ các nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư tại Hà Nam.

Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam sẽ điều chỉnh các ưu đãi đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết, các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Hà Nam.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này gồm 02 (Hai) bản gốc, một bản cấp cho nhà đầu tư, một bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. *ngk*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lãnh đạo Ban;

- Các Sở, ngành: Kế hoạch & Đầu tư; Tài nguyên & Môi trường; Công Thương; Tài chính; Xây dựng; Công an tỉnh; Cục Thống kê, Cục Thuế, Chi cục Hải quan;

- Các phòng chuyên môn;

- Lưu: VT, QLĐT (H). *15*
2023/QLĐT/Sanchuang

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trịnh Thế Mạnh

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHÂU
SON**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

(Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam)

Số/: SCH001 /2022/HDTNX

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ luật kinh doanh bất động sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ (Bên A): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHÂU SON

Địa chỉ: Lô D1, Đường D6, Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.

Mã số thuế: **0700797630**

Người đại diện/ : **Bà Trần Thị Tươi.**

Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại :0915.103.178

Tài khoản : 177166668 tại ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nam

Email sxchauson@gmail.com

II. BÊN THUÊ (Bên B): CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG

Địa chỉ: Lô D1, Đường D6, Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.

Mã số thuế: 0700867599

Người đại diện: Bà : Phạm Thị Phương Anh

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0333.220.636

Sau khi bàn bạc, Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng này với các điều khoản sau:

Điều 1: Định nghĩa:

1. Ngoài trừ trường hợp có ý nghĩa khác tùy theo ngữ cảnh, những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa như sau:

Bên A/ Bên cho thuê: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHÂU SƠN**

2. Bên B/ Bên thuê: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG.**

3. Hai bên/Các bên: Bên A (Bên cho thuê) và Bên B (Bên thuê)

4. Hợp đồng: Hợp đồng này cùng các Phụ lục đính kèm (nếu có) thỏa thuận được ký kết giữa bên A cùng bên B để thuê nhà xưởng được ghi nhận trong Hợp đồng này

5. Tài sản thuê bao gồm: Toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà Xưởng và Văn phòng làm việc, trạm điện, và các tài sản khác trên lô đất Bên A cho thuê. Trong đó tổng diện tích lô đất cho thuê là 5000m², tổng diện tích văn phòng là 399m², diện tích xưởng 2997m² và các khu vực phụ trợ khác với diện tích còn lại tương ứng 1604m².

6. Thời hạn thuê: Thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng thuê nhà xưởng, bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có) thời hạn thuê nhà xưởng là 5 năm. Sau năm năm, nếu bên B tiếp tục có nhu cầu thuê, hai bên sẽ tiếp tục đàm phán lại và gia hạn thêm hợp đồng.

7. Tháng: là tháng dương lịch, không phụ thuộc vào số ngày của tháng đó

8. Năm: là năm dương lịch được tính bằng 12 (mười hai) tháng dương lịch

9. Ngày bàn giao: là ngày Bên A bàn giao tài sản cho Bên B

10. VNĐ (Đồng Việt Nam): là đơn vị tiền tệ của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được dùng để thanh toán các khoản tiền trong Hợp đồng này.

Điều 2: Phạm vi hợp đồng

Bên A đồng ý cho thuê, Bên B đồng ý thuê nhà xưởng với các điều khoản và các điều kiện được hai bên thống nhất trong Hợp đồng này:

2.1. Mục đích thuê: Làm Nhà xưởng sản xuất, kinh doanh

2.2. Vị trí và diện tích của Tài sản thuê

Địa chỉ: Lô D1, Đường D6, Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam.

Tổng diện tích của khu đất cho thuê là: 5.000 m²

2.3. Thời hạn thuê

Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01/03/2023 đến hết ngày 29/02/2028. Theo biên bản bàn giao thủ tục nhà xưởng (Sau đây được gọi là "Thời hạn thuê").

Thời gian tính tiền thuê được tính từ ngày 01/06/2023 sau khi bên A hoàn thiện thủ tục hành chính nhà xưởng bàn giao cho bên B.

Trường hợp trong thời hạn thuê, bên B không có nhu cầu sử dụng tài sản thuê thì bên B được quyền chuyển nhượng quyền thuê tài sản thuê cho bên thứ ba với điều kiện được sự đồng ý của bên A và bên thứ ba tuân thủ đúng tất cả các điều khoản được thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Bên B có quyền gia hạn Hợp đồng thuê nhà xưởng sau khi hết hạn, Bên B được quyền ưu tiên thuê tiếp và phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 01 (một) tháng trước ngày kết thúc hợp đồng. Bên A sẽ xem xét việc tiếp tục cho Bên B thuê nhà xưởng theo giá mới do hai bên thỏa thuận. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo, Bên A phải có văn bản trả lời về việc gia hạn hay không gia hạn. Trường hợp cùng đồng ý gia hạn, Hai Bên sẽ ký bản Phụ lục về việc tiếp tục hợp đồng. Trường hợp bên A không gửi thông báo trả lời thì Hợp đồng sẽ mặc nhiên ngày hết hạn của Hợp đồng và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Trường hợp hai bên không thống nhất được hoặc Bên A không còn nhu cầu cho thuê thì Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Trong trường hợp hợp đồng được chấm dứt khi hết hạn thì tài sản của bên nào bên đó được toàn quyền sử dụng; bên B được nhận lại toàn bộ trang thiết bị do mình mua sắm đồng thời bàn giao cho bên A nguyên vẹn tài sản thuê theo biên bản bàn giao lúc ban đầu giữa hai bên (Trừ các tài sản bị khấu hao, các hao mòn tự nhiên)

Điều 3: GIÁ CẢ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá thuê:

Giá thuê xưởng được áp dụng theo đơn giá trọn gói : **300.000.000 VNĐ/tháng** (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng Việt Nam trên một tháng), **Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.**

Giá thuê được đảm bảo cố định không thay đổi trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền thuê nhà xưởng trong tháng xuất Hóa đơn GTGT và gửi cho bên B

3.2. Giá thuê chưa bao gồm chi phí dịch vụ phát sinh do nhu cầu sử dụng của Bên B như: điện và nước. Dịch vụ Internet có đường dây riêng, bên B trực tiếp thanh toán tiền Internet cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

Bên B được sử dụng trạm biến áp 630 KVA mà bên A đã lắp đặt. (Nếu bên B có nhu cầu sử dụng điện lớn, cần nâng cấp thêm công suất điện sử dụng Bên B hoàn toàn chịu chi phí đầu tư lắp đặt, nâng cấp thêm). Chi phí phát sinh điện của bên B, bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng tiền hoặc chuyển khoản theo đúng đơn giá và thuế suất VAT của công ty điện lực Hà Nam và bên A có trách nhiệm trả hộ tiền điện và xuất hóa đơn VAT cho bên B.

3.4. Trong thời quá trình sản xuất kinh doanh nếu Bên B để xảy ra sự cố, hoặc sử dụng quá tải làm hư hỏng trạm biến áp của Bên A, thì Bên B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại chi phí bằng chi phí lắp đặt trạm biến áp mới có cùng công suất tại thời điểm đó. (Chi phí do đơn vị thi công báo giá lắp đặt trạm biến áp báo)

3.5. Tiền thuê nhà xưởng được tính từ ngày: Bên A bàn giao mặt bằng Nhà xưởng cho Bên B.

3.6. Ngày bàn giao mặt bằng nhà xưởng: Dự kiến vào ngày 01/03/2023. Ngày bàn giao thực tế sẽ căn cứ trên Biên bản bàn giao. Việc bàn giao mặt bằng nhà xưởng phải được lập biên bản giao mặt bằng nhà xưởng và được đại diện hai bên ký kết.

Điều 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Bên B đặt cọc cho Bên A tương ứng số tiền thuê toàn bộ tài sản trong 6 tháng là:

$300.000.000 \times 6 = 1.800.000.000$ VNĐ (Một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn) Bên A phải xuất cho bên B phiếu thu tiền đặt cọc, Số tiền này sẽ được hoàn lại toàn bộ cho bên B trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hai bên xác nhận việc kết thúc hợp đồng thuê kho, văn phòng thì bên A trao trả lại cho bên B. (Số tiền đặt cọc không tính lãi)

4.2. Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê và các chi phí khác (nếu có) cho Bên A theo chu kỳ 03 tháng/lần trong khoảng thời gian 10 (mười) ngày đầu tiên của chu kỳ.

4.3. Tất cả các khoản thanh toán của Hợp đồng này được trả bằng Việt Nam đồng và được thanh toán dưới hình thức chuyển khoản qua tài khoản của Bên A như hợp đồng đã ký hoặc thay đổi khi có thông báo bằng văn bản của Bên A.

Điều 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA HAI BÊN

5.1. Trách nhiệm và quyền lợi của bên A

5.1.1. Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng tài sản thuê của bên A hiệu quả.

5.1.2. Bên A cam kết cấu trúc của nhà kho, văn phòng, được xây dựng là chắc chắn, an toàn; Nếu Bên B có nhu cầu tân trang, sửa chữa hoặc thêm các phụ kiện phục vụ mục đích sử dụng thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A và kinh phí do Bên B tự chịu trách nhiệm.

5.1.3. Trường hợp nhà xưởng cho thuê bị hỏng kết cấu do xuống cấp, hao mòn tự nhiên hoặc do xảy ra các sự kiện bất khả kháng như lũ lụt, động đất, tai nạn (không do lỗi của Bên B) dẫn đến Bên B không tiếp tục sử dụng được thì Bên A (bằng kinh phí của mình) có trách nhiệm sửa chữa nhà kho, thay thế đảm bảo cho Bên B có thể hoạt động được bình thường. Nếu bên A không sửa chữa mà gây thiệt hại cho bên B thì bên B có quyền tự sửa chữa và trừ vào tiền thuê nhà kho, văn phòng, của bên A.

5.1.4. Bên A Thanh toán các loại thuế đất theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.1.5. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này bên A không được chuyển nhượng cho đối tác khác. Nếu có thì bên thứ 3 phải kế thừa nghĩa vụ tại hợp đồng này, Và chịu các thiệt hại liên quan của bên B. Trường hợp Bên A thế chấp Nhà kho, văn phòng với ngân hàng để phục vụ hoạt động kinh doanh, Bên A vẫn phải đảm bảo quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp Nhà kho, văn phòng cho Bên B và chịu trách nhiệm về toàn bộ tổn thất nếu xảy ra tranh chấp. Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu phát sinh tranh chấp liên quan đến nhà cho thuê

5.1.6. Bàn giao Nhà kho, văn phòng, cho bên B đúng thời hạn.

5.1.7 Bên A đồng ý cho bên B được treo biển hiệu, biển báo, giới thiệu sản phẩm trong phần diện tích cho thuê để thực hiện theo mục đích thuê tại điều 2 hợp đồng này

5.2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

5.2.1. Nhận nhà kho theo đúng các điều kiện thỏa thuận ghi tại hợp đồng này. Sử dụng nhà kho, văn phòng, đúng mục đích thuê, không sản xuất, mua bán, tàng trữ các mặt hàng bị cấm theo quy định luật pháp Việt Nam.

5.2.2. Không gây ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng trật tự công cộng. Bên B chấp hành mọi quy định và quy tắc về vệ sinh môi trường, **chấp hành mọi quy định, quy tắc về an toàn phòng chống cháy nổ**, chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật những phát sinh do quá trình hoạt động của mình gây ra.

5.2.3. Thanh toán tiền thuê nhà kho đúng thời hạn. Tiền điện, nước sẽ được Bên B thanh toán hàng tháng và được thanh toán bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản Bên A trước ngày 30 hàng tháng. Lãi do chậm thanh toán: Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng này thì Bên B sẽ bị phạt trên số ngày chậm trả tính theo lãi suất tiền vay ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nam tại thời điểm chậm thanh toán. (Lãi suất vay này sẽ được điều chỉnh theo ngày điều chỉnh lãi suất tiền vay ngân hàng TMCP Á châu tại từng thời điểm cụ thể). Số ngày chậm trả được tính từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán thực tế. Có quyền từ chối thanh toán nếu Bên A vi phạm một trong

tiền

5.2.4. Khi hết hạn hợp đồng thuê 02 bên căn cứ vào biên bản bàn giao bên thuê bàn giao lại cho bên A nếu hỏng hoặc mất thì bên B phải khắc phục trước khi bàn giao (trừ các tài sản bị khấu hao, các hao mòn tự nhiên)

5.2.5. Bên B tự chịu trách nhiệm về các thủ tục khai báo các cơ quan chức năng có liên quan đến người Việt Nam cũng như người nước ngoài, chuyên gia cố vấn nước ngoài sang làm việc tại nhà kho, văn phòng, (nếu có)

5.2.6 Trong trường hợp Bên B sử dụng nhà kho, xưởng làm hư hỏng, gây thiệt hại nhà xưởng của Bên A thì bên B có trách nhiệm sửa chữa hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa cho Bên A thuê đơn vị thứ 3 vào sửa chữa.

Điều 6: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Đới bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

6.1.1. Bên B có quyền: chấm dứt hợp đồng, không phải thanh toán tiền thuê nhà kho mà không phải bồi thường cho bên A bất cứ khoản phí nào, đồng thời bên A phải hoàn trả lại các khoản tiền trả trước cho bên B khi có 1 trong các căn cứ sau:

- Bên B không thể tổ chức lưu trữ hàng hóa vì lý do giấy tờ pháp lý của nhà kho không phù hợp hoặc bên A không có quyền cho bên B thuê.

Bên A hoặc bên liên quan đến bên A cản trở đến hoạt động lưu trữ hàng hóa của bên B.

- Bên A vi phạm nghiêm trọng các điều kiện của hợp đồng...

6.1.2. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng nếu

Bên B không thanh toán đúng hạn trong vòng 30 ngày làm việc hoặc sử dụng nhà kho vào mục đích khác mà không có sự đồng ý của bên A hoặc làm tài sản hư hỏng nghiêm trọng (do lỗi của Bên B). Trong trường hợp này bên A có quyền yêu cầu bên B tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến khi các vướng mắc được giải quyết (ngoại trừ trường hợp các vấn đề phát sinh từ bên A thì bên B có quyền từ chối không thanh toán cho bên A)

6.2. Trong trường hợp bất khả kháng (chiến tranh, hỏa hoạn do bên thứ 3 gây ra, thiên tai, lũ lụt, động đất) gây gián đoạn trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì hai bên cùng bàn bạc thương lượng trên tinh thần thiện trí, cùng có lợi để đưa ra hướng giải quyết phù hợp. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên A và Bên B không phải chịu trách nhiệm do không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, không bên nào phải bồi thường thiệt hại cho bên kia về các tài sản bị hư hỏng, mất mát của bên kia.

Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có ‘Sự kiện bất khả kháng’ xảy ra. Khi ‘Sự kiện bất khả kháng’ xảy ra và Bên B phải đóng cửa, không thực hiện được hoạt động kinh doanh tại địa chỉ nhà thuê thì Bên B được giảm 30% tiền thuê nhà tính trên thời gian thực tế Bên B phải đóng cửa do ‘Sự kiện bất khả kháng’ xảy ra

6.3. Một trong hai bên bị chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. Căn cứ bên nào bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh sẽ phải bồi thường cho bên còn lại theo quy định tại Điều khoản Phạt hợp đồng của bản Hợp đồng này.

Điều 7: PHẠT HỢP ĐỒNG

7.1. Phạt vi phạm

- Không bên nào được viện dẫn điều khoản vi phạm về hình thức của hợp đồng để tuyên bố hoặc yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Bên bị xem là Vi phạm nghĩa vụ sẽ phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số tiền phạt trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày bị xem là Vi phạm nghĩa vụ

7.2 Bồi thường thiệt hại:

- Bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường tương đương giá trị 3 tháng tiền thuê nhà kho.

- Khi một Bên bị xem là Vi phạm nghĩa vụ dẫn đến gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường thiệt hại bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên kia trong thời hạn 30 Ngày làm việc là ngày xác định được giá trị thiệt hại

7.2. Trường hợp một bên muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia ít nhất là 3 tháng và chịu phạt số tiền tương đương 1 tháng tiền thuê nhà kho.

Điều 8: CAM KẾT CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

8.1. Bên A cam kết

- Tất cả những thông tin đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- Tại thời điểm giao kết hợp đồng này
- Quyền sử dụng đất, nhà kho, văn phòng, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên A, không có bất kỳ tranh chấp với bên thứ ba nào;
- Quyền sử dụng đất, nhà kho, văn phòng, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- Có đầy đủ quyền cho bên B thuê.
- Việc sử dụng nhà kho, văn phòng cho thuê không bị hạn chế bởi quyền của người thứ ba (ví dụ các tổ chức tín dụng, các tổ chức mua bán nợ...)
- Ngoài hợp đồng thuê nhà kho, văn phòng này, bên A cam kết chưa lập bất kỳ một hợp đồng thuê nhà kho, văn phòng, hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, trao đổi, cầm cố hoặc một sự thỏa thuận mua bán nào khác.
- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

8.2 Bên B cam kết

- Những thông tin đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;
- Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Điều 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong một hoặc các trường hợp sau đây:

- Thời hạn thuê kết thúc mà không được gia hạn;
- Một trong Hai Bên bị phá sản, giải thể;
- Nhà xưởng bị tiêu hủy hoặc hư hỏng đến mức hoàn toàn không thể sử dụng được;
- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

9.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Hai Bên sẽ ký Biên bản thanh lý Hợp đồng và thanh toán, hoàn trả cho nghĩa vụ, trách nhiệm vật chất còn thiếu (nếu có).

Điều 10: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

10.1. Hợp đồng được xem là tự động thanh lý tại thời điểm hết hạn nếu không có thỏa thuận hoặc yêu cầu nào khác của một trong hai bên. Trước khi thanh lý Hợp đồng, hai bên sẽ tiến hành kiểm kê, đánh giá lại tài sản và phải giải quyết xong các trường hợp mất

mất, hư hỏng hoặc công nợ của hai bên. Trong trường hợp này, nếu có yêu cầu của một trong hai bên, các bên sẽ tiến hành lập Biên bản thanh lý Hợp đồng.

10.2. Hai bên lập Biên bản thanh lý hợp đồng trong trường hợp hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

10.3. Sau khi ký Hợp đồng này, Bên A đồng ý Bên B sẽ tiến hành sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại mặt bằng thuê phù hợp với mục đích sử dụng nêu tại Hợp đồng này.

10.4. Việc sửa đổi Hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu được lập bằng văn bản dưới dạng phụ lục và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của các Bên. Các Phụ lục kèm theo Hợp đồng hoặc bất kỳ các văn bản bổ sung và sửa đổi nào được ký kết hợp lệ đều là một bộ phận của Hợp đồng, có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành như Hợp đồng.

10.5. Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo thể hiện toàn bộ sự thỏa thuận của các Bên, thay thế các thỏa thuận trước đây đối với các vấn đề nêu tại Hợp đồng. Bất kỳ tranh chấp nào không thể giải quyết thông qua hòa giải/dàm phán, thì một trong hai bên có quyền đề nghị Tòa án Tỉnh Hà Nam giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Mọi chi phí khởi kiện do bên thua kiện chịu.

10.6. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 (bốn) bản chính. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản chính có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
TRẦN THỊ TƯƠI

ĐẠI DIỆN BÊN B



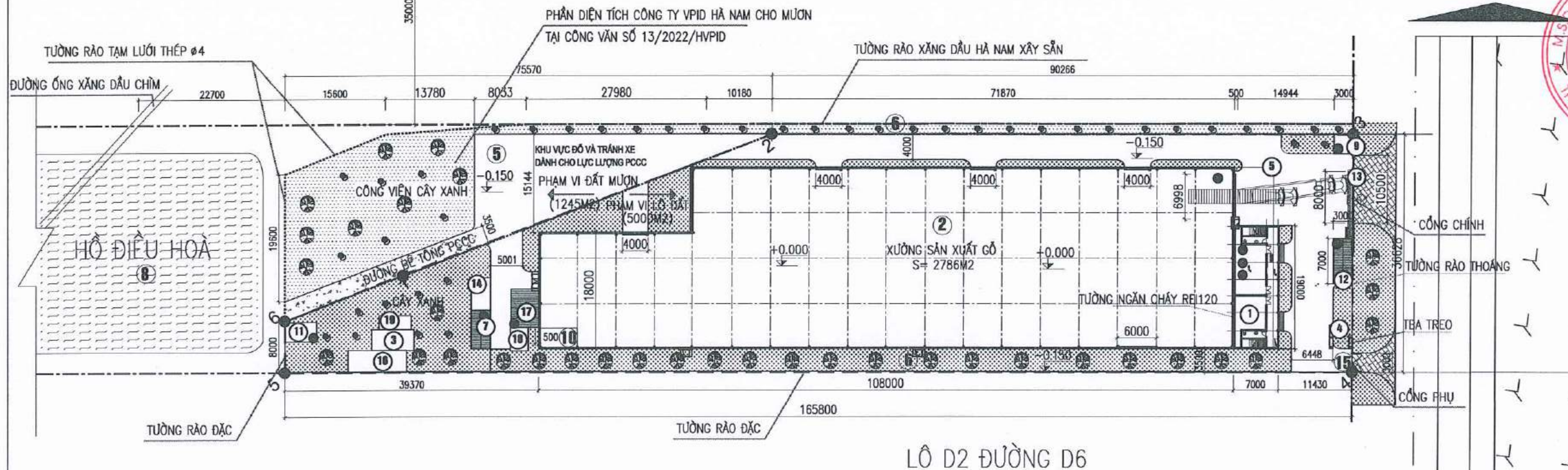
GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Phương Anh

TỔNG MẶT BẰNG TẦNG 1

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

TỈNH HÀ NAM

XÃNG DẦU HÀ NAM



GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
CHÂU SƠN
Địa chỉ - Address:
Địa chỉ KCN Châu Sơn, P. Châu Sơn, TP. Phú Lý, T. Hà Nam

DỰ ÁN - PROJECT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ DÁN,
VÁN LẮNG, GỖ MÓNG KHÁC
CÔNG TY
TNHH
SẢN XUẤT
CHÂU SƠN
TP. PHÚ LÝ - T. HÀ NAM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN, TP. PHÚ LÝ, T. HÀ NAM

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ - PHASE DESIGN:
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ST	Ngày/tháng	Sửa đổi
01		
02		
03		

HẠNG MỤC
TỔNG MẶT BẰNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG
EIFFEL VIỆT NAM
EIFFEL VIỆT NAM

Địa chỉ - Address:
Số 108, ngõ 255, đường Hoàng Mai, Phường Hoàn Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai - Hà Nội
Văn phòng đại diện:
Số 20, Ngõ 22/282 Kim Giang, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: 0903.337.857
Email: vtvietnam@gmail.com

PH. GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR
TS. Nguyễn Duy Cường

CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN - PROJECT DIRECTOR
KS. Nguyễn Văn Chiến

CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN - PROJECT MANAGER
TS. Nguyễn Duy Cường

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC - ARCHITECTURE DESIGN
KTS. Nguyễn Bá Bắc

THIẾT KẾ KẾT CẤU - STRUCTURE DESIGN
KS. Nguyễn Tùng Long

KIỂM TRA - CHECK
KS. Nguyễn Văn Chiến

TÊN FILE - PATH FILE
TỈ LỆ - SCALE
NGÀY GIẢI - ISSUE DATE

DRAWING NO
TMB-01
.../202...

GHI CHÚ:

I CÔNG TRÌNH TRONG RANH GIỚI NHÀ XƯỞNG

- NHÀ ĐIỀU HÀNH, S=133M², 3 TẦNG
- XƯỞNG SẢN XUẤT GỖ, S=2861M²
- BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI, S=20,86M²
- TRẠM BIẾN ÁP TREO
- SÂN ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- CÂY XANH
- LĂN XE CÔNG NHÂN, S=18M²
- NHÀ BẢO VỆ, S=9M²
- NHÀ VỆ SINH, S=18M²/KHU
- NHÀ TRẠM BƠM PCCC, S=19M²
- NHÀ XE CÁN BỘ, S=21M²
- CỔNG CHÍNH
- NHÀ RÁC, S=15M²
- CỔNG PHỤ
- NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN (S=30,61 M²)
- MÁI CHE (S=25,56 M²)
- BỂ LẮM MẮT (S=10 M²)
- BỂ PHỐT (S=10 M²)

II CÔNG TRÌNH NGOÀI RANH GIỚI NHÀ XƯỞNG

- SÂN ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- CÂY XANH
- HỒ NƯỚC ĐIỀU HOÀ PCCC

- SỐ TẦNG
- RANH GIỚI KHU ĐẤT (5000M²)
- RANH GIỚI KHU ĐẤT MƯỜN (1245M²)

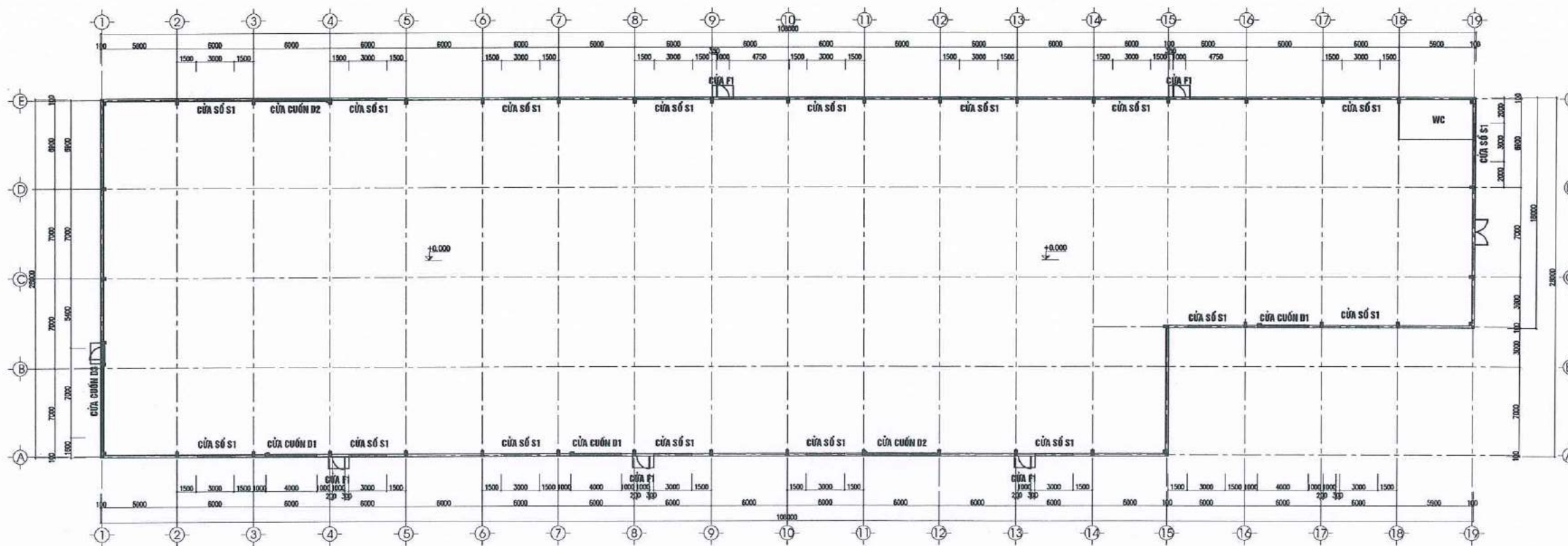
- ĐẤT CÂY XANH
- SÂN ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- ĐƯỜNG DỐC BÊ TÔNG ASPHALT

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

SỐ HIỆU ĐỈNH THỪA	HỆ TỌA ĐỘ VN 2000		TỶ LỆ(%)
	X	Y	
1	2269788.61	593494.86	
2	2269770.79	593553.46	61.25
3	2269715.76	593625.01	90.27
4	2269686.71	593602.70	36.63
5	2269787.77	593471.22	165.83
6	2269794.08	593476.07	7.96
1	2269788.61	593494.86	19.57

MẶT ĐỘ XÂY DỰNG

QUY MÔ DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH(M ²)	TỶ LỆ(%)
NHÀ ĐIỀU HÀNH	133M ²	
NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT GỖ	2786M ²	
NHÀ XE CÁN BỘ	21M ²	
NHÀ XE CÔNG NHÂN	18M ²	
NHÀ RÁC	15M ²	
NHÀ BẢO VỆ	9M ²	
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	5000M ²	
DIỆN TÍCH ĐẤT MƯỜN	1245M ²	
DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH	6245M ²	
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	2982M ²	59.64 %
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG	960M ²	19.20 %
DIỆN TÍCH CÂY XANH	1058M ²	21.16 %



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG

GHI CHÚ

1:
2:
3:
4:

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
CHÂU SƠN**

Địa chỉ - Address:
KCN Châu Sơn, P. Châu Sơn, TP. Phú Lý, T. Hà Nam

DỰ ÁN - PROJECT

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ DÁN,
VÁN LÁNG, GỖ MŨNG KHÁC**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN, TP. PHÚ LÝ, T. HÀ NAM

GIẢI ĐOẠN - PHASE DESIGN:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

STT	Ngày/tháng	Sửa đổi
01		
02		
03		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG
EIFFEL VIỆT NAM**

Địa chỉ - Address:

Số 108, ngõ 255, đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ
Quận Hoàng Mai - Hà Nội
Văn phòng đại diện:
Số 20, ngách 22/282 Kim Giang, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: 0963.837.857
Email: eiffelvietnam@gmail.com

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG
NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

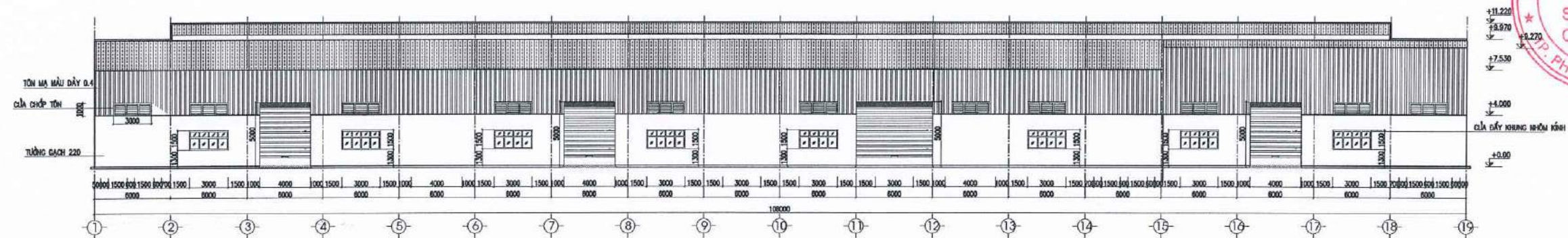
Địa chỉ - Address:

Số 13 Lô 2B, khu Đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 0243 783 0897

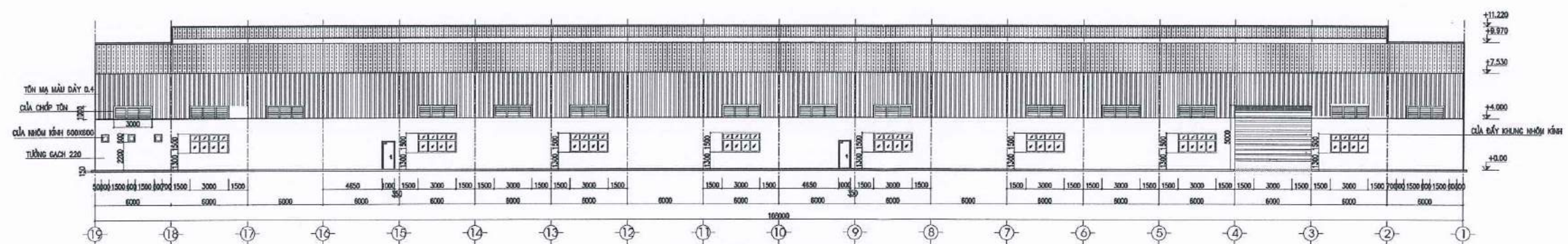
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG

TÊN FILE - PATH FILE	DRAWING NO
TỈ LỆ - SCALE	KT-01
NGÀY GIAO - ISSUE DATE	.../202...



MẶT ĐỨNG TRỰC 1-19



MẶT ĐỨNG TRỰC 19-1

GHI CHÚ:

- DIỆN TÍCH LỖ MỜ CỬA SỔ: S=189M2
- SỐ LƯỢNG CỬA CHỐT THÔNG GIÓ: 25
- DIỆN TÍCH LỖ MỜ THÔNG GIÓ: S=75M2 (2.7%)

GHI CHÚ

- 1-.....
- 2-.....
- 3-.....
- 4-.....

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHÂU SƠN
Địa chỉ - Address:
KCN Châu Sơn, P. Châu Sơn, TP. Phú Lý, T. Hà Nam

DỰ ÁN - PROJECT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GỖ DÁN, VÁN LANG, GỖ MỒNG KHẮC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN, TP. PHÚ LÝ, T. HÀ NAM

GIAI ĐOẠN - PHASE DESIGN:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

STT	Ngày/tháng	Sửa đổi
01		
02		
03		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ - DESIGNED BY:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG EIFFEL VIỆT NAM

Địa chỉ - Address:
Số 108, ngõ 255, đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai - Hà Nội
Văn phòng đại diện:
Số 20, ngách 22/282 Kim Giang, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: 0963.837.857
Email: eiffelvietnam@gmail.com

ĐƠN VỊ THỰC CÔNG:
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

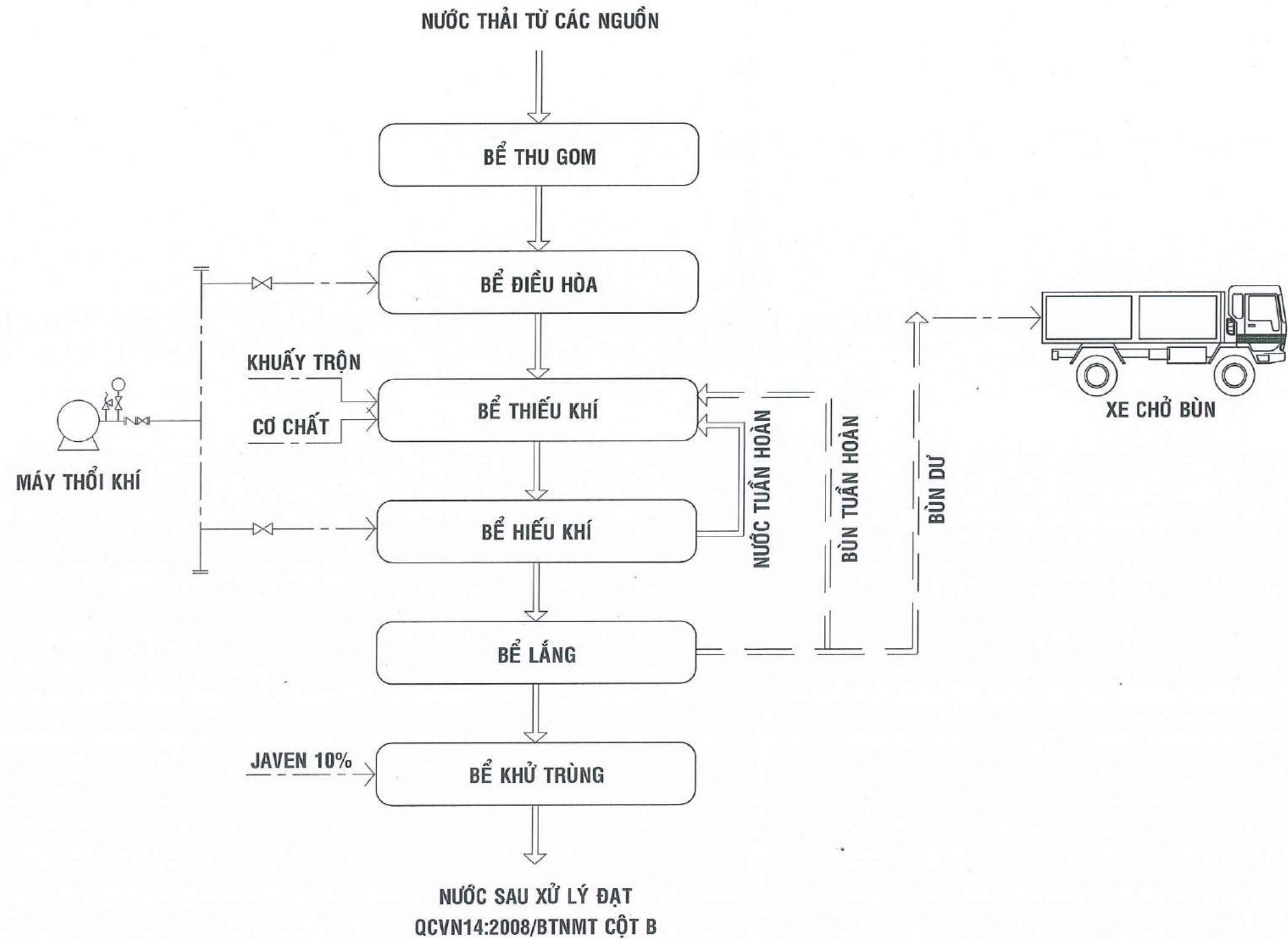
Địa chỉ - Address:
Số 13 Lô 28, khu Đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 0243 763 0897

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT ĐỨNG TRỰC 1-19
MẶT ĐỨNG TRỰC 19-1

TÊN FILE - PATH FILE	DRAWING NO
THẺ - SCALE	KT-03
NGÀY GIAO - ISSUE DATE	.../202...

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG



HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XLNT SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN,
T. HÀ NAM

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN

ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC:

[Signature]

TRẦN PHÚ MỀ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN HOÀNG	
QUẢN LÝ:	<i>[Signature]</i>
VŨ QUANG HÙNG	
THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
LÊ VĂN HIẾN	

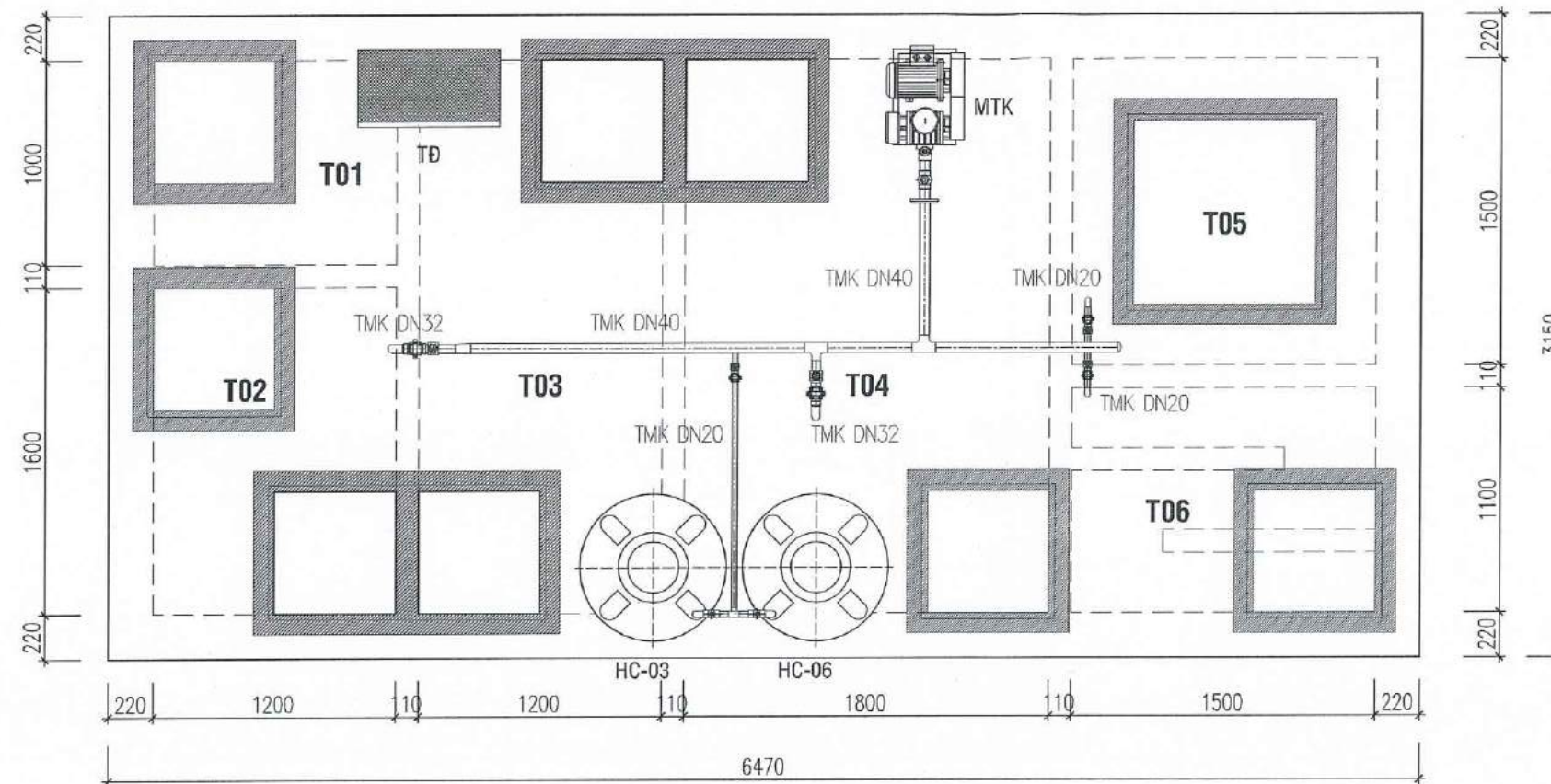
TÊN BẢN VẼ:

QUY TRÌNH
CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

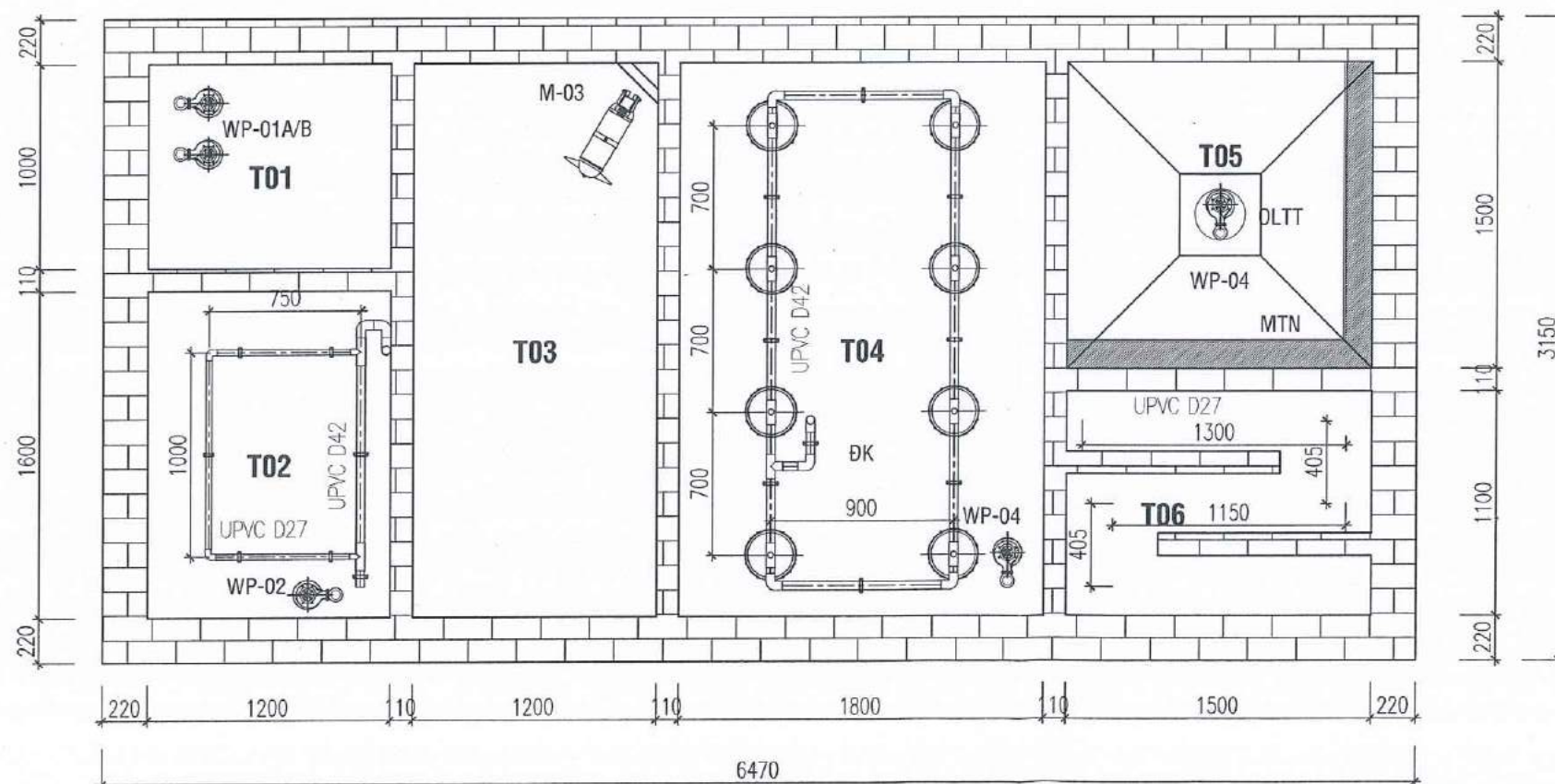
HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	8/2023	BV-CN-01

TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN		SƠ ĐỒ HỆ THỐNG CẤP KHÍ		SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT		SỬA ĐỔI <table><tr><td>LẦN</td><td>NGÀY</td><td>XÁC NHẬN</td></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td></td><td></td></tr></table>		LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN	1			2			3			4																					
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN																																							
1																																									
2																																									
3																																									
4																																									
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG																																									
DỰÁN: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG																																									
HÀNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ SINH HOẠT CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY																																									
ĐỊA ĐIỂM: KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN, T. HÀ NAM																																									
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG MINH AN																																									
ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG																																									
GIÁM ĐỐC: TRẦN PHÚ MỸ																																									
CHỈ TIÊU CƠ BẢN QCVN14:2008/BTNMT CỘT B <table><tr><td>TT</td><td>THÔNG SỐ</td><td>ĐƠN VỊ</td><td>GIÁ TRỊ</td></tr><tr><td>1</td><td>PH</td><td>mg/L</td><td>5,5-9</td></tr><tr><td>2</td><td>BOD5</td><td>mg/L</td><td>50</td></tr><tr><td>3</td><td>COD</td><td>mg/L</td><td>150</td></tr><tr><td>4</td><td>TSS</td><td>mg/L</td><td>100</td></tr><tr><td>5</td><td>AMONI</td><td>mg/L</td><td>10</td></tr><tr><td>6</td><td>TỔNG NITƠ</td><td>mg/L</td><td>40</td></tr><tr><td>7</td><td>TỔNG PHOTPHO</td><td>mg/L</td><td>6</td></tr><tr><td>8</td><td>COLIFORM</td><td>MPN/100mL</td><td>5.000</td></tr></table>						TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ	1	PH	mg/L	5,5-9	2	BOD5	mg/L	50	3	COD	mg/L	150	4	TSS	mg/L	100	5	AMONI	mg/L	10	6	TỔNG NITƠ	mg/L	40	7	TỔNG PHOTPHO	mg/L	6	8	COLIFORM	MPN/100mL	5.000
TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ																																						
1	PH	mg/L	5,5-9																																						
2	BOD5	mg/L	50																																						
3	COD	mg/L	150																																						
4	TSS	mg/L	100																																						
5	AMONI	mg/L	10																																						
6	TỔNG NITƠ	mg/L	40																																						
7	TỔNG PHOTPHO	mg/L	6																																						
8	COLIFORM	MPN/100mL	5.000																																						
CHỮ TRƯỞNG THIẾT KẾ: NGUYỄN HOÀNG QUẢN LÝ: VŨ QUANG HÙNG THIẾT KẾ: LÊ VĂN HIẾN																																									
TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ																																									
HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG <table><tr><td>TỶ LỆ</td><td>HOÀN THÀNH</td><td>SỐ HIỆU BẢN VẼ</td></tr><tr><td>A3</td><td>8/2023</td><td>BV- CN-02</td></tr></table>						TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ	A3	8/2023	BV- CN-02																														
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ																																							
A3	8/2023	BV- CN-02																																							

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ TRÊN MẶT BỂ



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ TRONG BỂ



CHÚ THÍCH:

- T01 : BỂ THU GOM
T02 : BỂ ĐIỀU HÒA
T03 : BỂ THIẾU KHÍ
T04 : BỂ HIẾU KHÍ
T05 : BỂ LẮNG
T06 : BỂ KHỬ TRÙNG

- WP-01 : BƠM THU GOM
WP-02 : BƠM ĐIỀU HÒA
M-03 : MÁY KHUẤY CHÌM
WP-04 : BƠM TUẦN HOÀN
SP-05 : BƠM BÙN
MTK : MÁY THỔI KHÍ
MCCB : TỦ ĐIỆN
ĐK : ĐÁ KHÍ
MTN : MĂNG THU NƯỚC
OLTT : ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
HC-03 : BỒN CƠ CHẤT
HC-06 : BỒN JAVEN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG

MSDN: 0700867599 - CTNH
CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHỆ
SAN CHUANG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN,
T. HẢI DƯƠNG

CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINH AN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN

ĐỊA CHỈ KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC:

TRẦN PHÚ MỀ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
NGUYỄN HOÀNG
OLKT:
VŨ QUANG HÙNG
THIẾT KẾ:
LÊ VĂN HIẾN

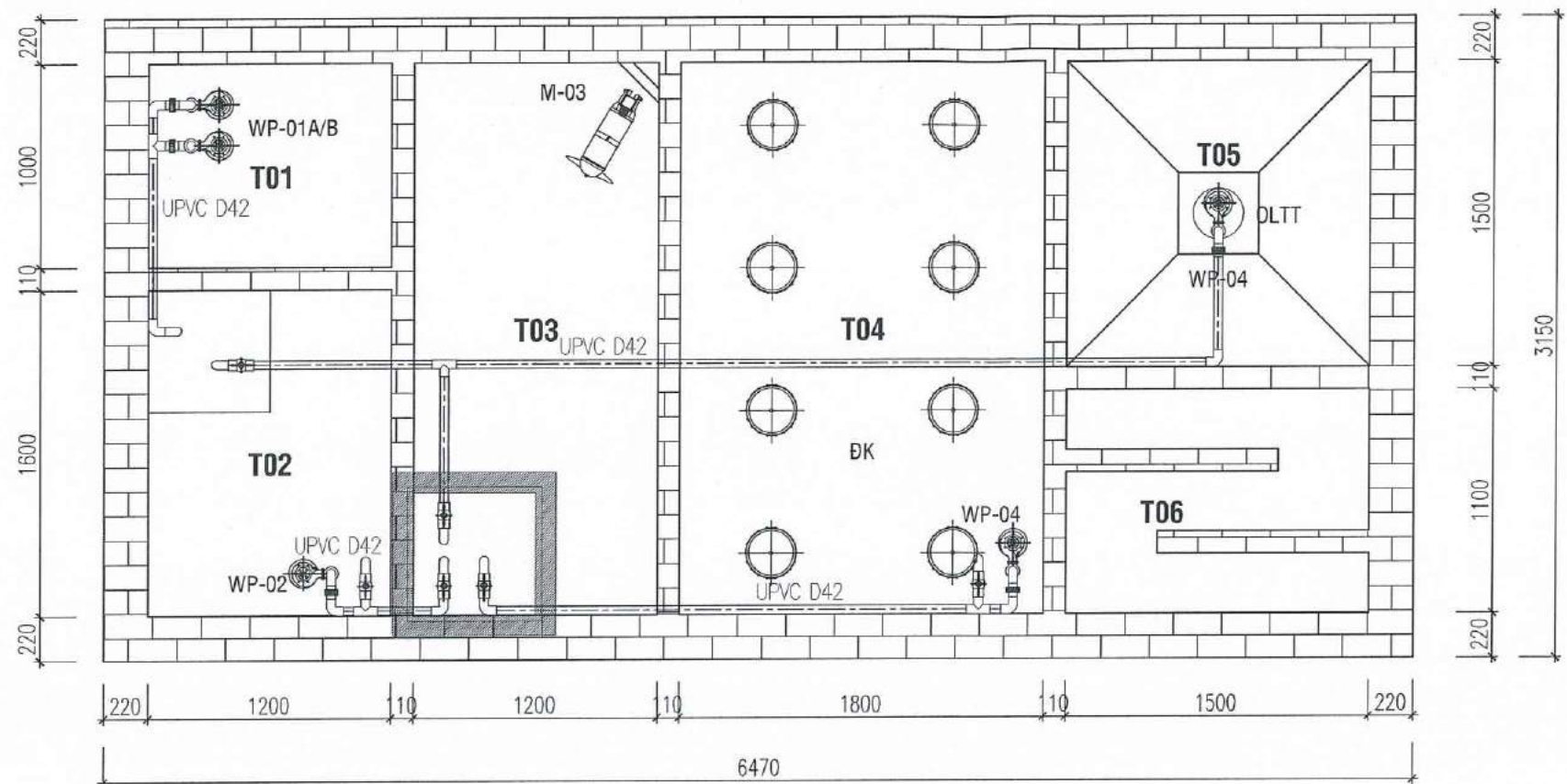
TÊN BẢN VẼ:

**MẶT BẰNG
ĐƯỜNG ỐNG KHÍ**

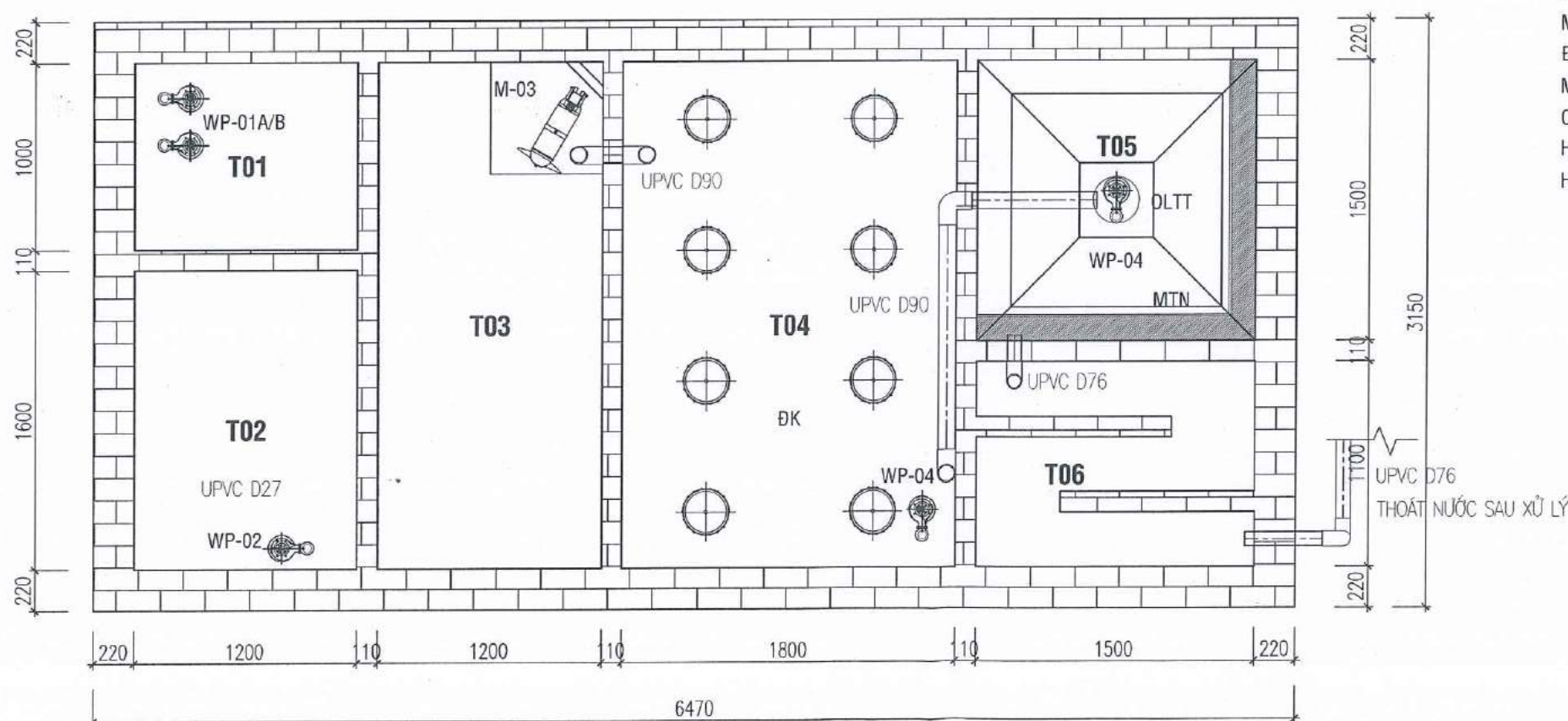
HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	8/2023	BV-CN-04

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BƠM NƯỚC VÀ BÙN THẢI



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY TRONG BỂ



CHÚ THÍCH:

- T01 : BỂ THU GOM
T02 : BỂ ĐIỀU HÒA
T03 : BỂ THIẾU KHÍ
T04 : BỂ HIẾU KHÍ
T05 : BỂ LẮNG
T06 : BỂ KHỬ TRÙNG

- WP-01 : BƠM THU GOM
WP-02 : BƠM ĐIỀU HÒA
M-03 : MÁY KHUẤY CHÌM
WP-04 : BƠM TUẦN HOÀN
SP-05 : BƠM BÙN
MTK : MÁY THỔI KHÍ
MCCB : TỦ ĐIỆN
ĐK : ĐĨA KHÍ
MTN : MĂNG THU NƯỚC
DLTT : ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
HC-03 : BỒN CƠ CHẤT
HC-06 : BỒN JAVEN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG



HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN,
T. HÀ NAM



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN

ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC:

[Signature]

TRẦN PHÚ MỀ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN HOÀNG	
QLKT:	<i>[Signature]</i>
VŨ QUANG HÙNG	
THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
LÊ VĂN HIẾN	

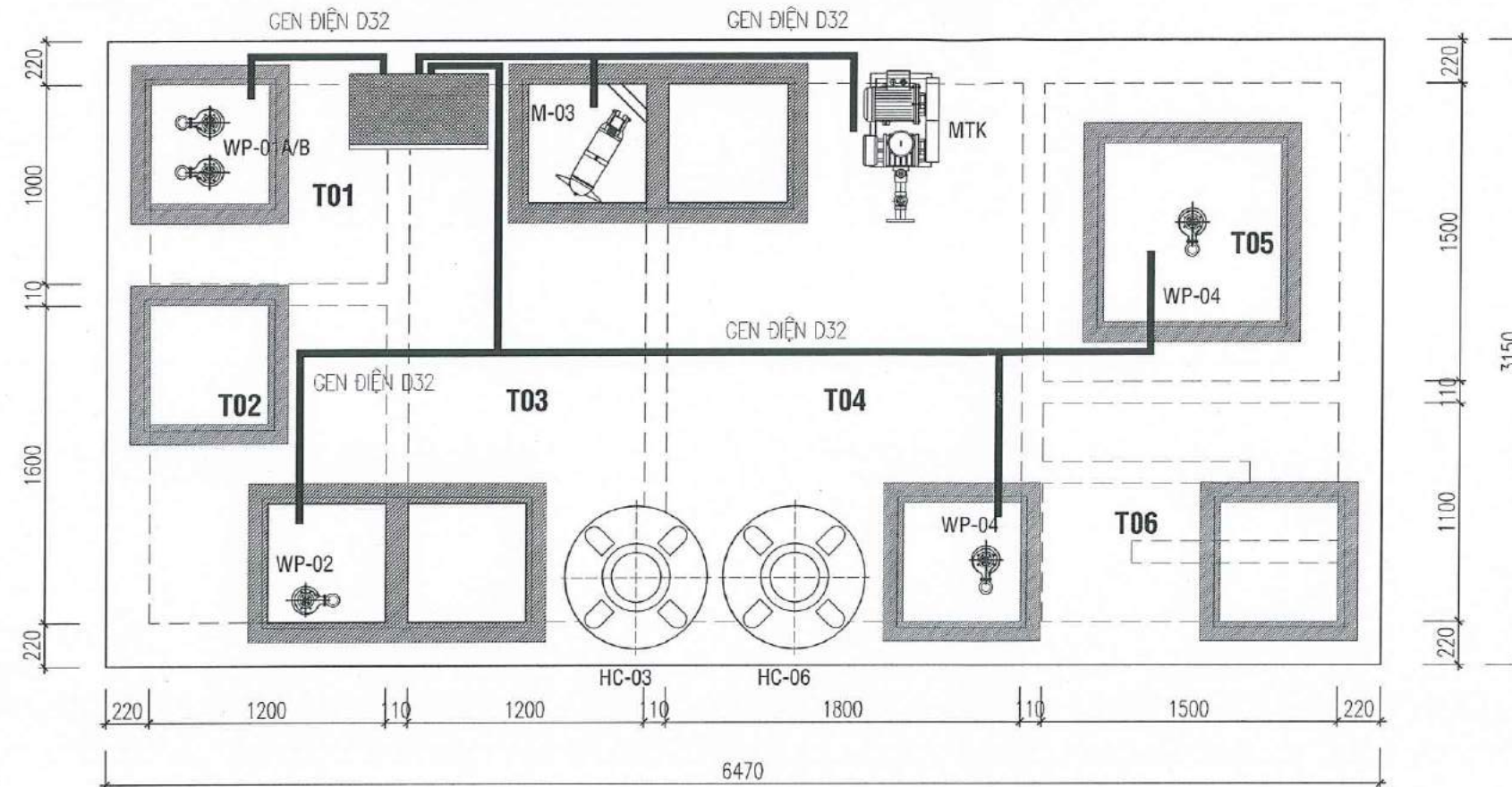
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG
ĐƯỜNG ỐNG BƠM
VÀ ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY

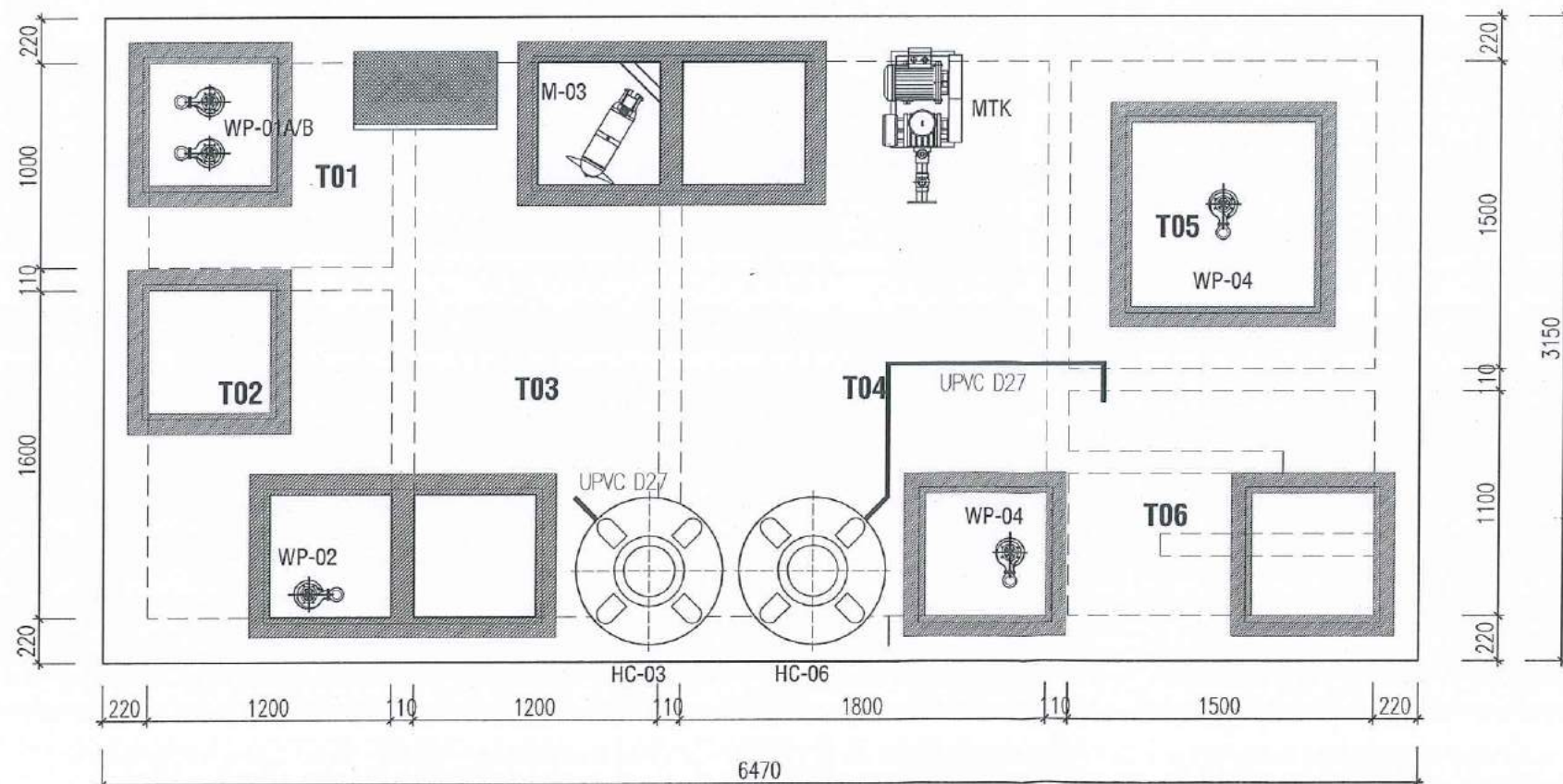
HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	8/2023	BV-CN-05

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG GEN ĐIỆN



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP HOÁ CHẤT



CHÚ THÍCH:

- T01 : BỂ THU GOM
T02 : BỂ ĐIỀU HÒA
T03 : BỂ THIẾU KHÍ
T04 : BỂ HIẾU KHÍ
T05 : BỂ LẮNG
T06 : BỂ KHỬ TRÙNG

- WP-01 : BƠM THU GOM
WP-02 : BƠM ĐIỀU HÒA
M-03 : MÁY KHUẤY CHÌM
WP-04 : BƠM TUẦN HOÀN
SP-05 : BƠM BÙN
MTK : MÁY THỔI KHÍ
MCCB : TỦ ĐIỆN
ĐK : ĐĨA KHÍ
MTN : MĂNG THU NƯỚC
OLTT : ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
HC-03 : BỒN CƠ CHẤT
HC-06 : BỒN JAVEN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SANCHUANG**
M.S.D.N: 0700867599 - CTNH

HẠNG MỤC: **HỆ THỐNG XỬ LÝ SINH HOẠT CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY**

ĐỊA ĐIỂM: **KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN, T. HÀ NAM**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG MINH AN**
M.S.D.N: 080772667
TP. HẢI DƯƠNG - T. HÀ DƯƠNG

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG MINH AN

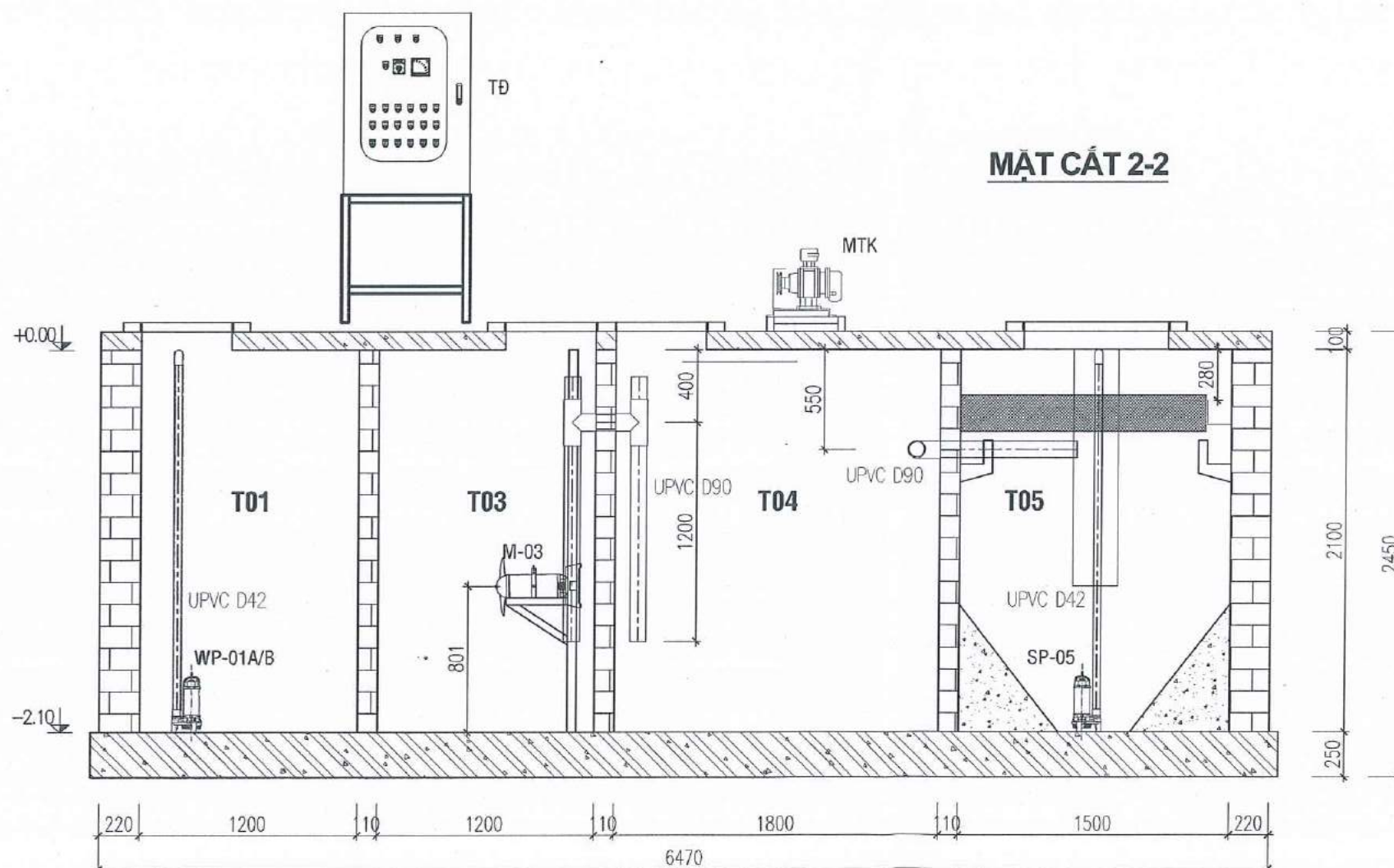
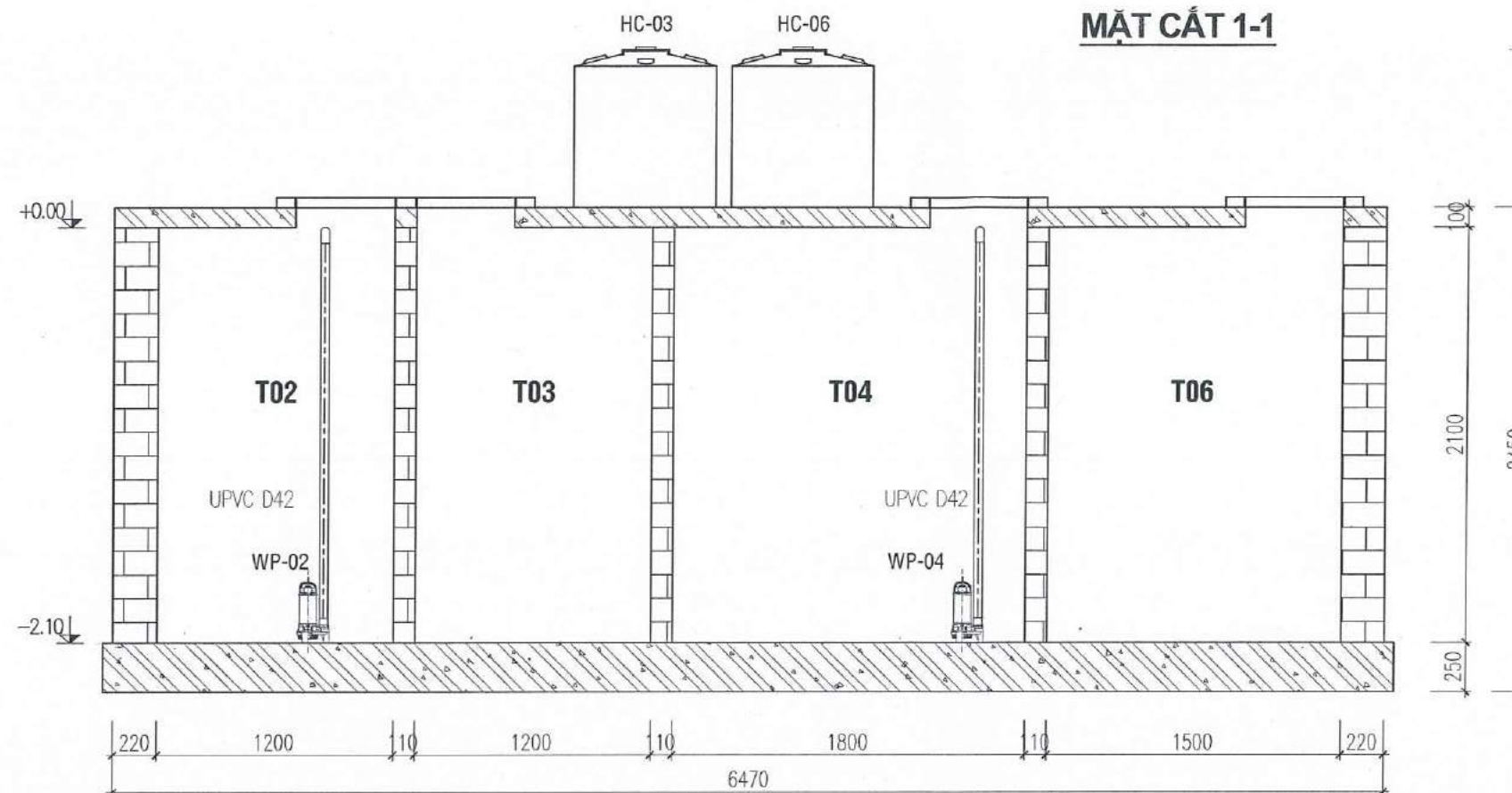
ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC:

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
NGUYỄN HOÀNG	
QUẢN LÝ:	
VŨ QUANG HÙNG	
THIẾT KẾ:	
LÊ VĂN HIẾN	

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG GEN ĐIỆN VÀ HÓA CHẤT

HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	8/2023	BV-CN-06



CHÚ THÍCH:

T01 : BỂ THU GOM
T02 : BỂ ĐIỀU HÒA
T03 : BỂ THIỂU KHÍ
T04 : BỂ HIẾU KHÍ
T05 : BỂ LẮNG
T06 : BỂ KHỬ TRÙNG

WP-01 : BƠM THU GOM
WP-02 : BƠM ĐIỀU HÒA
M-03 : MÁY KHUẤY CHÌM
WP-04 : BƠM TUẦN HOÀN
SP-05 : BƠM BÙN
MTK : MÁY THỔI KHÍ
MCCB : TỦ ĐIỆN
ĐK : ĐĨA KHÍ
MTN : MÁNG THU NƯỚC
OLTT : ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
HC-03 : BỒN CƠ CHẤT
HC-06 : BỒN JAVEN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG**



HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN,
T. HÀ NAM



**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN**

ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC:

[Signature]

TRẦN PHÚ MÊ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN HOÀNG	
GIÁM ĐỐC:	<i>[Signature]</i>
VŨ QUANG HÙNG	
THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
LÊ VĂN HIẾN	

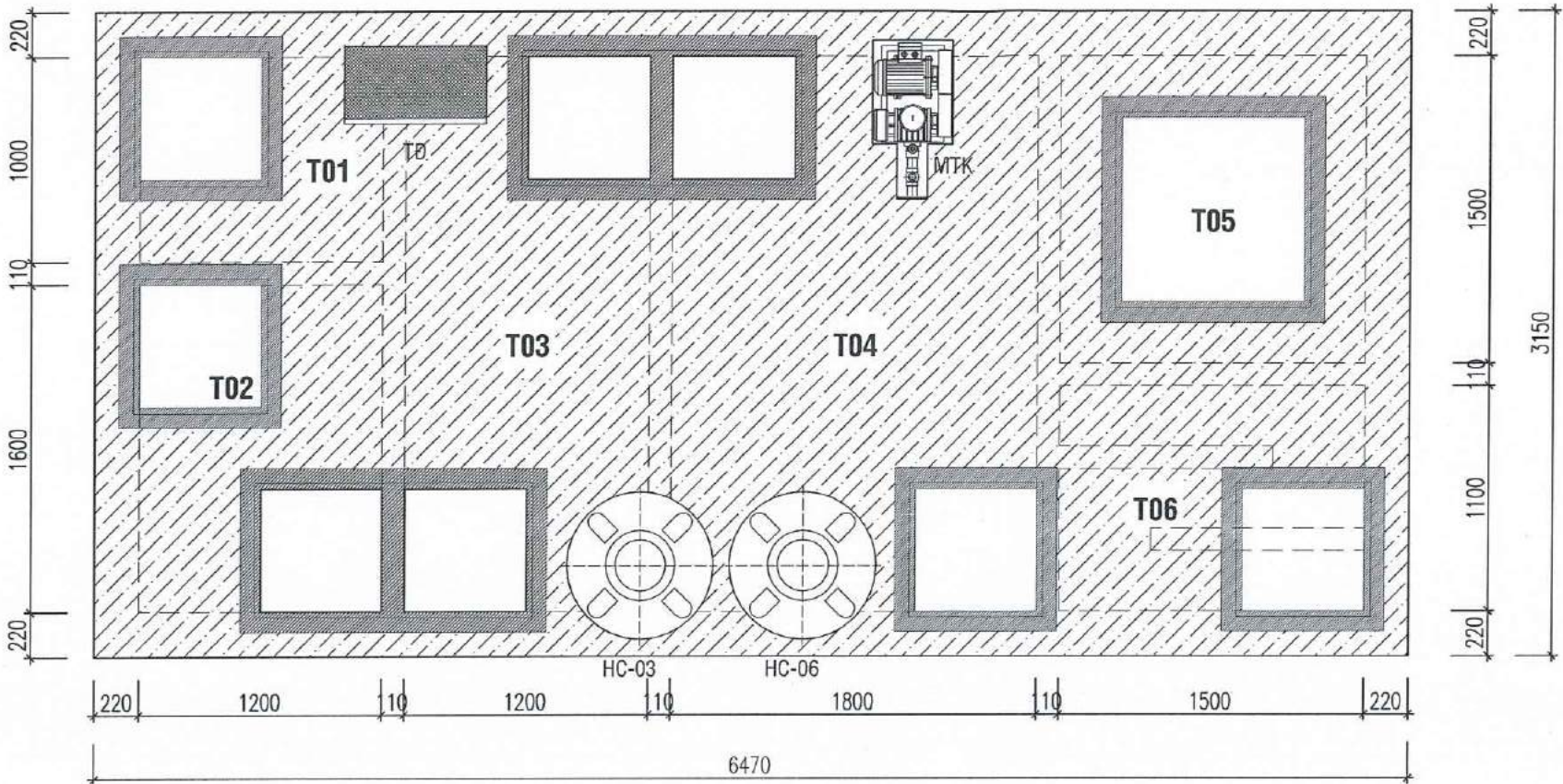
TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT 1-1, 2-2

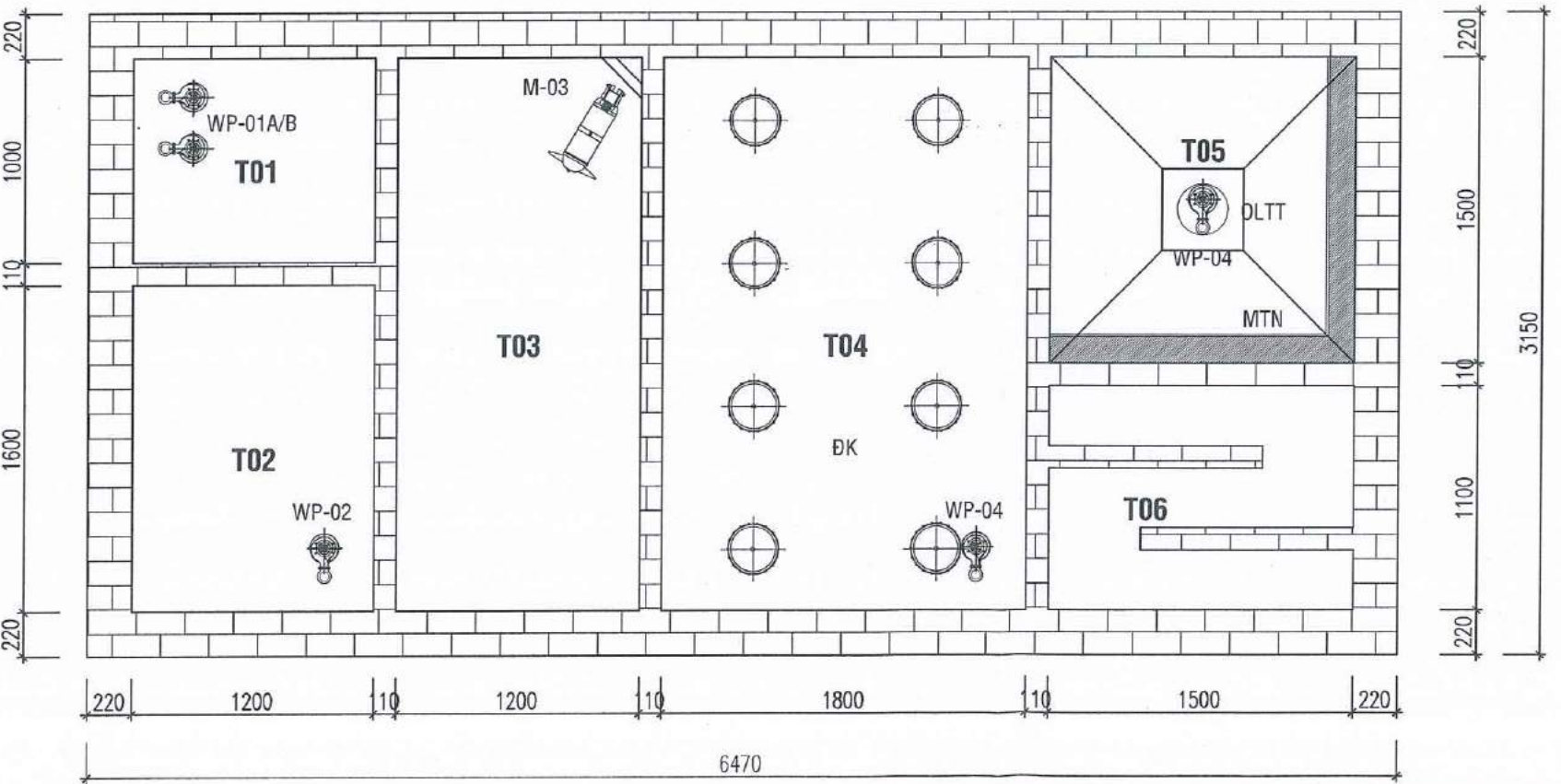
HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU BẢN VẼ
A3	8/2023	BV-CN-07

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRÊN MẶT BỂ



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG BỂ



CHÚ THÍCH:

- T01 : BỂ THU GOM
T02 : BỂ ĐIỀU HÒA
T03 : BỂ THIẾU KHÍ
T04 : BỂ HIẾU KHÍ
T05 : BỂ LẮNG
T06 : BỂ KHỬ TRÙNG

- WP-01 : BƠM THU GOM
WP-02 : BƠM ĐIỀU HÒA
M-03 : MÁY KHUẤY CHÌM
WP-04 : BƠM TUẦN HOÀN
SP-05 : BƠM BÙN
MTK : MÁY THỔI KHÍ
MCCB : TỦ ĐIỆN
ĐK : ĐĨA KHÍ
MTN : MẢNG THU NƯỚC
OLTT : ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
HC-03 : BỒN CƠ CHẤT
HC-06 : BỒN JAVEN

SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG

DU ANH
CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ
SAN CHUANG

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN,
T. HÀ NAM

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINH AN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN

ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC:

TRẦN PHÚ MÊ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
NGUYỄN HOÀNG
QUKT:
VŨ QUANG HÙNG
THIẾT KẾ:
LÊ VĂN HIẾN

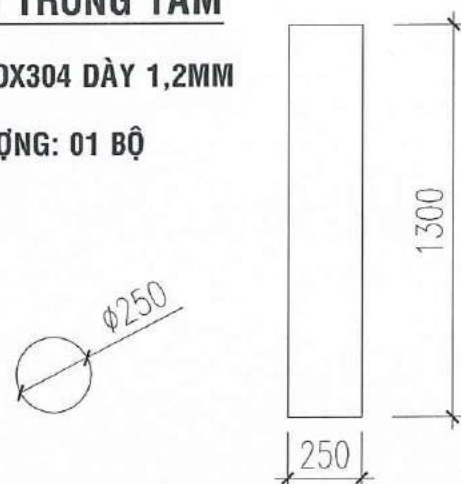
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG
BỐ TRÍ THIẾT BỊ

HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG
TỶ LỆ: A3
HOÀN THÀNH: 8/2023
SỐ HIỆU BẢN VẼ: BV-CN-03

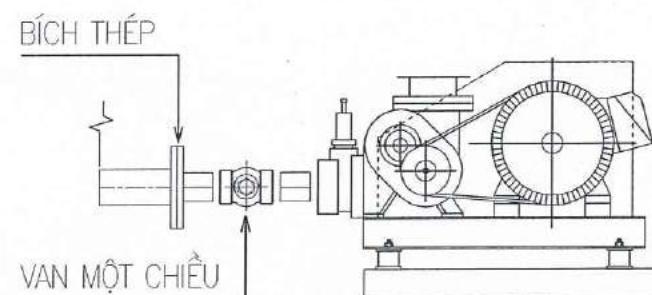
ỐNG LẮNG TRUNG TÂM

- VẬT LIỆU: INOX304 DÀY 1,2MM

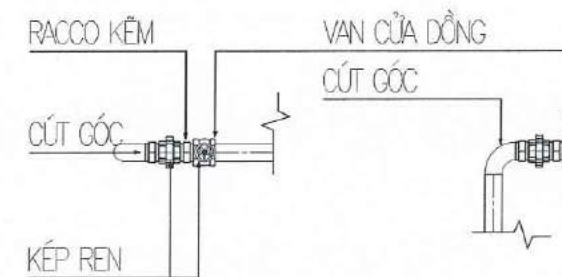
- SỐ LƯỢNG: 01 BỘ



LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ

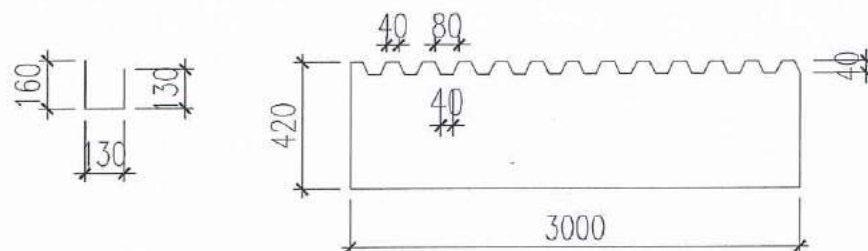


VAN ĐIỀU KHIỂN KHÍ



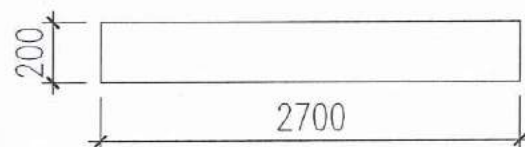
MÁNG RĂNG CỬA THU NƯỚC

- VẬT LIỆU: INOX304 DÀY 1,2MM

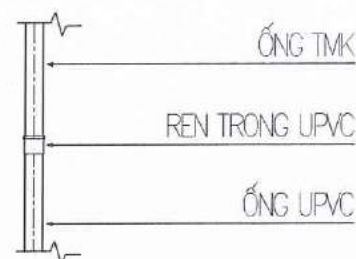


TẤM CHẮN BÙN

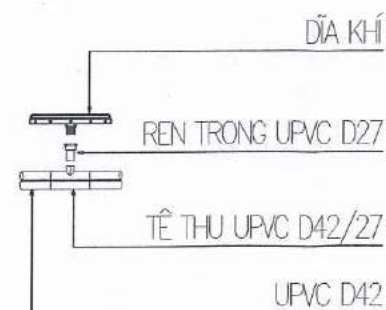
- VẬT LIỆU: INOX304 DÀY 1,2MM



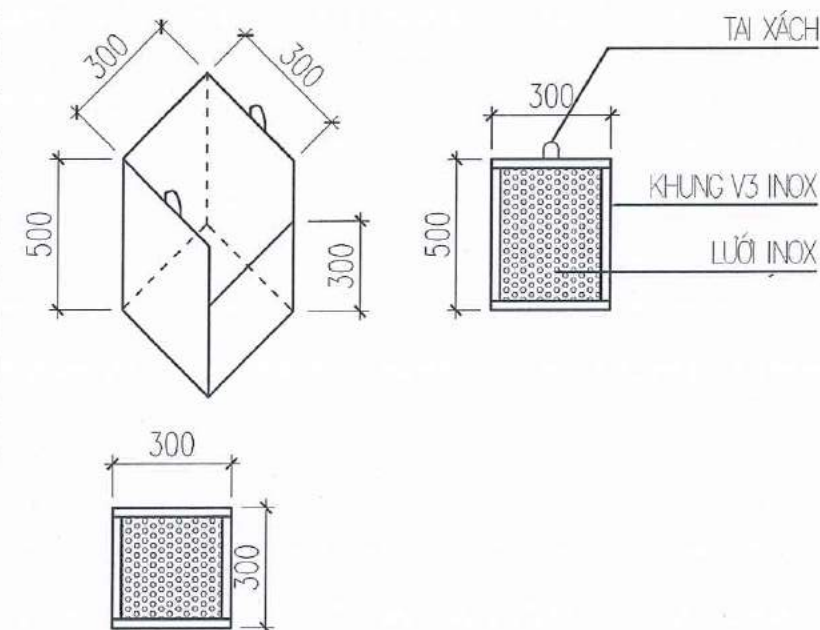
KẾT NỐI ỐNG MẠ KÈM VỚI UPVC



LẮP ĐẶT ĐĨA THỔI KHÍ



RỌ TÁCH RÁC THÔ



SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SANCHUANG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
SAN CHUANG

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XLNT SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 7M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM:
KCN CHÂU SƠN, P. CHÂU SƠN,
T. HÀ NAM

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG MINH AN

ĐỊA CHỈ: KHU 5, P. HẢI TÂN, TP. HẢI DƯƠNG

GIÁM ĐỐC:

Trần Phú Mỹ

TRẦN PHÚ MỸ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

NGUYỄN HOÀNG

QUẢN LÝ:

VŨ QUANG HÙNG

THIẾT KẾ:

LÊ VĂN HIẾN

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CƠ KHÍ

HỒ SƠ: THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ: HOÀN THÀNH: SỐ HIỆU BẢN VẼ

A3 8/2023 BV-CN-08